

# *PHE CHỐNG ĐẢNG TÂY-SƠN Ở BẮC VỚI TẬP «LỮ TRUNG NGÂM»*

▽ HOÀNG XUÂN-HÂN

Trong sử nước ta, cách-mệnh Tây-sơn có đặc-điểm này: từ một loạn địa-phương mà lần lần kéo sụp ba triều-đại. Không những lúc ban đầu là nguyên-nhân làm yếu chính-quyền chúa Nguyễn, biến thành cái mối như quân Trịnh vào Phú-xuân; mà gián-tiếp làm yếu binh-lực Trịnh bởi khuyếch-trương địa-bàn chiếm đóng. Nhờ đó, chỉ một cuộc hành quân mà NGUYỄN HUỆ đã bứt hết chế-độ đế vương ở Bắc. Những chính-biến nối tiếp sau, tuy có làm nảy ra hai mầm: vua Chiêu-thống và chúa Yển-đô, nhưng đó là hơi tàn không thể nhóm lên được.

Tuy vậy, chế-độ vua chúa đã ăn sâu vào trong trí những sĩ-phu và quân-nhân. Trước lúc mất, nó còn quần-quại chống chỏi được một kì. Các sử sách, kí tải đương thời hoặc đầu đời Nguyễn có ghi lại những biến-cổ ấy. Hoặc chép vào chính-sử như *Sử kí tục biên* (SKTB), *Lịch triều tạp kí* (LTTK); hoặc chép vào dã-sử như *Lê quý kỉ sự* (LQKS), *Lê triều dã-sử* (LTDS); hoặc chép thành tiều-sử những nhân-vật quan-trọng như trong *Lê mạt tiết nghĩa lục* (LMTNL), *Nghệ-an kí* (NAK) và *Nhất thống chí* các tỉnh, hoặc là kể rất tường-tận với những chi-tiết vụn-vật tả tâm-lí, dẫn lời, tự sự, hầu như tiều-thuyết-hóa, như trong *Hoàng Lê nhất thống chí* (HLNTC) của văn-phái họ NGÔ ở xã Tả Thanh-oai.

Những tác-phẩm ấy cũng không phải không tương-quan. Đọc càn-thận sẽ thấy tác-giả này đã trích kí-tải khác, hoặc ít ra hai tác-phẩm cùng dùng một nguồn trao tin. Ví dụ, về đoạn ta xét đây, HLNTC với LTTK có nhiều đoạn văn y như nhau; LTDS rút phần lớn ở NAK ra. Phê-bình tóm-tắt, thì sử-liệu về khoảng này nay còn ba nguồn khá chắc và khá tự chủ: 1<sup>o</sup> nhóm họ Ngô tác-giả HLNTC (Ngô Thi-Chí; bảy hồi

## 旅中吟序

天能予人以卓犖瑰異之才。忠義激烈之操。而顧使之詘于遇。至於攀  
 天下之窮。而無以加焉。是獨何哉。其將使之以其卓犖瑰異之才。以見  
 其忠義激烈之操耶。吾從大舅黎公瑤池。早飲香茗。少領秋薦。登泮  
 後。每以魁多士。馳盛名。屢舉禮部不第。既乃博覽孫吳七書。改習武業。  
 又以足疾。弗獲應舉。久之得。一布政州知州。丙午國變。宴都王晉  
 輔國政。擢副知禮番。不數月。王北行。遂奉羈勒。蠻兵再入。又扈。昭  
 統皇帝御駕于北。復國未幾。駕遷內地。公弗獲扈從。復追隨。晏都  
 王于險難中。檄諭皆出其手。特效入侍進朝伯爵。王殂。竄于南海。尋  
 避偽命。徙山西之峰州。連遭家變。志不少沮。而卒歸於無所成焉。今  
 遷于京師。病且革。以其所作旅中吟集示某。叮囑點閱。兼為之序。某歸  
 捧而讀之。其中雜以國音。有聲罪討賊之作焉。有感舊舒懷之作焉。有  
 哀輓之作焉。有酬和之作焉。而此筆問答之作。則又十居其四五也。其  
 慷慨忠憤之情。溢于言表。使人慨然以思。有韓批悽然以悲。而不知其所  
 以為也。人豈無旅也。旅豈無吟也。而何公之旅之吟之若是也。豈天固  
 厚公之才。而薄公之遇。以見公之操耶。或曰。是則然矣。此筆問答。不幾

於幻乎。曰離騷有天問。天可問。仙獨不可乎。於是乎序。

癸亥。一陽月

表從姪舊丁未科進士翰林院檢討。仁溪杜浩養甫善拜稿。  
侍中學士行奉天府督學適安侯。首己亥科進士入侍添差知工番。

立齋典道甫范潤正

### 旅中吟

故黎微臣進朝入侍瑤池伯黎輝瑤撰

公青池仁睦首  
入原名輝瑤

麥歌深有感 黍賦最堪憐

已矣陵為谷 哀哉海變田

đầu; Ngô Thi-Du: bảy hồi sau — theo *Ngô gia thế phả* — Hồi cuối là hồi thứ 15<sup>1</sup> theo bản viết của họ Ngô, có lẽ tác-giả là Ngô Thi-Thiến, mà nhóm Trần Văn-Giáp mách rằng đã dự soạn HLNTC — Xem *Lược truyện các tác gia Việt-nam*); 2<sup>o</sup> Bùi Dương-Lịch tác-giả NAK và LTDS, và 3<sup>o</sup> Nguyễn Thu hoặc Bảo tác-giả LQKS.

Đối với các tài-liệu ấy, ta phải so-sánh cân nhắc may gì mới tìm được những sử-kIỆN hoàn-toàn tin được. Còn những điểm khác, nếu không tìm thấy lí-do gì đích-xác để bác nó thì mình cũng phải tạm tin, vì kích-bác là tỏ thái-độ chủ-quan.

Ngoài các tác-phẩm trên, tôi đã từng xét một tập văn mà tác-giả cũng là một kẻ đương thời đã dự vào một phần trong tấn tuồng chống đảng Tây-sơn: ấy là tập *Lữ trung ngâm* soạn bởi LÊ HUY DAO (có tên Huy Vi). Đặc điểm là văn viết phần quan trọng văn viết bằng nôm, lối *ngâm* nghĩa là song thất lục bát. Lại xen một số thư, hịch, văn tế lẫn nôm và Hán. Nội-dung khá sơ sài nhưng liên-quan đến việc hai vị vua Lê chúa Trịnh cuối cùng chống với đảng Tây-sơn. Riêng đối với chúa Yển-đô Trịnh Bồng, có chép những tiêu-tiết mà không đâu có.

Muốn giới-thiệu tập văn ấy, tôi nhân-tiên xét lại các sách đã kê trên, đề nhắc lại đoạn sử này một cách chính-xác hơn trước, về mặt biến-cổ và nhất là về mặt thời-điểm.

## LÊ HUY-DAO VÀ TẬP *LỮ TRUNG NGÂM*

Mở đầu tập, tác-giả tự giới-thiệu:

*Cổ-Lê vi-thần tiến-triều nhập-thị Dao-trì bá Lê Huy Dao soạn*

Nghĩa là bày tôi mọn đời Lê cũ, được ban danh-dự tiến-triều, chức nhập-thị, tước Dao-trì bá đã soạn tập ấy. Đời Lê phải đậu đại-khoa mới được giữ chức lớn ở triều-đình; nhưng những người chỉ đậu hương-cống cũng có cách dự, nhờ huy-hiệu *tiến-triều* chúa ban cho, hoặc vì có tiếng hay giỏi, hoặc chỉ vì được tiến cử. *Nhập-thị* trở trung những viên-chức không phải hoãn-quan được làm việc trực-tiếp với chúa. Tước *bá* chỉ là một tước nhỏ mà đời Trịnh thường ban cho rất nhiều người cọng tác gần, hay cho các con cháu đại-thần. Thật ra, các chức tước này, Huy-Dao mới được ban trong khi chạy giặc với chúa Yển-đô.

Đầu tập, lại có chú-thích (xem Hán-văn sau phụ-trương bài tựa.)

1. Ngô Tất-Tố đã dịch theo một bản khác, gồm 19 hồi nhưng nội dung cũng như bản Ngô-gia văn phái (xuất bản Mai-lĩnh Hà nội 1945).

Ông người huyện Thanh-trì, làng Nhân Mục. Nguyên tên là Huy Vi.

Nhân-mục tức là làng Mục ở kể phía tây Thăng-long; cũng là quán của Đặng Trần-Côn.

Sau đây là lời tựa tập *Lữ trung ngâm* do cháu họ Đỗ Linh-Thiện, tiến-sĩ, đã soạn và hoàng-giáp Phạm Qui-Thích nhuận-chính.

Tựa *Lữ Trung Ngâm* :

Trời đã phú cho cái tài lỗi-lạc, cái tiết rắn-rỏi, mà lại xui gặp vận chẳng may để đến nỗi cả thiên hạ bị mất ; khiến nên tài ấy tiết ấy không thi-thố được. Tại sao một mình ông bị như vậy ? Phải chăng trời muốn lấy cái tài lỗi-lạc để làm rõ cái tiết rắn-rỏi kia chăng ?

Ông cậu họ tôi, là LÊ DAO-TRÌ, đã nổi tiếng sớm. Trẻ đậu hương. Sau thi hội mãi không đậu. Bèn tìm đọc binh-thư, tập võ-ngệ. Nhưng vì có tật ở chân, không được đi thi võ. Sau mãi mới được bổ chức tri-châu Bồ-chánh.

Đến năm biến Bình-ngọ (1786), chúa YẾN-ĐỒ phụ quốc-chính, bèn cất ông làm phó-tri Lễ phiến. Chưa được vài tháng, chúa chạy lên Bắc (xứ Kinh-bắc, chạy vì Nguyễn Hữu-Chính đem quân tới đuổi). Ông bèn hộ-tùng.

Đến lúc quân Tây-sơn lại tới, ông lại hộ vua CHIÊU-THỐNG chạy lên Bắc (xứ Kinh-bắc. Ý chừng ông đã rời chúa sau khi thua trận Đông-hồ — sẽ xem sau —) Vua lấy lại được nước, rồi chẳng bao-lâu chạy vào Nội-địa.

Ông không theo kịp, bèn trở lại theo chúa Yến-đô ở trong gian-hiềm. Các hịch, dụ, đều từ tay ông thảo. Chúa bèn ban cho tiến-triều và tước bá.

Sau khi chúa mất, ông trốn ra vùng bờ Nam để tránh mệnh Tây-sơn đòi dùng. Rồi sau dời tới ở Phong-châu, tại Sơn-tây. Gặp gia-biến liên liền, mà chỉ ông không nhụt. Thế mà chung qui, không thành-tựu gì.

Nay (1803), ông dời về ở nhà tại Kinh (Thăng-long. Bấy giờ Gia-long đã lên ngôi ở Phú-xuân, nhưng đây là lời người Bắc không phục). Ông ốm nặng. Bèn lấy tập *LỮ TRUNG NGÂM* mà ông đã soạn, đưa cho tôi xem ; đính-ninh dặn điếm-duyet và đề tựa.

Tôi cảm về đọc. Thấy trong tập có tạp-dụng quốc-âm ; hoặc đề kẻ tội mà đánh giặc mà làm ; hoặc đề tả lòng cảm-cự mà làm ; hoặc đề khóc viếng người thân mà làm ; hoặc đề thù họa với người khác mà làm. Nhưng thơ nói chuyện với các tiên thì lại chiếm đến bốn năm phần mười.

Tình khảng-khái trung-phẫn tràn-dào ra lời, khiến người đọc khảng khái rồi nghĩ, thâm-thẩm rồi xót, mà không rõ có vì đâu. (Có chữ nét son phê bình: mỗi chữ là một giọt lệ). Ai mà không trọ đất khách. Trọ đất khách, ai lại không làm thơ. Nhưng sao mà sự trọ đất khách, sự ngâm trên đất khách của ông lại như thế này? Phải chăng trời sẵn đãi cho ông về tài, mà bạc với ông về ngộ, để làm rõ tiết-tháo của ông? Hoặc có kẻ trả lời rằng đúng như vậy.

Còn như nói chuyện với tiên, không chừng ấy là huyền-ảo chăng? Xin trả lời: thiên LI-TAO có đoạn Hỏi Trời; Trời còn hỏi được, thì Tiên sao lại một mình không hỏi được?

Đấy là lời tựa.

Năm Quý-hợi (1803) tháng giêng.

Cháu biều-tùng-diệt là tiến-sĩ khoa Đinh-mùi đời Lê (1787), hàn-lâm-viện kiểm-thảo, hiệu Nhân-khê, Đỗ Hạo-dưỡng-phủ Thiện (Đỗ Linh-Thiện, heo Đăng khoa lục) kính soạn.

Thị-trung học-sĩ, đốc-học phủ Phụng-thiên, Thích-an-hầu, tiến-sĩ khoa Kỷ-hợi (1779) đời Lê, trước làm nhập-thị thiềm-sai tri công-phiên, Lập-trai-phủ Phạm (Quý-Thích) nhuận chính.

Kề đề tựa là Đỗ Linh-Thiện, cũng người làng Mộc, đậu tiến-sĩ khoa thi cuối của triều Lê, khi mới mười tám tuổi. Bấy giờ 34 tuổi. Tuy năm là niên-hiệu Gia-long thứ hai, nhưng cố-ý đã không đề như vậy, đề tỏ lòng trung với Lê. Tuy đã phải chịu chức đốc-học ở Thăng-long, nhưng Phạm Quý-Thích cũng vào nhóm *tu Lê* như Lê Huy-Dao và Đỗ Linh-Thiện. Bản viết cũ tôi đã được đọc vẫn kiêng các tên thường húy đời Lê.

Bình-phẩm văn thơ cậu mình, theo ý muốn cậu mình đang ốm nặng, Đỗ Linh-Thiện đã quá lời khen. Theo ý tôi thì văn nôm cũng như văn chữ phần lớn trong *Lữ trung ngâm* không lấy gì hào-nháng lắm. Nhưng tập ngâm ấy quý vì trước hết nó là một chứng trực-tiếp của một người đang cuộc, mà chứng bằng văn nôm. Sau lại, tuy các tịch, các dụ đánh Nguyễn Hữu-Chỉnh hay là đánh Tây-son, không có hiệu quả gì, nhưng nó chứng sự sĩ-phu ở Bắc vẫn trung-thành với vua chúa cũ. Riêng về Trịnh Bồng thì các kí-tài đều không biết đến hành-động cuối cùng. Trái lại Huy-Dao đã cho biết một cách chính-xác khoảng đời ấy đến khi mất.

Nhưng tiếc rằng về phần lịch-sử thì kể chuyện rất sơ-sài, không những không cho chi-tiết gì, mà cho đến những sự-kIỆN chủ-yếu cũng

thường chỉ dùng lời văn trau giồi ám chỉ mà thôi. Tuy vậy trong lời chú, thỉnh-thoảng có ghi một vài thời-điểm quan-trọng giúp ta so-sánh với các kí-tài khác để xác-định về thứ-tự thời-gian. Ví-dụ ngày Quang-trung mất. Ở hai nơi Huy-Dao đã dẫn rằng: *năm Nhâm-tí (1792) tháng mạnh-thu (bảy) Nguyễn Huệ mất*, khác với hai chính-sử *Đại-nam liệt truyện* của ta và *Đại Thanh thật lục* của Trung-quốc, cả hai sách đều chép vào tháng chín như nhiều sách khác. Thế mà sự thật chắc chắn là Quang-trung mất ngày 29 tháng bảy, đúng tháng bảy như sách *Đại-nam thật lục* chép và phù hợp với lời thư của các giáo-sĩ Pháp Guérard và Labousse gửi về Paris. Trong bài *Ngày giờ Quang-trung mất* (báo *Dư-luận* số 28, Hà-nội 1946 hoặc sách *La sơn phu tử* trang 156), sau khi chứng-minh sự lầm ngày quốc-tế Quang-trung, tôi đã đoán rằng triều-đình cố giấu hung-tín trong hai tháng để đầu dối với vua Thanh. Thuyết ấy được nhận đúng nhờ lời thư của giáo-sĩ Longer gửi cho Blandin ngày mồng 10 tháng 2 năm 1793: *cái chết của tiếm-vương Quang-trung được giữ bí-mật gần hai tháng trời...* (xem lời dịch của Đặng Phương-Nghi, *Sử-địa* số 13, 1969, trang 152).

Trong khi so-sánh các kí-tài của ta, tôi cũng đã dùng những chứng được thấy trong các thư giáo-sĩ. Còn về kí-tài của ta thì tôi nay ở xa nguồn, chưa thể bổ-túc những điều đã lược được trước đây hai mươi năm. Vậy những điều sẽ trình bày chắc còn tu-bổ hoặc cải-thiện hơn.

Trở lại phần Hán-văn trong *Lữ trung ngâm*, các thơ trao đổi với các "vị tiên" mà trong lữ-thứ Huy-Dao hay cầu, nó chiếm gần hết tập. Trái với phần liên-quan đến sử, trong đoạn này Huy-Dao lại chép rõ đêm nào cầu lên những tiên nào, nào *Lí tiên* (Lí Thái-Bạch), nào *Lã tiên* (Lã Động-Tân), nào *Hàn tiên* (Hàn Tương), nào *Hải-thượng đạo ông* (?) cho đến *Phủ Huyền* chính là con trai mình, từng đã theo cha tị-ẩn, bị chết năm ba mươi tuổi; từng hầu chuyện với tiên và được tặng hiệu *Phủ Huyền* ! Trong khi tiên giáng, hoặc tiên ban thơ, ông họa; hoặc ông xin thơ tả cảnh tả tình thay ông. Lại xin thơ về thời-sự. Ta phải nhận rằng các thơ của "tiên" hoặc của ông, lời nhẹ nhàng hay hơn thơ ông khi còn theo chúa. Ông không nói rõ cách ông cầu tiên, cho nên không biết ai cầm "bút" cảnh đào, hoặc con cơ để viết hộ "tiên". Con trai ông chẳng? Bạn văn ông chẳng? Dẫu sao, những thơ này không vì dính đến sợ huyền-ảo, hay hoang-đường, mà không giá-trị về văn và về tâm-lí chính-trị. Các nho-sĩ điển-hình như Đỗ Linh-Thiện và Phạm Quý-Thích, cũng hơi ngờ nhưng không nở bác. Cho nên trong tựa đã khéo đưa chuyện *Thiên văn* trong *Sổ-từ* của Khúc Nguyên ra mà bình-luận âm-ò.

Về thân-thế Huy-Dao, theo *Lữ trung ngâm* mà đoán thì khi Nguyễn Hữu-Chỉnh tới Thăng-long lần thứ hai (tháng chạp năm Bính-ngọ, đầu 1787) ông theo chúa Yển-đô chạy về Quế-đ, huyện Quế-dương, xứ Kinh-bắc. Thảo hịch đánh Chỉnh ở đó. Sau khi doanh-đồn Quế-đ bị vỡ (tháng giêng năm Đinh-mùi 1787), ông theo chúa chạy đi Hàm-giang ở Hải-dương, *Đình Tích-Nhưông* đưa ra đóng ở Đờ-son. Ông vẫn giữ chức nội thị làm việc từ-hàn. Tháng hai lại cùng chúa trốn Nhưông đi Bắc-trạch, huyện Chân-định (nay Trực-định) gần cửa Lân và cửa Ba-lát. Cuối tháng ba, thủy-quân Đình Tích-Nhưông bị đánh vỡ ở đó. Chúa được rước về Đông-hồ thuộc huyện Đông-quan (gần Thái-bình). *Bùi Khuông*, con nhà thế-gia vùng ấy tổ-chức dân-quân giữ vững trận thế trong bốn tháng mới tan. Chúa chạy ra Yên-quảng rồi trá hình để ẩn lánh tại các chùa vùng Lạng-son. Chắc rằng Huy-Dao không chạy theo chúa nữa và có lẽ ẩn lánh ở vùng Đông-quan. Nhưng cũng có thể rằng ông không tới Đông-hồ với chúa và đã chạy theo Đình Tích-Nhưông, bởi vì trong *Lữ trung ngâm* không hề nói đến việc Đông-hồ, và sau đó một năm ông lại giúp từ-hàn cho Nhưông.

Trước đó, vào đầu tháng chạp năm Đinh-mùi (đầu năm 1788) Vũ Văn-Nhậm ra Thăng-long đánh Chỉnh. Vua Chiêu-thống cùng Chỉnh chạy lên Mục-son thuộc Kinh-bắc. Chỉnh bị bắt rồi bị giết, vua chạy trốn. Huy-Dao được thư của Bùi Bật-Trực, khâm-sai tán-lí đạo Sơn-nam có lẽ bảo giúp việc cần-vương. Ông thảo bài hịch *dụ bốn phương cần vương đánh Tây* gửi nhờ Bật-Trực chuyển lên vua. Vua ban cho ông huy-hiệu *tiển triều*. Tuy vậy, hình như ông không hề gặp Chiêu-thống trong khoảng này.

Cuối năm sau, Mậu-thân, khi quân Thanh đã đóng ở Thăng-long (đầu 1789) ông làm hộ Đình Tích-Nhưông bức thư gửi cho tướng Thanh xin cấp bằng cho giữ Sơn-nam để chặn ở Vị-hoàng. Rồi Chiêu-thống nhận sắc phong (22 tháng chạp) lo chuyện lập triều-đình, thi ân oán. Yển-đô vương từ khi ẩn vùng Lạng-son bị lộ, được các phiến-thần ủng hộ, nhưng bị dân chúng chống đuổi, đã chạy về xuôi và cuối cùng lánh ở vùng huyện Kim-bảng, phía nam Thăng-long. Chúa về châu, được tha thứ nhưng giáng xuống tước Huệ-địch công, nghĩa là mất chức quyền chúa. Không rõ bây giờ Huy-Dao có về không. Chỉ biết rằng, sau ngày tết năm sau, Kì-dậu (1789), quân Thanh bị diệt, Chiêu-thống chạy lên Bắc-Trịnh Bồng chạy về Tây. Dực-vũ công Lê Duy-Chỉ, em Chiêu-thống, chạy về Tuyên-quang. Rồi thấy Quang-trung được

vua Thanh sắc phong, cả hai cánh, Bồng và Duy-Chỉ, tự lo chống Tây-sơn ở Bắc. Còn Huy-Dao thì trở lại lánh nạn gần bờ vùng Thái-bình, tại làng *Thụ-triền* thuộc huyện Thanh-lan (nay đổi Thanh-quan). Sau khi bắt liên-lạc với Trịnh Bồng, lại được gọi về Sơn-tây giúp việc từ-hàn như trước.

Tháng tư năm sau, Canh-tuất (1790), Huy-Dao thảo bức thư lấy lời Bồng gửi cho Duy-Chỉ ở Bảo-lạc (ở biên-thùy Hà-giang ngày nay) đề-nghị « *phàm cơ-nghi đánh dẹp cùng nhau hiệp-đồng thương nghị* ». Bấy giờ Bồng lại tự coi mình là chúa, ban cho ông chức *nhập thị*. Duy-Chỉ trả lời chấp thuận; lấy danh-nghĩa nhà Lê mưu phục quốc. Huy-Dao thảo các văn tế Trời Đất, tế Bách thần, tế các vua trước và tế các chúa trước.

Vào tháng mười một, ông thay lời Hoàng-đệ Duy-Chỉ viết các hịch bằng văn nôm: dụ các người trung nghĩa (ở Bắc), dụ phiên-thần các xứ, dụ hai xứ Thanh Nghệ. Bấy giờ sự kháng địch coi chừng có tờ-chức. Ông theo lệnh truyền mật chỉ cho các người cần-vương chung quanh Kinh đô. Ông ghi rõ rằng:

« *Về văn-ban, quan tham-tụng cũ Tứ-xuyên hầu (Phan Duy-Phiên hoặc Trọng-Phiên, quê Đông-ngạc cạnh hồ Tây) được nhận hai mươi hốt bạc; các quan đốc-đồng Nguyễn Duy-Khiêm, Lê Công-Thạc, Lê Đăng-Cử đều nhận được mật-chiếu. Về vũ-ban, Quân-vũ hầu<sup>1</sup> ở đạo Bắc, Can-vũ hầu ở đạo Đông, Vạn-vũ hầu (con Hoàng Phùng-Cơ) ở đạo Tây đều nhận được mật-chỉ. Diễm-trung hầu, Hoa-đỉnh hầu, Vinh-trung hầu thì được vi-thần (tiếng nói khiêm tỏ mình, nghĩa là tôi mọn) trực-tiếp trao mật-chỉ làm nội ứng (ở Thăng-long).*

Từ tháng mười năm ấy (Canh-tuất 1790). Trịnh Bồng náu ở huyện An-son, phía tây Thăng-long đề lo sự đánh úp thành này. Nhưng sau khi giao quyền cho Huy-Dao và các bày tôi khác tờ-chức, lại đi vùng thượng-du, rồi đầu năm sau (Tân-dậu 1791, chừng tháng giêng) mất tại

---

1. Nên đề ý đến cách mệnh danh các quan võ đời cuối Lê đầu Nguyễn. Thường đều ban tước vì vào thời loạn thì ai chẳng có chút « *quần-công* ». Phần lớn tiếng đứng đầu đặc-hiệu tước là tên húy của người mang tước và vào trường hợp ấy thì chữ thứ hai thường là Vũ, Trung,.. hay một tính-tự khác tượng trưng đức tính tốt. Ngoài ra thì lấy tên một núi, sông, hồ, gần quê quán người mang tước mà đặt danh hiệu cho tước, như Bạng-lĩnh hầu cho Nguyễn Hữu-Chỉnh, Hồng-lĩnh hầu cho Nguyễn Khản, Tứ-xuyên hầu cho Phan Duy-Phiên.

*Cao-lũng*. Tin ấy vừa đưa về thì cuộc âm-mưu tập-kích Thăng-long bị lộ vì Tín-vũ hầu làm việc không kín. Nhiều đồ-đảng bị hại.

Thất vọng đủ mọi đường, Huy-Dao lại đưa vợ con trốn đi vùng Thái-Bình, bắt đầu ngụ tại làng *Thùy-dương* thuộc huyện *Thụy-anh*. Ông làm lễ chịu tang chúa ở đó. Bài văn tế bằng Hán-văn và bài văn tế khi hết tang nay còn. Rồi cũng trong năm Tân-hợi ấy (1791), *Lê Duy-Chi* bị Hoàng Văn-Đồng phản nên bị quân Tây-sơn bắt giết ở Tuyên-quang. Con đầu Trịnh Bồng ngầm mưu báo-phục sau khi cha mất, cũng bị tên phản-bội tố-giác bèn mất. Huy-Dao có làm những bài văn, bằng Hán-văn; nay còn.

Ở *Thùy-dương* huyện *Thụy-anh*, hình như ông cũng sợ lộ, nên mùa đông năm ấy, lại chạy sang ở xã *Sơn-đường* cùng huyện. Cả hai làng ấy đều tọa-lạc trên ven bể. Ngoài khơi có nhóm đảo Hòn Đâu, phương bắc có núi Tháp-sơn (Đồ-sơn) và núi Cứu-long. Cảnh-trí rất đẹp, vì cảnh, vì tình, trong khoảng này ông rất nhiều thi-tứ. Cho nên đã cầu tiên luôn luôn đề đề vịnh với tiên trong suốt mấy năm. Với óc chính-trị của ông, ông không khỏi phông-vấn các tiên về chính-trị! Đêm mồng 9 tháng sáu năm sau, *Nhâm-tí* (1792), *Lã tiên* (Lã Động-Tân) giáng, họa các thơ mà năm hôm trước tiên *Hải-thượng đạo-ông* đã ban và ông đã họa. Trong thơ của *Lã tiên* lần này có hai vế:

*Nhật quang khả tây trung thần cồ*  
*Triều lộ nan thu bão chúa kim*

(ánh mặt trời có thể rửa giận của kẻ trung-thần khi trước; móc buổi sáng khó thu? (bão-chúa ngày nay).

Vế dưới nghĩa gì? Đối với Huy-Dao thì sau khi Quang-trung mất, câu thơ ấy là một câu sấm. Sự Quang-trung mất là biến-cổ độc nhất làm cho ông sung-sướng trong khoảng này. Ông có để lại bài thơ thất-ngôn bằng Hán-văn *Mừng kẻ thù là Quang-trung Nguyễn Huệ chết*, với lời dẫn rằng:

*Năm Nhâm-tí (1792) tháng mạnh-thu (bấy), Nguyễn Huệ chết. Bấy giờ tôi ở trọ tại làng Sơn-đường huyện Thụy-anh. Thành linh nghe ngụy khâm-truyền cho dân sở-tại đề tang và cấm ca xướng. Tôi thành linh múa nhảy mà làm thơ mừng.*

Thơ ấy, tôi sẽ dẫn sau. Có sự lạ là hình như triều-đình không giấu tang đối với dân trong nước, mà chỉ giấu người Thanh. Thế thì sao mà giáo-sĩ Pháp Longer lại biết chuyện giấu.

Cũng trong mùa thu ấy, Huy-Dao lại trở về xã Thủy-dương. Đầu năm sau Quý-sửu (1793), sau khi làm lễ trừ-phục (hết tang) Yên-đô vương, ông mời con thứ hai chúa về đó mà nuôi, đổi họ tên rồi cùng đi học với các trẻ con khác. Đến mùa xuân năm sau, Giáp-dần (1794), con chúa cũng mất. Ông làm lễ táng ở làng ngụ-cư đọc văn tế, nay còn. Các dòng Vua Lê, chúa Trịnh đến bấy giờ là hết. Có lẽ còn con chúa Đoan Trịnh Tông, nhưng không biết ra sao.

Bấy giờ, thị-trung Ngô Thị-Nhậm đi sứ cáo tang Quang-trung đã về, và hình như không được trọng dụng như đời vua trước, chỉ chuyên về việc tông-tài, nghĩa là soạn sử. Thị-Nhậm theo gương Trần Văn-Ki dỗ mình hồi trước, viết thư mời các danh-sĩ còn ở ẩn, như Trần Danh-án, Vũ Trinh. Năm Ất-mão (1795), có hàn-lâm người Tào-xá họ Lê, trước đậu giải-nguyên, vâng ý Thị-Nhậm ước tình Huy-Dao. Thấy chỗ ẩn đã lộ, ông bèn đem cả gia-đình chạy xuống phía nam, ngụ ở xã *Kiên-lao* huyện *Giao-thủy*.

Vận rủi vẫn kéo dài. Đêm 26 tháng hai năm sau (Bính-thìn 1796), con trai ông, đã ba mươi tuổi, từng chạy theo ông, không bệnh mà mất. Ông đau xót vô-cùng. Theo lời ông chép lại, con ông rất thông minh, học rộng, nhớ nhiều; văn-chương rất thanh kì. Thường hầu thơ với các tiên và đã được ban cho hiệu *Huyền-phủ*, nghĩa là có tiên-cốt. Ông nhắc lại rằng đêm 27 tháng năm năm *Nhâm-tí* (1792), nghĩa là bốn năm trước khi mất, con ông đã hỏi tiên về tiền-trình mình. Tiên đã trả lời bằng một bài thơ, trong có hai vế: *Nhân tiền sự nghiệp tu vô vấn, Thân hậu công danh tông thị không*; nghĩa rất rõ: sự nghiệp trước mắt nên đừng hỏi, công danh sau này hoàn toàn không. Thây trả lời như vậy, ai mà chẳng sững-sốt. Lại hỏi thêm thì tiên cho thêm hai vế, dịch như sau: *Ông hỏi tiền-trình thôi hãy hờm, Khiến người xa ngóng chuyền thành không*. Đối với cha con ông rất tin về việc cầu tiên và về tiền-định, như hầu hết người đương-thời, thì những câu đoán vận-mệnh kia đã làm buồn-bã lo âu năm này sang năm khác trong bốn năm liền. Ông táng con ở *Kiên-lao* và đề hai câu đối, nay còn. Câu thứ hai đề:

*Nhược bằng tiên bá tứ nhi thi, mang mang Nhược-thủy Bồng-sơn,  
thử nhật tiêu dao nghi hữu cảnh. Chỉ trướng trần-gian di ngã thích, tịch tịch  
tha hương khách địa, đương niên tư vọng hận vô đài.*

Nghĩa: Nếu theo Tiên bác tặng thơ con, một-mờ. Nhược-thủy Bồng-sơn, nay đã tiêu-dao chừng sẵn cảnh. Chỉ khò trần-gian ta chịu

xót, thui thui tha-hương khách địa, hằng năm ngóng tưởng giận không bờ.

Khi hết tang con, ông bốc mộ con đem về làng Nhân-mục táng (có lẽ năm Kỉ-mùi 1799). Nhưng lại bị viên tả thị-lang bộ hình, Liên-hương hầu tiến-cử đề dạy con viên điện-tiền đại-tur-khẩu (có lẽ là Vũ Văn-Dụng, xem *Đại nam liệt truyện* sơ-tập, quyển 30, chuyện Nguyễn Quang-Toản). Bấy giờ, nhân ở làng, tiện-đường chạy đi Sơn-tây, trốn ở thôn Bạch-hạc (Việt-tri). Ở vùng này, xem chừng được yên-ôn, và lại gần những bạn văn. Phong-cảnh cổ-tích có nhiều nơi đáng đề vịnh. Tập *Lữ trung ngâm* còn đề một số thơ đề hai cò-miếu, thơ tặng tiến-sĩ *Đỗ Linh-Thiện* (người sau đề tựa tập này), họa thơ tiến-sĩ *Nguyễn Thì Ban*, thơ lừng giải-nguyên *Phan Huy Dung*.

Hai năm sau, vợ ông bị bệnh « hàn thấp », xem chừng nên nặng. Đêm mồng 2 tháng 3 năm Tân-dậu (1801), ông lập đàn cầu tiên xin bài thuốc. Theo lời kể lại, sau khi tiên giáng, ông hỏi hiệu thì tiên viết hai chữ *Lê Huyền* và đề mấy câu thơ ý nói hôm này mới về hầu mẹ đề tỏ tâm trường. Như vậy ông yên-trí con mình đã thành tiên. Tiên lại cho bài thuốc (còn chép lại) và ngỏ ý bệnh khó chữa. Từ đó ông lại cầu tiên luôn, hoặc đề nói chuyện với con, hoặc xin thơ của Lí tiên, hoặc hỏi bệnh-tình vợ.

Nhưng cũng không vì vậy mà ông không nghĩ đến chính-trị. Và bấy giờ quân của thượng-công Nguyễn Phúc-Chủng (Gia-long) đã kéo ra chiếm Qui-nhơn và lấn dần ra vùng Quảng-ngãi. Trong đêm rằm tháng ba, ông hỏi Lí tiên rằng *hiện nay Nguyễn công có thể đem đại quân tới không?* « Tiên » trả lời ảm-ơ bằng bốn chữ : *thử diệt nhất hội* (bây giờ cũng là một cơ-hội) và cho một bài thơ, kết bằng : *Đan tâm khá ái kiên như phát, Phán lão hoàn đồng diệt nhất cơ* (Lòng son khá mền bền như tóc, Đồi già ra trẻ cũng là dịp) Ông không từ chối, trong thơ ông họa lại đã kết bằng câu : *Hoàng đồng tha nhật phù thanh-dụ, Bang hữu toàn bằng tạo hóa cơ* (Trẻ lại ngày nào như đã bảo, Toàn nhờ máy tạo hóa giúp cho).

Tháng tư, bệnh-tình vợ khá bớt, thể sắc trở lại như cũ. Về việc nước, thì các biến-cố rất quan-trọng giồn-giập tới. Tháng năm (Tân-dậu 1801) Nguyễn công thu-phục Phú-xuân. Quang-Toản chạy ra Thăng-long, đòi niên-hiệu Cảnh-thịnh ra Bảo-hưng, mở một triều-đình mới ở cung-điện vua Lê. Không thấy ông ghi lại tinh ý đối với sự ấy. Có lẽ ông bắt đầu mừng, nhưng khi không thấy quân Nguyễn công đuổi theo, ông đã

hoang-mang. Rồi đến tháng mười, vợ ông thốt nhiên thở dài vài tiếng mà mất. Ông còn để lại một câu đối và một bài trường-thiên khóc vợ khá lâm-li. Nhưng lời kết tỏ về ông rất phấn-khởi vì thời-cuộc, khác hẳn hồi con mất.

Tháng mười một lại hỏi tiên về quốc-sự, rồi cùng quan binh-chương cũ người Kim-lũ (chắc là Nguyễn Huy-Túc trước đã đưa gia-quyển Chiêu-thống tự Cao-băng chạy sang Trung-quốc) mưu khởi chống Tây-sơn. Nhưng ốm, ông làm bài khẩn cầu Trời phù-hộ; nay còn. Quang Toản đưa quân vào Quảng-bình, bị thua to. Ông bèn tự mình bịa ra lời của Nguyễn công làm bài hịch *Dụ Bắc-thành trung nghĩa hào kiệt* gửi cho các người quen mọi nơi, tỏ ý đang đem quân ra Bắc diệt giặc phù Lê, và bảo những người trung-ngĩa với Lê cất quân đánh giặc. Bài hịch giả-mạo này làm bằng nôm. Nay còn.

Đó là hành-động chính-trị cuối cùng của ông. Năm sau, mồng hai tháng năm năm Nhâm-tuất (1802), Nguyễn công lên ngôi Hoàng-đế ở Phú-xuân, sai sứ sang Thanh cầu phong, rồi đưa quân ra đánh Bảo-hưng. Bấy giờ ông mới tỉnh mộng phục hưng nhà Lê. Tháng chín năm ấy, lại được tin Chiêu-thống đã mất ở Yên-kinh. Ông nhà nho đành làm lễ tang-phục ngành về bắc mà khóc và đọc một bài văn tế. Ấy ngày 29 tháng chín. Bài văn tế viết bằng Hán-văn, nay còn.

Xong rồi, ông lại lìa Bạch-hạc, đi đến huyện Phù-khang (Phù-ninh ở phía tây Việt-tri), trọ ở xã *Hạ-hoàng*, thôn *Vinh-xá*. Ở trong đình làng trên núi, để giữ tang. Rồi lo bề ở lại lâu dài, mở trường dạy học để tránh khỏi phụng-sự triều mới. Nhưng vì bệnh, nên năm sau Quý-hợi (1803), ông phải về Bắc-thành dưỡng bệnh. Ông gặp lại những văn-hữu hoặc đồng-chí cũ. Ông mới đưa tập *Lữ trung ngâm* cho tiến-sĩ Đỗ Linh-Thiện xem. Như ta đã biết, ông này đề tựa vào tháng mười một, thì cũng tháng ấy Lê Huy-Dao mất. Không biết ông thọ bao nhiêu. Nhưng biết rằng năm 1796 con trai ông đã ba mươi tuổi. Vậy còn sinh năm 1767. Ông cưới vợ trước đó một năm. Từ đó mà suy thì ông sinh vào khoảng hai mươi năm trước đây, nghĩa là vào khoảng năm 1747, và ông thọ chừng 55 tuổi.

### LỮ TRUNG NGẨM

Cổ Lê vi-thần Tiến-triều Nhập-thị Dao-trì bá

Lê Huy-Dao soạn

(ng. ch. Ông người huyện Thanh-trì, làng Nhân-mục. Nguyên tên là Lê Huy-Vĩ)

#### I. (ĐỀ TỬ)

- 1 Mịch ca thâm hữu cảm  
Thử phú tối kham liên  
Di hi lãng vi cốc
- 4 ai tai hải biến điền

( dịch : )

*Ca Mịch ngâm rất thâm  
Thơ Thử ngẫm càng đau  
Ôi thôi ! Cồn hóa vực  
xót nhĩ ! Biển thành dâu*

#### Thích nghĩa

- 1. *Mịch-ca* : bài ca của Cơ-tử di-thần nhà Thương làm khi qua kinh-đô cũ nhà Thương chỉ thấy lúa mọc mọc trên nền thành cũ mà buồn.
- 2. *Thử phú* : thơ của một đại-phu nhà Chu làm khi đi qua cung miếu nhà Chu hồi thịnh, mà chỉ thấy lúa kê mọc kê rậm-rì.

#### 2. TỪ NGUYỄN HUỆ ĐUÔI TRỊNH KHẢI ĐẾN NGUYỄN HỮU-CHÍNH ĐUÔI TRỊNH BỒNG

- 5 Lê hoàng tử có Nam-thiên  
Dấu vương nền để dõ truyền vân nhưng  
Trái sáng-nghiệp trung-hưng sau trước  
Kề năm đà đượ ngoại ba trăm  
Đưng cơn chim nhạn êm dằm
- 10 Bồng duênh Đông-hải tắm kính rắp go  
Dòm quốc-đô vừa khi binh-biến  
Chiếc cánh bằng khéo quuyến lông hồng  
Tưng-bưng lửa hồ tứ-tung  
Đã miền Ô Lí lại vùng Hoàng-châu

(... tiếp theo trang 16)

## PHE CHỐNG ĐẢNG TÂY-SƠN Ở BẮC VỚI TẬP « LỮ TRUNG NGẨM »

▽ HOÀNG XUÂN-HÃN

Thích nghĩa

6. *Ván nhưng* : chấu chắt lâu đời sau
7. *Sáng nghiệp* : lập ra triều vua; trở Lê Lợi. *Trung-hưng* trở Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng diệt Mạc lập lại Lê. Nên đề ý đến *văn được ở về sau ở vào chữ thứ tư*.
9. *Nhạn ém đằm* : văn từ trở sự không có giặc-giã. Nhạn ở ao đầm kêu, tượng trưng sự loạn.
10. *Đông hải* : ng. ch. Nguyễn Hữu-Chỉnh quê ở làng Đông-hải. *Rắp go* : nguyên viết hai chữ Hán : *lập* (đứng) *cô* (cối). Nếu lấy nghĩa chữ Hán (*cô-lập*) thì không thông ý. Chắc đó là nôm. Chữ *lập* thường đọc *rắp*. Còn chữ *cô* thì ý và âm ra sao? Hoặc là bảo đã chép lầm? Lấy ý cả hai về 9 và 10 mà đoán, thì thấy đây tác-giả muốn nói : thời đang yên mà mầm loạn đã gây ra từ Chỉnh. Tác-giả lại dùng lối văn chơi chữ mà dùng điển *tấm kính* (sóng gợn bởi cá kính, trở giặc dữ) lẫn với *nhạn đằm*, bề Đông. Giả như viết « *tấm kính nhấp-nhỏ* » thì nghĩa cũng thông. Hoặc *rắp nhỏ*? nhưng theo tự-dạng thì không thể có sự viết lầm như thế. Tôi đành tạm đọc : *rắp go*, tiếng *go* nay còn có nghĩa là co, kéo lại, rút, gấp lại; và lấy nghĩa : mặt nước đang bằng bỗng go lại.
11. *Bình biến* : trở loạn kiêu-bình giết Hoàng Đình-Bảo chủ-tướng của Chỉnh. Cho nên Chỉnh sợ chạy vào hàng Tây-sơn.
12. *Cánh bằng... lông hồng* : trở Chỉnh đi rủ quân Tây-sơn đánh ra. Bằng-linh hầu là trước của Chỉnh. Quân Tây-sơn cầm cờ đỏ có tháp lông gà nhuộm đỏ, gọi là cờ hồng-mao. Đây tác-giả dùng điển và chơi chữ. Cánh hồng lại trở kể có đại-chi đi xa lập công.
13. *Hỏa-hồ* : ng. ch : Hồi ấy Tây-sơn hay dùng hỏa-hồ, tức là thuốc cháy bắn bằng hỏa-tiền.
14. *Ô Li... Hoàng-châu* : trở quân Tây-sơn lấy vùng Thuận-Quảng rồi ra lấy đất vua Lê.

- 15 Giả tôn-phù chín toan te-nghé  
 Dưới Vương-cung chẳng nề ti hào  
 Cân công đức biết là bao  
 Phụ nghi như CHÍNH nữ nào cho cam  
 Đau đớn đức ĐOAN NAM tuổi trẻ
- 20 Minh muôn vàng xem nhẹ mảnh lông  
 Trái tuần tặc-đảng tán không  
 Thánh hoàng tưởng lại tiền công thêm ngừng  
 Khâm sách vâng đại quân hữu mệnh
- 24 Yến-đô vương phụ chính như xưa

*Thích nghĩa*

15. *Chín*: chỉ những. *Te nghé*: dòm rình để trộm. Trở sự giả nói phù Lê diệt Trịnh mà cướp nước.
18. *Phụ nghi*: bội nghĩa làm tôi.
19. *Đoan-nam*: Chúa Trịnh Khải hay Tông.
20. *Nhẹ mảnh lông*: ng. ch: Hồi ấy Vương làm quốc-súy mà bị chết. *Mệnh người bị chết yếu, mỏng-mạnh như lông*. Trở sự Trịnh Tông thua trận ở bến Tây-long, rồi chạy đi Sơn-tây, bị kẻ phản bắt, bèn tự-vẫn.
21. *Trái tuần*: qua vài mươi ngày. *Tán không*: trở quân Tây-son bỏ Thăng-long mà hoàn toàn rút lui.
22. *Ngừng*: buồn, rầu nét mặt. Trở sự vua Chiêu-thống nghĩ đến công các chúa Trịnh trước mà buồn (ý riêng tác-giả).
23. *Khâm sách*: tuyên chỉ của vua để phong. *Đại quân hữu mệnh*: có mệnh vua lớn.
24. *Yến-dô vương*: Trịnh Bồng ép vua phong làm phụ quốc-chính.

\* \* \*

- 25 Hay đầu lòng giặc khôn giữa  
 Phù kia diệt nợ quen mờ người ta  
 Này gươm A lại toan đảo bính  
 Dấu Vũ-thành dám sánh Chu-vương  
 Cong khí cảnh-báo song mang
- 30 Biên hàn vỡ mặt miếu đường bó tay  
 Thế đã lay nặng lòng Sứy-phủ  
 Chiếc xe loan bắc thú lệnh-đênh  
 Qua làng Trúc-đ an doanh  
 Vi thần hồ dự nhưng hành một tên

- 35 Mây dám quên Tông-chu đại nghị  
 Chín căm loài giả nghĩa thương ân  
 Vâng làm một lịch vân vân
- 38 Ngõ binh loạn tặc và răn gian hùng

*Thích nghĩa*

25. *Khôn ngira* : khó ngăn.
26. *Phủ kia diệt nọ* : Chính kéo cờ : vâng mệnh vua đem quân phò vua (diệt Trịnh). Nhưng tác giả kiêng không nói rõ.
27. *Gươm A... đảo binh* : cầm ngược gươm Thái-A (Hán-thư), trao cho một bầy tây; nghĩa là trao quyền. Đây trở sự Chiêu-thống sắp trao quyền cho Chính.
28. *Vũ-thành* : nguyên là tên một thiên trong *Chu-thư*, ý là vũ-công đã thành. Hữu-Chính lấy danh ấy đặt tên cho hiệu quân mình (nhưng hình như sau khi đến Thăng-long rồi mới lấy hiệu ấy, còn trước thì chỉ dùng chữ *đột* và chữ *thành* mà đặt tám hiệu quân gọi chung là *tứ đột* và *tứ thành* (xem HLNTC).
29. *Cong* : âm cổ tiếng *trong*. *Song-mang* : bối-rối lật đật.
30. *Biên hàn* : quân giữ biên-thùy.
32. *Bắc thú* : tiếng trở vua chúa (đây trở sụy-phủ nghĩa là chúa Yên-đò) chạy lên phía bắc.
33. *Trúc-ồ* : xã thuộc huyện Quế-dương, trên bờ bắc sông Đuống phía nam núi Lãm-sơn. Chúa đóng doanh ở đó.
34. *Vi-thần* : tiếng nói khiêm tác-giả dùng tự trở. *Nhung-hành* : tham mưu quân-sự trong khi vua chúa thân-chính.
35. *Tông-chu đại-nghị* : nghĩa lớn bày tôi đối với thiên-tử, ý nói không dám chống vua Lê.
36. *Thương ân* : làm tổn hại lòng biết ơn, ý nói chỉ thù Chính mà thôi.
37. Lê Huy-Dao thảo bài lịch kể tội Chính đề khuyên đánh Chính.

3. THẢO BẰNG QUẬN NGUYỄN HỮU-CHÍNH HỊCH

(Hịch đánh quận Bằng Nguyễn Hữu-Chính)

(Nguyễn-văn :)

- 39 Hán-tiết kia khi bắc tuận, lũ thuộc-tâm đều thấy quan quân ở Đường-linh nọ thừa tây hành, đoàn chấp không há lảng xem xa giá.
- 41 Tiết cứng hồ chi trời đất;  
 Lòng ngay chung cả xưa nay.

- 43 Ta: Trộm dự bản-chi ;  
 Chút là đích-phái.
- 45 Lộn thân-tiết, đôi mươi năm nhẵn trước ; ứng bách thoát  
 cùng suy đới ; Trời về, người ứng, há toan mưu.  
 Tóm quyền-cương ba bốn tháng là bao ; phân mang chưa  
 kịp tu nhường ; ngoài rồi, trong ngăn, ai thụ trách.
- 47 Song kể loạn cũng vì bước nước ;  
 Vả dục bình chưa chuyển máy trời.
- 49 Cờ Khâm-sai chưa tỏ thực hư, gang tấc chống uy còn  
 chút ngại ;  
 Xe xuất-hạnh phải theo quyền biển, dần dà chờ thế để  
 sau toan.
- 51 Lệ vu đón rước nào ai ;  
 Cờ đích theo cầm ít kẻ.
- 53 Trùng-trập lâu dài mấy lớp, trông nền đường cầu chạnh  
 bồi-hồi ;  
 Dọc ngang triều chợ đòi chòm, tường hội y thường thêm  
 bát-ngát.
- 55 Thành quách sơn hà nguyên chẳng khác ;  
 Nhân dân xã tắc cũng là chung.
- 57 Hoàng-triều nghìn tuổi âu vàng, chữ " Thật lại..." còn in  
 dấu cũ ;  
 Báu-khuyết ba ngày ngọn lửa, lời " Tại tồn " đã lạnh  
 nguyên xưa.
- 59 Gấm Đà-cung man-mác thề này,  
 Vì Bằng quận lằng-loàn nên nổi.
- 61 Trờ Quốc-súy đề đất mưu Mãng Tháo ; nghĩa chúa tôi  
 vớ sạch đường không.  
 Cặp Thiên-vương toan mượn tiếng Hoàn văn ; nước cha  
 mẹ phá tạn như rửa.
- 63 Tính mặt còn nhiều danh-tá,  
 Bó tay sao chịu bặt-thần ?
- 65 Dù Tông-Chu là đại-nghĩa tua gin, búi Trung-hưng thật-  
 lực còn đây ; mậu đức long công chi nữ phụ !

Bằng tự Hạ ví miếu-cung chưa xứng, thì Liệt vị Thánh-vương về trước, thâm nhân hậu trách khá nên quên.

- 67 Chúa âu thần nhục, quản nài chi ;  
Quốc trọng thần khinh, cần nhắc đấy.
- 69 Cu-góp lữ thành mấy lữ, lấy sóc-phương làm chốn thu binh ;  
Rủ-rê trung nghĩa một đoàn, trông Nhị-thủy trở ngày  
phản bái.
- 71 Biên có giặc, phải xin thanh tội ;  
Vua là trời, há dám xưng qua.
- 73 Tại thiên liệt miếu dấu còn thiêng, nhờ tương-hữu dựng  
công kham-bát ;  
Hữu đạo hi triều đời đời nối, dốc khuông-phù đặt thế  
tôn an.
- 75 Trước sau dãi mấy nhiều lời ;  
Trên dưới tua cùng một sức.
- 77 Dù nghĩ đỉnh chung đến lộc nặng, tấm trung thành phò  
đã quí thần.  
Đàn' hay thư khoán chép công dày, lời minh thệ trở  
cùng non nước.

Nguyên chú : (dịch) : *Tháng mạnh-xuân (giêng) năm Đinh-mùi (1797) Nguyễn Hữu-Chỉnh thác danh tôn Lê, xui giục hai xứ Thanh Nghệ nổi, lại phạm kinh-khuyết, đốt Vương-cung. Yến-đô vương dời đi Kinh-bắc. Ngày ấy vi-thần hộ-tùng, vâng soạn hịch này, luân chuyển cho các đạo Kinh-bắc, Hải-dương, để đánh loạn-thần.*

39. *Hán-tiết*. . . : cờ nhà Hán chạy lên phương bắc. Trở sự Yến-đô chạy lên Kinh-bắc, mà dùng điều Lưu Tú bị Vương Mãng tiếm ngôi Hán, bèn đem quân lên Hà-bắc, sau khôi phục nhà Hán mà lên ngôi (Hán Quang-đế)
40. *Đường linh*. . . : nhạc ngựa nhà Đường đi về Tây, ngụ chuyện Đường Minh-hoàng vì loạn An Lộc-Sơn rời loạn Sử Tư-Minh, phải chạy sang đất Thục. Nhiều trung-thần nghĩa-sĩ giúp. *Chấp khống* cầm cương ngựa đê hộ vệ.
43. *Bản chi* : trở chi họ Trịnh nổi dòng làm chúa.
44. *Địch phái* : Bồng là con chúa Uy, Trịnh Giang thuộc dòng trưởng.
45. *Ứng-bức*...*suy đời* : ủng hộ và ép lên ngôi chúa. Trở sự Bồng vốn tôn vua, không hề xin lập ngôi chúa lại, vì tướng Đinh Tích-Nhưỡng ép nên mới nhận, vì lẽ Trời thuận cho và dân ủng về. Đây là thuyết của phe chúa.

46. *Phân mang... tu nhưong* : đang bối rối chưa kịp sửa chính ở trong, dẹp loạn ở ngoài. Tổ ý rằng mình chịu cáng đáng công việc chính-trị.
47. *Kế loạn* : loạn nối nhau.
48. *Dục binh* : muốn yên. Hai vế này đề đồ lỗi cho vận nước, lòng trời.
49. *Cờ khâm-sai* : trở cờ quân Nguyễn Hữu-Chỉnh trương ra khi kéo quân tới Thăng-long, lấy nghĩa là vua Lê sai đến. Ý muốn nói vì vậy mà không chống lại.
50. *Xe xuất hạnh* : trở sự chùa Yến-đồ bỏ Kinh mà đi; ý nói ấy là đề chờ xem sự vua gọi Chính có thật không.
51. *Lệ vu* : ăn cơm hằm, nằm bãi cỏ.
52. *Cơ đích* : dây cương và hàm-thiết ngựa.
53. *Đường cầu* : trở sự nối nghiệp cha.
54. *Triều thị* : trở cung điện và phố xá ở Kinh.
57. *Ấu vàng* : trở ý một nước vững chắc. *Thật lại* : hai chữ nghĩa đen là *thật nhờ* (chúa Trịnh), thường dùng trong các chiếu chỉ đời Lê, ví-dụ trên các bài bia Tiến-sĩ ở Thăng-long.
58. *Báu khuyết* : trở cung chúa Trịnh bị đốt. *Tại tồn* : ngụ lời vua Lê (?) thề với họ Trịnh rằng còn mất với nhau : « Lê tồn, Trịnh tại. Trịnh bại, Lê vong », nghĩa là : nếu ngôi vua Lê còn thì ngôi chúa Trịnh còn ; nếu ngôi chúa Trịnh bỏ thì ngôi vua Lê cũng mất.
59. *Đà-cung* : trở cung chúa. Đây trở Yến-đô vương phải chạy lang-thang.
61. *Trở Quốc-súy* : kháng với chúa. *Mãng-Tháo* : Vương Mãn tiếm ngôi Hán. Tào Tháo mưu cướp ngôi Hán. Cả hai có tiếng mưu-mô giả-trá.
62. *Cặp thiên-vương* : ủng-hộ vua thiên-tử khỏi chur hầu hiếp. *Hoàn Văn* : Tề Hoàn-công và Tấn Văn-công là hai trong Ngũ bá đời Xuân-thu được tiếng đã phò thiên-tử nghĩa là vua nhà Chu. *Rửa* : chữ nôm gồm bộ Thủy và chữ Lũ. Rửa nghĩa là sạch trơn.
63. *Tinh mặt* : trở từng người mà đếm. Tác giả gò tiếng ấy đề đối một cách xuất sắc với *bó tay*. *Danh-tá* : người giúp việc có tiếng.
64. *Bạn-thần* : bày tội phản chúa.
65. *Tổng-Chu đại nghĩa* : nghĩa lớn đời thịnh Chu, nghĩa là nghĩa bày tội đối với Thiên-tử. Đây muốn nói đạo thờ nhà Lê. *Tua* : nên, tức là chữ Tu. *Bui* : nghĩa chữ duy, nhưng mà. *Trung hưng thất lục* : tên sách chép công họ Trịnh phục ngôi vua cho Lê. *Mậu đức long công* : đức to của họ Trịnh và công lớn của các chúa.
- <sup>1</sup> 66. *Bằng tự Hạ... xứng* : nếu thân mọn này không đáng giữ việc thờ các chúa trước. *Thâm án hậu trạch* : những điều mà chúa đã làm cho thần dân vui sướng (ân trạch dồi-dào).

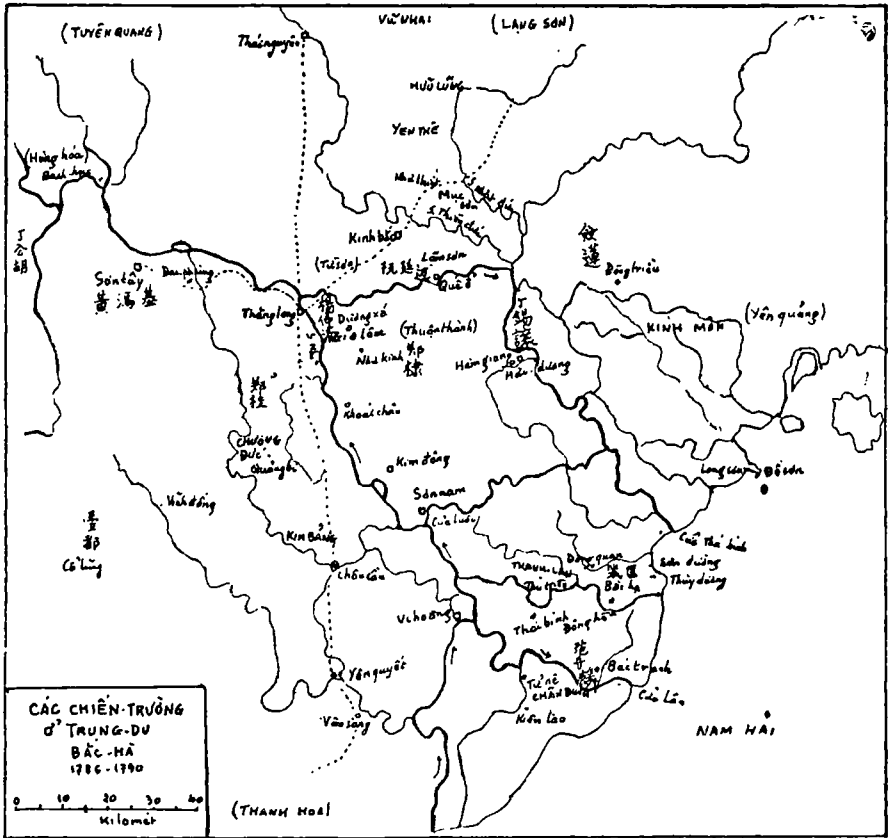
69. *Cu-góp*: lấy những phần-tử rời-rạc mà hợp lại (*Tế Trương-lưu nhị nữ* có: cu góp ba làng bốn xã). *Lữ thành*: tôi không ỉõ nghĩa. Hoặc là một hạng dân-binh chằng. *Sóc phương*: trở miền Kinh-bắc. *Thu binh*: bắt lính, mộ lính.
70. *Phản bát*: rước cờ quân trở về (bờ sông Nhị).
71. *Thanh tội*: kể tội cho ai đều b ết.
72. *Xung qua*: giơ cái đồng; trở sự lấy khi-giới mà chống lại.
73. *Tương-hữu*: giúp rập ngầm. *Kham-bát*: đánh dẹp. *Tại thiên liệt miếu*: các chùa trước nay ở trên Trời.
74. *Hữu đạo hi triều*: triều đình rang-rỡ cư xử đúng đạo đức. *Khuong phủ*: phò tá vua Lê. *Tôn an*: tôn trọng hòa-bình.
78. *Thư khoán*: chép công vào sách, ghi lời hứa vào sắt.

## CHI TIẾT THỜI SỰ

Cuối đời Cảnh-hưng, hai họ chia trị đất ta đều bị khủng-hoảng. Ở Đàng Ngoài, Hoàng Đình-Bảo nghe lời Tĩnh vương Sâm lập Trịnh Cán mà gạt Trịnh Tông. Ở Đàng Trong, Trương Phúc-Loan, mười bảy năm trước đó, đã đổi di-chiếu của Võ-vương Nguyễn Phúc-Khoát mà lập Nguyễn Phúc-Thuần và gạt Phúc-Luân (cha của vua Gia-long); rồi nhân chúa trẻ mà chuyên quyền. Vì đó, Nguyễn Nhạc nổi loạn ở Tây-sơn (1771) chiếm vùng Qui-nhân. Cũng nhân vậy Trịnh Sâm sai Hoàng Ngũ-Phúc vào chiếm Phú-xuân (1774) rồi nhận Nguyễn Nhạc làm tiền-phong đề hòng đánh vào Đồng-nai. Hoàng Ngũ-Phúc chết; bộ-đội của y được trao cho con nuôi là Hoàng Đình-Bảo, sau thành phụ-chánh của Trịnh Cán đã nói trên. Hoàng Đình-Bảo có một gia-khách theo quân: *cống Chính*, tức là Nguyễn Hữu-Chính. Chính được phái vào Qui-nhân dụ Nhạc (1775) và được Nhạc khen tài ứng đối. Sau Hoàng Ngũ-Phúc mất (1776), Hoàng Đình-Bảo về triều phụ-chánh (1782), đề Chính coi thủy-quân ở Nghệ-an.

Kiều-binh nổi loạn, giết Đình-Bảo và lập Trịnh Tông (25-10 Nhâm-dân: 29-11-1782). Hữu-Chính được tin, bỏ xứ Nghệ-an vượt b ể trốn vào Qui-nhân, xin theo Nhạc. Chẳng bao lâu, thành một danh-tướng của Tây-sơn, không tránh khỏi sự ghen kị của gia-tướng của Nhạc. Trịnh Tông sai người vào dỗ Chính về. Lần đầu, ấy là chồng em gái Hữu-Chính. Sau khi hỏi được rõ tình-hình ở Bắc, Chính sai giết người thuyết-khách đề Nhạc thêm tin. Sau, vào cuối xuân năm Bính-ngọ (1786), sứ của trấn-thủ Thuận-Hóa, Phạm Ngộ-Cầu, là Nguyễn Phu-Như, lại vào dỗ Hữu-Chính. Chính lại hỏi dò biết tình-hình bạc-nhược của quân Trịnh đóng

ở Phú-xuân. Nhạc bèn sai Huệ cùng các tướng Lữ, Vũ Văn-Nhậm, Nguyễn Hữu-Chính đem quân đánh Phú-xuân.



Những sự-khiến và thời-điểm quan-trọng trong việc hành quân này sẽ kể ra sau:

Xuất quân từ Qui-nhân (24-4 : 21-5-1786 theo HLNTC hoặc 28-4 : 25-5 theo LTTK)

Đánh lấy đồn An-nông, giết Hoàng Nghĩa-Hồ (ĐNLT, SKTB ; còn LTTK chép tên là Quyển, tức Quyển-trung hầu như ở SKTB) Về ngày thì NAK chép rằng ngày 18-5 (14-6) Nhạc sai Huệ đem thuyền đi đánh Thuận-hóa. LTTK lại nói ngày ấy, Phạm Ngô-Cầu nghe Tây-sơn đã vượt Hải-vân ; và ngày 24-5 (: 20-6) tiến đánh An-nông.

Đánh lấy Phú-xuân, bắt trấn-tướng Phạm Ngô-Cầu, giết phó-tướng Hoàng Đình-Thề và hầu hết quân-nhân. Về ngày NAK chép 20-5 (: 16-6) nghĩa là hai ngày sau khi lấy đồn An-nông, thì Phú-

xuân mất; và ngày 24, biên-thư (thư từ Phú-xuân gửi về) về tới Kinh. Có lẽ thư ấy báo việc quân Tây-sơn đánh An-nông, và vì thế mà LTTK đã chép ngày đánh An-nông là ngày thư tới Kinh.

Đề Nguyễn Lữ giữ Phú-xuân, Huệ đưa quân ra lấy Dinh Cát và Động-hải. Trấn-tướng Vi-phái hầu bỏ Động-hải. Các bản HLNTC đều chép việc ấy vào ngày 14-5 (10-6-1786) nghĩa là bốn ngày trước khi An-nông mất. Có lẽ HLNTC lầm.

Nguyễn Huệ định đóng quân ở La-hà ở bờ nam sông Gianh. Nhưng sau theo lời khuyên của Hữu-Chính đem thủy-quân ra Bắc với danh-nghĩa phù Lê diệt Trịnh. Dọc đường cho du-quân đồn bộ ở Nghệ-an và Thanh-hóa. Trấn-tướng Nghệ-an Bùi Thế-Toại đốt đồn mà chạy. Trấn-tướng Thanh-hóa Tạ Danh-Thùy cũng chạy. Các việc này đều vào cuối tháng 5.

Nguyễn Hữu-Chính lấy đồn Vi hoàng và kho thóc lớn, vào ngày (6-6 : 1-7-1786) theo HLNTC. Tướng giữ họ Lê trốn (LTTK). Đại-tướng Trịnh Tự-Quyền rút quân về trấn Sơn-nam.

Nguyễn Huệ tiến hợp với Hữu-Chính, phá thủy-quân của Đinh Tích-Nhưỡng ở Cửa-Luộc (LQKS), hoặc cửa Cang-nông (LSTB), hoặc ở sông Rổ (ĐNLT). Đinh Tích-Nhưỡng chạy về Hải-hương.

Ngày 24-6 (: 21-7-1786), theo NAK, trấn Sơn-nam mất. Trấn-tướng Đỗ Thế-Dẫn chạy. Đại-tướng rút về đóng ở Kim-động (HLNTC và LSTB)

Ngày 25-6 chúa Đoan-nam Trịnh Tông đem thân-quân dàn ở bến Tây-long và sai Hoàng Phùng-Cơ án-ngự ở hồ Vạn-xuân (NAK, LQKS, HLNTC)

Ngày 26-6, quân Tây-sơn phá thủy-quân Trịnh ở Thủy ái; đồn bộ, bại quân Hoàng Phùng-Cơ ở Vạn-Xuân. Quân Trịnh-Tông ở Tây-long trốn hết. Chúa chạy đi Sơn-tây. Nguyễn Huệ vào Thăng-long ngày ấy (NAK, HLNTC) là ngày 23-7-1786.

Ngày 27-6, chúa Đoan-nam tự-tử (LTTK, HLNTC). Nguyễn Huệ yết vua Cảnh-hưng ở điện Vạn-thọ. LSTB chép vào tháng 7, chắc lầm, vì không lẽ Huệ đợi ba ngày rồi mới gặp vua.

Ngày 7-7 (: 31-7-1786) Huệ làm lễ triều-kiến ở điện Kinh-thiên và ngày hôm sau vua Lê phong Huệ tước Oai quốc-công (ĐNLT, HLNTC, LTTK) Sách NAK chép ngày phong Huệ là ngày mồng 4-7, có lẽ sai.

Ngày 11-7 (: 4-8-1786), Huệ cưới công-chúa *Ngọc-hân*.

Ngày 14-7, thư báo thắng ở Thăng-long về đến Qui-nhơn. Ngày ấy, *Nguyễn Nhạc* đưa khinh-binh thầy Thăng-long (HLNTC)

Ngày 15-7 (: 8-8-1786) vua Cảnh-hưng làm đại-lễ *Thống-nhất* (LQKS, HLNTC)

Ngày 17-7 vua Lê mất (: 20-8, HLNTC, NAK, LTTK). Lễ thành phục ngày 21-7 (NAK). Đưa tang xuống thuyền ngày 25-7

Ngày 5-8 (: 28-8-1786) Nguyễn Nhạc tới Thăng-long đề kiểm chế Huệ. Hôm sau, vua Chiêu-thống đến yết Nhạc. Ngày Dương-lịch, trên là tính theo phép Lịch Đại-thống mà Triều Lê dùng, khác với lịch Thi-hiến của nhà Thanh (Lịch Lê năm Bính ngọ 1786 nhuận tháng 9, lịch Thanh nhuận tháng 7).

Đêm 8-8 (: 31/8/1; —) Nhạc, Huệ ngầm bỏ Hữu-Chính lại Thăng-long mà rút quân về nam (NAK). Theo HLNTC, quân Tây-sơn rút lui vào đêm 17-8, nghĩa là 12 ngày sau khi Nhạc đến. Sách ấy lại kể chuyện rằng mười ngày trước khi rút quân, Huệ đã mưu bỏ trống cầm canh sau canh hai, đề đến đêm bỏ đồn đi, sự đêm khuya không trống canh sẽ không khiến dân Thăng-long lấy làm lạ. ĐNLT chép hai nơi rằng Nhạc ở lại Thăng-long « tuần nhật » rồi về. Tuần nhật trở ít ra cũng mười ngày. Xem đó thì thuyết HLNTC (Nhạc tới ngày 5-8, đi ngày 17-8) rất có thể đúng sự thật. Nhưng trong một thư ông Le Roy viết từ Kẻ Vinh ngày 6/10/ 1786 thì Nhạc chỉ lưu lại Kẻ Chợ có 2,3 ngày (Xem Sử Địa số 9, 10; bài của Đặng Phương-Nghi, trang 230). Tuy trong những loại thư này có chép những điều sai, nhưng với hai nguồn hoàn toàn độc-lập kia, tôi nhận thuyết Bùi Dương-Lịch là đúng.

Ngày 9-8, Nguyễn Hữu-Chính cũng dùng thuyết trốn theo quân Tây-sơn.

Trong tháng 8 này, *Dương Trọng-Tế* dùng dân-quân *Dương-xá* vùng (Gia-lâm), đánh bại chi-đội Tây-sơn, giết được thái-bảo *Hóa* (LQKS).

Cuộc Bắc-chinh của Huệ, rồi sự rút quân thịnh-linh, đã gây trên đất Bắc một cục-diện kì-quái về chính-trị. Những chính-quyền cò-diều đã hoàn-toàn xóa bỏ. Những nhân-vật có tác-phong văn hay võ hầu hết bị sa-thải, hoặc tự đào-ăn. Trên khắp địa-bàn ở bắc Hoàn-sơn hình như vô-chủ. Tuy tiếng là Nhất-thống, mà ở địa-phương, mạnh ai nấy chiếm. Cũng may mà óc tự-lập bá-chủ chưa nảy nở, vì ở Thăng-long còn có vua Lê.

Ở trung-ương, vua Chiêu-thống, tuy không bị ai lấn quyền như

các vua Lê trước, nhưng hoàn-toàn không kinh-nghiệm, không phụ-tá có bản-lệnh, không binh-lực lão-luyện. Những người sốt-sắng trung-thành thì toàn những thiếu-niên con cháu thế-gia hay, là những tôn-nhân vô-tài.

Bên họ Trịnh, bấy giờ Tây-sơn đã lui; cũng có kẻ làm-le nổi vì chúa. Không kể con chúa Đoan-nam (Tông) còn nhỏ, và các con những chúa cũ đã già, thì có hai người có đồ-đảng tôn suy: quận *Côn Trịnh Quế* (sau lấy tên *Bồng*) là con đầu chúa *Uy Trịnh Giang*, và quận *Thụy Trịnh Lệ* con thứ chúa *Minh Trịnh Doanh* và em ruột chúa *Tĩnh Trịnh Sum*. Nguyên Giang thuộc dòng trưởng họ Trịnh. Vì Giang đê tội hoãn-quan làm ác-chính, cho nên triều-thần, năm Canh-thân 1740 truất Giang mà lập em chúa, tức là Doanh. Bấy giờ Quế, con Giang mới mười tuổi. đó Từ ngôi chúa lọt sang dòng thứ. Đến năm Bính-ngọ 1786, Quế bẩy tám tuổi. Tính vốn nhu hòa, chịu an phận, không hề dám mưu giành lại ngôi chúa cho dòng trưởng. Khi chạy loạn Tây-sơn, Quế tránh ẩn ở nhà dân ở Quảng-trị, tại huyện Chương-mĩ (LLHT) phía tây-nam Thăng-long.

Chú Quế là Doanh truyền ngôi cho con trưởng là Sum. Nhưng con thứ là Lệ muốn bắt chước gương cha, mưu sự giành ngôi. Hai lần Lệ muốn cướp ngôi anh nhưng thất bại. Sau khi anh mất, lại muốn tranh ngôi với cháu là Tông. Sự không thành, Lệ lánh ở miền Kinh-bắc, dựa vào thế viên trấn-thủ cũ Thái-nguyên là hầu Thi-trung Trương Tuấn người Như-kinh huyện Gia-lâm, cũng là anh con cô của Lệ.

Về hàng vũ-tướng có danh vọng, thì có quận *Thạc Hoàng Phùng-Cơ* cầm bộ-binh ở vùng Sơn-tây, Hưng-hóa; và hầu *Liễn-trung Đinh Tích-Như-ông* thống-suất thủy-quân vùng Hải-dương.

Ngoài ra, còn các cựu-thần, hoặc môn đệ cựu-thần, mỗi nhóm mộ dân-quân địa-phương đóng giữ vùng mình, rải-rắc trên đất bắc. Trong đó, đáng kể có tiền-sĩ *Đương Trọng-Tế* giữ *Gia-lâm*, trấn-thủ cũ Kinh-bắc *Nguyễn Trọng-Mại* giữ *Quế-dương*, *Phạm Tôn-Lân* cháu đại-tướng *Tôn-Sĩ* giữ vùng *Chân-định*. Một nhóm tôn-thất nhà Lê giữ vùng *Thanh-hóa*. *Phiên-tướng Hoàng Văn-Đông* giữ vùng *Tuyên-quang*. Còn ở Nghệ-an, Huệ có đề quân lại đóng một vài đồn, nhất là đề đại-tướng *Chiêu-viển Vũ Văn-Dũng* đóng ở *Hà-hoa*, ở phía bắc *Hoành-sơn*. Tuy vậy dân Nghệ-an chống Tây-sơn và nhiều hào-khiết địa-phương đã và đang mộ quân đánh đồ-đảng Tây-sơn, trong đó họ còn tưởng có *Nguyễn Hữu-Chính*. Thật ra, sau ngày 8 tháng 8, *Hữu-Chính* chạy theo Tây-sơn về

đến Nghệ. Huệ tuy ghét, nhưng cũng không hại và cho Chinh hai chục lạng vàng và một trăm quân bảo ở lại kiểm-soát hành-động người Bắc.

Nói tóm lại, trong tháng tám năm Bính-ngọ, xứ Bắc-hà như một bàn cờ đã bày quân, nhưng không có người điều khiển. Chẳng mấy chốc nữa, những động-cơ công-danh phú-quí hoặc tình-cảm sẽ xuôi đầy mỗi con cờ đi một nước; rồi những cuộc xô-xát gây nên một tuồng rối toì-bời. Kết-quả là đưa hùng-binh của Đại-Thanh vào nước, buộc Quang-trung, một vị tướng kì-tài, kéo quân ra, gây ra một trận phi-thường. oanh-liệt...

Liền sau khi Tây-son rút, Chiêu-thống tự thấy thành một vua tự-chủ nhưng không triều-đình, không bộ-đội. Liền truyền hịch kêu gọi hào kiệt đem quân về ủng-hộ Hoàng-đô. Đầu tiên, hạng tử-đệ đại-gia tới, như *Lê Quỳnh*, *Vũ Trinh*. Hai em vua, *Duy-Chỉ* và *Duy-Lưu* và các hoàng-thân đã gây được chừng vài nghìn quân bảo vệ.

Vào khoảng đầu tháng chín (22-9 đến 22-10-1786) *Dương Trọng-Tế* từ Gia-lâm sang. Cùng lúc ấy, *Trương Tuấn* mộ quân các huyện thuộc phủ *Thuận-thành* (Kinh-bắc) đưa *Trịnh Lệ* về Kinh với định ý chiếm lấy ngôi chúa. Trọng-Tế vốn đã phát-giác việc Lệ ngày xưa đã mưu cướp ngôi anh; nay sợ Lệ, nên đem quân hòa theo Tuấn đưa Lệ về chiếm phủ Chúa. Ấy vào ngày mùng 10-9 (1-10-1786, HLNTC).

Đang khi Tuấn và Trọng-Tế ép vua phong vương cho Lệ, nhưng kém sức, làm không nổi, thì *Trịnh Quế* từ huyện *Chương-đức* được những đảng-bộ vùng Sơn-tây cũng đưa về Thăng-long. Lệ sai quân mình đón đánh phía tây thành. Nhưng Trọng-Tế thấy Quế có thể hơn, lại bỏ Lệ theo Quế. Quân Lệ và Trương Tuấn tan; hai người đều bỏ chạy về Kinh-bắc. Ấy vào ngày 14-9 (5-10-1786, HLNTC; theo lịch Thanh thì tháng 8).

Trịnh Quế lấy lời khiêm-tốn chỉ xin vua cho giữ chân thờ cung miếu họ Trịnh rồi về ở Phủ Chúa. Bấy giờ *Đinh Tích-Như* đưa 300 chiếc thuyền từ Hải-dương về đóng ở sông *Bát-tràng*, liền bị cánh Trịnh. Quế quyển dụ. Thấy vua Lê chỉ phong cho Quế tước quốc-công, Tích-Như không bằng lòng, bèn ép nài vua phải lập lại ngôi chúa và phong cho Quế tước *Yến-đô* vương. Ấy vào ngày 19-9 năm Bính-ngọ (10-10-1786, HLNTC) NAK chép ngày 20<sup>1</sup>.

1. Trong các sử đều thấy chép tên Quế là Bằng. Các vua chúa đời Lê thường có nhiều tên. Đời Nguyễn cũng theo lệ ấy. Trong thư của giáo-sĩ Le Roy viết ngày 6-10-1786 có nói sự lập ông quận Quế lên ngôi chúa (S.Đ. số 9, 10 trang 230). Có lẽ Quế là tên thường của Yến-đô.

Hạ-tuần tháng 9, Hoàng Phùng-Cơ mới đưa đại-quân từ vùng Sơn-tây Hưng-hóa về đến Thăng-long và có vẽ bệnh vua, nhưng chung qui lại bị đảng chúa quyền dụ. Chúa bèn lập triều-đình và thân chính, lấy Hoàng Phùng-Cơ cầm đầu ban võ, *Đình Tích-Như* thứ hai. Rồi lại gọi *Dương Trọng-Tế* trở về coi việc tài-chính. Sự ấy rất làm vua Chiêu-thống tức-tối; nhất là sau đó Trọng-Tế với *Bùi Thị-Nhuận* vây Hoàng-thành định hại những kẻ chống chúa. Nếu không có Phùng-Cơ cương-kiết ngăn cản thì có lẽ Chiêu-thống cũng bị vạ lây.

Vì vậy từ tháng Chín nhuận (Theo lịch Lê, còn theo lịch Thanh thì tháng nhuận là tháng 7, vậy bảy giờ là tháng 9 thường, giống với Tây-lịch từ 22-10 đến 20-11), Chiêu-thống đã mưu tìm hào-kiệt giúp mình. Về phần *Nguyễn Hữu-Chính*, sau khi bị Tây-sơn bỏ rơi ở Nghệ, rất bị nhân-dân oán ghét vì đã "công răn cản gà nhà". Chỉ còn kế thừa chuyện Trịnh Bồng lẫn vua, mà lấy danh phù Lê mới mong người ta tha thứ và ủng-hộ. Cho nên một mặt thì ngầm thông với *Đình Tích-Như* là bạn cũ khi còn Hoàng *Đình-Bảo*, rồi phái người xin Chiêu-thống ban dụ mộ quân đưa về kinh để hộ-vệ. Tuy rằng *Tích-Như* kinh-thị *Chính*, không muốn giúp, và Chiêu-thống muốn giúp nhưng sợ phe chúa, *Hữu-Chính* vẫn giả vờ nhận chiếu cần vương. Cho nên chóng nhóm được đạo quân mạnh và nhiều phụ-tá giỏi: Hoàng *Viết-Tuyền*, *Nguyễn Hữu-Khang*, *Nguyễn Kim-Khuê*, *Nguyễn Như-Thái*, *Nguyễn Đình-Viện*.

Tháng mười năm ấy (21-11 — 20-12-1786 SKTB) quân *Hữu-Chính* kéo cờ *Khâm-sai* tiến ra phương Bắc bại trấn-thủ *Bùi Thế-Toại* ở Hoa lâm rồi. Cũng lúc ấy, *Nhạc sai* ti-tướng ra đóng ở Nghệ-an. NAK chép việc đưa quân về hộ-vệ vào tháng 11. Có lẽ vào tháng này (21-12 — 18-1-1787), quân *Chính* đã vào địa-phận Thanh-hóa, đánh bại quân *Trịnh sai* vào ngăn cản, giết tướng *Lê Trung-Nghĩa*, bắt *Phan Huy-Ích* ở *Đan-giáp*, huyện *Ngọc-sơn* (LQKS).

Triều-đình chúa tan-rã: *Đình Tích-Như* rút về. *Hải-dương* Hoàng *Phùng-Cơ* rút về Sơn-tây; mỗi người lo phòng thủ địa-phương mình. Còn lại *Bùi Thị-Nhuận* tạm coi việc binh, *Dương Trọng-Tế* được sai đưa quân ngăn *Chính*.

Trong tháng 11, *Hữu-Chính* qua Thanh-hoa trấn-doanh với *Nguyễn Cảnh-Thước* làm tướng tiên-phong. Hoàng *Viết-Tuyền* đã đi đường bề trước, còn *Nguyễn Như-Thái* đi chậm lại sau để mộ thêm quân (LQKS)-

Trương giữ Thanh-hóa Nguyễn Trọng-Hoãn theo Chinh. Các Hoàng-thân quận Diên, quận Miên cũng họp quân với Chinh mà ra Kinh.

Cuối tháng 11 (khoảng 15-1-1786), Hữu-Chinh phá đồn ở sông Thanh-quyết, giết tướng suất Tề. Em chúa, quận Kì, thống suất đạo quân cuối cùng của chúa bỏ Châu-cầu chạy về cáo cấp. Dương Trọng-Tế được sai đem viện-binh xuống chống cũng bỏ chạy về Gia-lâm khi mới ra khỏi Thăng-long (LQKS). Bùi Thị-Nhuận coi việc phủ cũng bỏ trốn (HLNTC). Chúa Yến-đô cùng vài chục tùy-nhân chạy sang Dương-xá (Gia-lâm). Dương Trọng-Tế cho quân hộ-vệ đi về hướng bắc, qua sông đê đến trú tại làng Quế-đ, huyện Quế-dương, trọ tại nhà trấn-thủ cũ Kinh-bắc Nguyễn Trọng-Mãi (LQKS), hay Trọng-Toại (HLNTC).

Đầu tháng chạp (19-1-1787), Hữu-Chinh tới Thăng-long. Mồng hai bày quân ở bờ sông. Vua ra duyệt (NAK).

Ngày mồng 8-12 (26-1-1787 HLNTC) vua sai đốt phủ chúa Trịnh để đoạn-tuyệt ý phục-hưng ngôi chúa (Bản dịch của Ngô Tất-Tố chép ngày 8-10, chắc sai. Đây tôi theo bản cũ bằng Hán-văn). Nếu lời HLNTC chép đúng thì Chiêu-thống sai đốt phủ liền ngày sau khi chúa Yến-đô trốn đi, nghĩa là Chúa trốn ngày 7-12. Nếu vậy ngày Hữu-Chinh dàn quân ở bờ sông Tây-long không thể là ngày 2-12 như Bùi Dương-Lịch đã chép trong NAK. Một mặt tôi nhận thấy rằng NAK chép nhiều thời điểm có lí, và sách ấy là một bản in; một mặt khác, vua có thể nảy ý đốt phủ Chúa sau khi quân Hữu-Chinh tới Thăng-long. Vì vậy tôi đã nhận ngày dàn quân là ngày mồng 2 và ngày đốt phủ là ngày mồng 8.

Liền sau đó vua phong Hữu-Chinh tước Bằng quốc-công vào giao cảm quyền, lập lại triều-đình và sửa soạn trừ đảng Chúa. Về phe Yến-đô, cũng đang chiêu-dụ hào-kiệt để đánh Chinh. Vì vậy Huy-Dao đã thảo bài hịch dẫn trên. Ta hãy trở lại tập *Lữ truug ngâm*.

\*  
\*  
\*

#### 4. YẾN-ĐÔ VƯƠNG CHỐNG QUÂN NGUYỄN HỮU CHINH

79 Mảnh hịch lông mới truyền đạo Bắc  
Các chi đà tăng-tắc tiến lên

81 Đòng thì Tịch-Nhưõng, Ninh-biên  
Ngọn cờ chú Thạch treo miền ngàn Tây

83 Ấy ai hay cơ trời chứa chuyền  
Trần Lãm-sơn được biển ra thua

- 85 Nghìn tao gió giục buồn đưa  
 Sông Hàm trở lái, non Đồ đóng quân
- 87 Bát xã dân hồ tương hiệu thuận  
 Miền Kinh-môn bảy quận một lòng
- 89 Vi thần chưng thủa hộ-tùng  
 Khi bồi nhung-tướng, khi cung tao-đàn

*Thích nghĩa*

79. *Hịch lông*: hịch truyền rất chóng; có dùng lông gà thắp vào bãng hịch, giờ cao làm hiệu cho ai cũng phải tránh trên đường trạm chạy. — *Đạo Bắc*: xứ Kinh-bắc.
80. *Tăng-lắc*: đều một nhịp, cũng nói tâm-tấp.
81. Ng. ch. *Tích-Nhuỡng* là Nhuỡng quận-công. Ở Hàm-giang. *Ninh-biên* là Liên-trung hầu ở Chân-châu. Thập ra trước của Tích-Nhuỡng là Liên quận-công. Còn Liên-trung hầu, thì chắc đó là *kiếm Liên* đã từng nổi loạn ở Hải-đông (Yên-quảng) với *Ba Bá* quấy rối vùng bề đời Trịnh Tông. Sau theo Tích-Nhuỡng phò Yến-đô.
82. *Chú Thạc*: quận Thạc Hoàng Phùng-Cơ rút quân về Sơn-tây. Huy-Dao thường dùng tiếng *chú* để trở những nhân-vật vào hàng bày tôi quan-trọng. Ng. ch. Thạc-vũ hầu.
83. *Chưa chuyền*: chưa đổi vận xấu ra vận tốt.
84. *Lãm-sơn*: tên núi ở phía bắc làng Quế-đ. Cũng là tên làng. Quận Chính toi danh chúa Yến-đô ở đây. Chúa thua phải chạy tới Hàm-giang, rồi ra đóng doanh ở Đồ-sơn.
85. *Tao*: thuyền, tiếng gọi chung trong khi đếm, cũng như chiếc thuyền.
86. *Sông Hàm*: khúc sông kề trấn Hải-dương. Hàm-giang là tên làng quán Đình Tích-Nhuỡng.— *Non đồ*: Đồ-sơn, núi có tháp đời Li, chạy ra bề Hải-dương.
87. *Bát xã*: tám xã bọc Đồ-sơn.— *Hồ tương*: rượu, ý nói dân đem lễ đến chào và theo chúa.
88. Phủ *Kinh-môn* gồm bảy huyện, thuộc trấn Hải-dương.
- 89,90. Huy-Dao theo hầu chúa, bàn việc binh và giúp làm thi văn.

\*  
 \* \*

**CHI TIẾT THỜI SỰ**

Sau khi Nguyễn Hữu-Chính được trao chính-quyền, bàn cờ chính-trị Bắc-hà hầu trở lại như sau khi Tây-sơn mới rút. Những nhân-vật quan-trọng lại rút lui, giữ mỗi người một địa-phương. Chỉ khác là trung-

ương nay vua Chiêu-thống không cho-vo như trước ; trái lại có Chính phò-tá với một nhóm tay chân vững chắc. Sự khác thứ hai là ở Nghệ-an, quân Tây-sơn cũng-cố. thế thêm và căm, ghét Chính. Tuy tách xa Tây-sơn, nhưng Chính cũng không lấy lòng được người Bắc-hà. Các tướng hoặc thờ-hào đều găm-gù đánh Chính.

Chính phải diệt ba cánh : Yên-đô ở Bắc, Hoàng Phùng-Cơ ở Tây và Đinh Tích-Như-ông ở Đông. Muốn đánh Yên-đô thì phải trừ *Dương Trọng-Tế* chiếm giữ Gia-lâm. Trọng-Tế không những chống Chính, mà còn chống cả vua Chiêu-thống. Y đã tuyên-truyền trong hạt hai phủ Từ-sơn và Thuận-thành bằng bài hịch bằng Hán-văn (HLNTC), ý dịch như sau :

*« Thời nguy Mạc, nhà Lê đã mất thiên-hạ. Nhờ Trịnh Thái-vương (Kiêm) giúp rập mới trung-hung ; công rạng rệt dưới trên ; phúc lành dành con cháu. Trong hai trăm năm nay, vua Lê chấp tay rũ áo, họ Trịnh cầm quyền. Thần dân trong ngoài đều tôn kính cả hai, chẳng ai có lòng khác.*

*« Thăng giặc Nguyễn Chính kia, đã vong mạng khỏi chết ; nay mưu làm xằng lớn, đem địch ngoài về phá nước, giết chúa cũ mà chống thần dân. Xương ra lời diệt Trịnh, giả lấy nghĩa phù Lê.*

*« Vua Chiêu-thống là kẻ được lập nhờ quân Nam và nhờ Chính. Ông nó lập mình, quên nghĩa tám đời sư phụ (đời chúa). Đốt phủ đui chúa, ý thế một lũ giặc gian ! Thật không đáng làm vua, vì chẳng lấy gì mà tiêu biểu nước nhà.*

*« Ta đây, dài-thần (ngự sử) đời vua trước. Nghĩa không thể bỏ qua. Ta sắp dẫn quân giết Chính, sẽ tìm hoặc hoàng-thân, hoặc cháu vua ai hiền thì lập, để nối nghiệp có đế có vương. Hẹn đến ngày mồng một (nguyên đán?) quân sẽ qua sông Nhi. Hỡi hào kiệt bốn phương, hễ ai đồng chí với ta, nên đều đúng hẹn hợp quân, hiệp lực tiến đánh. Sớm xong công việc phục chính ; dài ghi cái thế cùng vui ! »*

Tư-cách Trọng-Tế vốn ti-tiện, cho nên không ai nghe theo. Trái lại, Chiêu-ti ổng giục Chính sai Nguyễn Cảnh-Thư-ớc cầm quân tiến đánh đồn *Dương-xá* (LQKS) và *Lạc đạo* (HLNTC). Trọng-Tế thua, muốn chạy tìm Đinh Tích-Như-ông, nhưng bị thờ-hào bắt nộp. Trọng-Tế phải tước tên trong sổ tiến-sĩ, phải tới hạ lổ ở *Không-miêu* rồi bị chém, ấy vào khoảng trung-tuần tháng chạp năm Bính-ngọ (29-1 — 8-2-1787).

HLHTC chép các việc Chính đánh dẹp với rất nhiều chi-tiết, kể cả những lời đối-thoại giữa các nhân vật. Tôi e tác-giả (hồi thứ 8, *Ngô Thi*<sup>1</sup>

Du) đã tiêu-thuyết-hóa các sự-kiện. Theo sách này thì tướng đánh Trọng-Tể là *Nguyễn Như-Thái* và *Hoàng Viết-Tuyền*. Về phương-diện thời-gian, HLNTC về đoạn này không cho biết một thời-điểm nào đích-xác. Nhiều nơi lại ra ý đảo lộn. *Nguyễn Bảo*, tác-giả LQKS là con quận *Viện* (*Nguyễn Hoãn*), chép có thứ-tự hơn. Tôi tin LQKS hơn HLNTC vào khoảng này, nhưng LQKS cũng không cho biết đích-xác những thời-điểm. Tôi phải lấy lý mà xét, so sánh cân nhắc và dựa vào một vài kí tải khác mà xếp thứ tự các biến-cổ kể sau.

Sau việc giết Trọng-Tể, đến việc đánh chúa *Yến-đồ* ở *Quế-đ*. Từ khi *Nguyễn Đình-Mãi* (HLNTC chép *Toại*, phải chăng cùng một người) đưa chúa về *Quế-đ*, các hào-kiệt vùng *Kinh-bắc* kéo về lập đồn trại từ sông *Quế-đ* đến núi *Lãm-sơn*. Trong đó, *Trần Quang-Châu* là kiệt-hiệt. Nhưng quân là gia-nhân của họ *Nguyễn*, một cự-tộc chuyên nghề võ đã lâu đời. Chính sai *Nguyễn Như-Thái* và *Nguyễn Trọng-Hoãn* đem quân đánh. Đánh trong mấy ngày không hạ nổi. Chính phải sai thân-quân cho *Như-Thái* điều-khiển mới phá được các đồn. *Yến-đồ* trốn. *Đình Tích-Như-ông* cho thuyền con đón về *Hải-dương* (LQKS). Sách HLNTC chép nhiều chi-tiết về trận này, và nói Chính tự cầm quân. Tôi e rằng không thật.

Trận này xảy vào lúc nào. LSTB chép vào tháng 5 năm *Đình-mùi* (1787) cùng với việc đánh Trọng-Tể. Chép như thế là lầm. HLNTC không nói rõ thời-gian, nhưng theo vị-trí trong chuyện thì hình như cũng đề chậm vào thu. LQKS chép vào tháng chạp năm trước nghĩa là liền sau khi giết Trọng-Tể. Thời-điểm ấy hợp lí. Nhưng *Lê Huy-Dao* sau bài hịch đánh *Nguyễn Hữu-Chính* làm khi trước trận này, có dẫn rằng :

“*Tháng mạnh-xuân (giêng) năm Đình-mùi Nguyễn Hữu-Chính thác danh phù Lê, đem quân Thanh, Nghệ, ra chiếm Kinh, đốt cung Chúa Trịnh, Yến-đồ vương chạy lên Kinh-bắc. Bấy giờ vi-thần soạn ra hịch này*”.

Ta phải hiểu rằng hịch này thảo vào tháng giêng và bấy giờ quân *Chính* chưa lên đánh *Quế-đ*. Tôi đoán rằng trận *Quế-đ* đã xảy ra vào đầu tháng giêng năm *Đình-mùi* (sau 18-2-1787). Cuối năm trước, *Chính* còn thăng thưởng cho các tướng-sĩ, cho đi trấn-thủ các xứ: *Hoàng Văn-Tuyền* trấn *Sơn-nam*, *Nguyễn Cảnh-Thước* trấn-thủ *Kinh-bắc*, quận *Điền* trấn-thủ *Hải-dương*, quận *Miền* trấn-thủ *Sơn-tây*, quận *Hải* trấn-thủ *Thái-nguyên* (ba người sau chắc chỉ có chức hư mà thôi).

Chỉnh không bắt được Yến-đô, nhưng Hải-dương ở xa, còn tạm gác được. Còn Sơn-tây thì gần. Và Hoàng Phùng-Cơ muốn kéo quân về dọa Chỉnh. HLNTC chép chuyện đánh Phùng-Cơ rất tỉ-mỉ về phương-diện tâm-lí cũng như về phương-diện sự-kiện ; nhưng ta khó phân-tách phần tiêu-thuyết và phần xác-thật. Theo sách ấy thì vua muốn hòa-hoãn đối với Phùng-Cơ, Hữu-Chỉnh viết thư bàn hòa một cách khá khiêu-khích. Thư rằng :

« Trước đây, Tướng-quân lên thượng-du chăm lo biên-sự (trở việc lên chiêu dụ bọn Đinh Công-Hồ ở Hưng-hóa) ; lợi sâu trèo hiểm, bặt-thiếp khó nhọc. Nếu quả thật muốn coi một phía để làm tường ngăn ở bờ Tây, thì tôi nên đề-đặt lên Vua, xin cho tự tiện. Nếu vì gánh việc hung-hành lâu nên sức đã mệt, muốn giải việc binh, thì tôi đâu dám không giúp chu-toàn. Tôi sẽ chọn cho Tướng-công một chỗ tốt để xử trí, để bảo-toàn công-danh một tức-tướng của triều trước.

« Đại trượng-phu xử thế, chỉ có hai đường : đi hoặc dừng. Chọn đi kẻo muộn. Tướng-quân hãy tính đi ! ».

Được thư ấy, Phùng-Cơ rất tức, bảo rằng Chỉnh như con nghé không biết sợ hùm, bèn làm từ biểu xuất-quân. Rằng :

« Trước đây, tôi vâng mệnh về trấn Sơn-tây. Vừa khi ấy Hữu-Chỉnh từ Nghệ-an tới châu. Bệ-hạ lấy sự Chỉnh có công tôn-phù, trao cho quốc-chỉnh. Kẻ tiêu-nhân đặc chí, càng mong mưu gian. Tôi ngu muội cho rằng Chỉnh không phải là một bầy tôi tốt, mà là một tên quốc-tặc. Xem những chứng tích nó làm việc thì như ma quỷ ; xét nọc độc xui lòng nó thì hơn hồ lang.

« Cúi nghĩ, xin Thánh-minh soi xét cho phép tôi trị nó khi mới bắt đầu, để ngăn nó bùng-tưởng lòng ác về sau.

Sự ấy chắc sẽ làm yên vui vô cùng cho xã-tắc. »

Quân Hoàng Phùng-Cơ kéo về đến làng Đại-phùng thì gặp quân Chỉnh đã sai lên chặn. Theo HLNTC, tướng cầm quân này là Lê Duật ; nhưng theo LQKS thì là hầu Tư-trung, tức là Nguyễn Trọng-Hoãn mà Chỉnh đã sai đi đánh Yến-đô. Hai sách kể đoạn đầu trận này cũng khác nhiều. Theo HLNTC thì : « Duật đến Đại-phùng, quân Thạc vừa tới. Mới giao-phong một trận, mà quân Duật đã không thể địch nổi ; bỏ giáp rút chạy. » Theo LQKS thì « Sau khi đã phá Dương-xá, Hữu-Chỉnh tiến phá Quế-đ, quận Thạc mới dẫn quân về hướng đông. Lúc đến Đại-phùng, Chỉnh sai bọn hầu Tư-trung đem hơn vạn quân đóng ở Đại-phùng để

ngăn Thạc. Thạc sai con, tên *Chí*. Thừa cơ ban đêm, trèo lũy vào đánh úp. Trong quân Chính rối loạn. Thạc dẫn quân tiến áp mà đánh. Các quân Chính tan chạy. Sáng ra, hầu Tư-trung thu dư chúng chỉ còn trăm người, quay lại đề đánh. »

Theo HLNTC, thì hình như trận đánh này vào ban sáng. Tướng của Chính thua chạy. Con Phùng-Cơ là *Gia* xin đuổi theo. Nhưng cha không cho phép, vì đã trót hẹn với quân dừng ăn ở Đại-phùng. Về đợt thứ hai trận này, hai sách kể lại như nhau. Quân Phùng-Cơ dừng lại thời cơm. Quân Chính trở lại đánh. Phùng-Cơ khinh địch đem ít quân chống lại, bị vây. Đại-quân Chính đến, bắt được, đóng cũi giải về Thăng-long.

Nay còn một chứng thứ ba về trận này. Ấy là tập bút-kí của *Nguyễn Bá-Xuyến*, một vũ-nhân theo Hoàng Phùng-Cơ trong vụ ấy. Trong tập *Li lịch hành trang*, y đã cho biết rõ thời-điểm trận Đại-phùng :

« Năm Đinh-mùi, ngày mồng 6 tháng 2 (24-3-1787), tôi theo quận Thạc đánh đồn ở Đại-phùng. Sáng sớm tôi đánh nhau với tướng của quận Bằng là trung Tư ở làng Đại-phùng. Được trận. Thu được hết ngựa xe, súng, khí-giới mà trung Tư bỏ lại. Xong rồi, quân địch lại đến, bốn mặt xông vào giết. Quân ta ít không địch nổi, bỏ trốn. Tôi bị đâm xuyên từ ngực đến lưng, phải gập đường chạy về La-thạch điều-dưỡng. Giờ mùi ngày ấy (vừa quá trưa, từ hai giờ đến bốn giờ) quận Thạc đánh nhau to ; bị giặc đánh thua rồi bị bắt. »

Xét kĩ thì ba nguồn ấy không hẳn hoàn-toàn trái nhau. Về tướng, có thể rằng Nguyễn Trọng-Hoãn (LQKS) là thống-tướng, Lê Duật (HLNTC) là bộ-tướng tiên-phong, còn trung Tư (LLHT) chỉ là một ti-tướng. Trong những con quận Thạc còn sống sót sau trận Vạn-xuân (21-6 năm trước) có tên Chí (LQKS) và tên Gia (HLNTC). Nhưng theo LTN thì có lẽ Phùng-Chí đã mất trong trận ấy. Và lại chữ Chí và Gia viết tháo khá dễ lẫn nhau. Hoặc nguyên là chữ Gia ? Cuối năm này Hoàng Phùng-Gia sẽ theo Vũ Văn-Nhậm đánh Chính (LQKS). Vạn-vĩ hầu, một kháng-nhân chống Tây-sơn trong nhiều năm sau cũng là một con quận Thạc. Có lẽ cũng là một người. Về giờ đánh trận thì hình như LQKS chép chính-xác hơn. Còn ngày tháng, ta có thể tìm vào Nguyễn-Bá-Xuyến. Và LQKS có chép ; « Chiêu-thống năm đầu, Đinh-mùi (1787) Thạc-vũ công Hoàng Phùng-Cơ với Tư-trung hầu đánh nhau ở Đại-phùng ; bị bắt, đóng cũi đưa về Thăng-long. Cho phép tự tử. » Tháng

2, Yến-đô vương...” Theo đó thấy rằng Nguyễn Bảo đặt việc này vào tháng giêng; cũng khá phù hợp với trên.

Vua Chiêu-thống muốn che-chở cho Phùng-Cơ nhưng không thể làm hơn là để viên lão-trưởng uống thuốc độc chết và được cử lễ tang trong-vọng.

“Quận Thạc là một kiêu-tướng, thế mà đánh một trận đã bắt được. Ở Kinh-thành, nhân-tâm khá định; dân các trấn chung quanh đều theo phép” (LQKS).

Nhưng còn mặt đông và các ngoại-trấn thì còn nhiều mối lo cho Chính, nhất là ở vùng *Nghệ-an, Thanh-hóa*. Từ khi Chính ra Bắc, đã từng liên-lạc với *Nguyễn-Duệ*, tướng Tây-sơn đóng ở Hà-hoa, xui về phe mình để chặn quân Tây-sơn ở đèo Ngang. Nhưng thống-chế *Vũ Văn-Nhậm* đóng ở *Bổ-chánh* biết chuyện, báo tin cho Huệ, nên được sai ra bắt Duệ. Duệ thấy sự lộ, nên đã bỏ doanh, theo đường thượng-đạo trốn về Qui-nhơn. Sự này xảy ra chừng vào tháng hai năm Đinh-mùi (1787). *Nguyễn Đình-Viện*, người mà Chính để lại *Nghệ-an*, cộng-tác với Duệ, bị giết cùng hai con. Nhậm ra đóng quân ở *Nghệ-an*, viết thư trách Chính. Nhưng từ đầu năm, hai anh em Nhạc Huệ bắt hòa đến mức đem quân đánh với nhau dữ-dội. Thấy vậy, Chính biết Nhậm không thể làm gì mình. Và gia-quyển Chính còn ở Đàng Trong (Qui-nhơn?). Chính trả lời Nhậm một cách ôn-tồn và phân bua rằng sự mình làm ở Bắc là đúng theo ý muốn và lời dặn của Bắc-bình vương.

Thấy tình-thế sẽ bị khó-khăn, Chính bèn thi-thố những ngón nội-trị, ngoại-giao để kiên cố thế mình. Bên trong thì một mặt mở khoa *thi cát-sĩ*, ban chiếu “*cử hiền lương phương chính*” (tháng ba, NAK), một mặt thì chiêu dụ *Đình Tích-Nhưỡng* và cả *Yến-đô vương*. Đối bên ngoài thì sai sứ vào *Phú-xuân*, gồm hoàng thân *Lê Duy-Yêu* đi thăm cháu *Ngọc-hân*, và *Trần Công-Xán* để điều-định xin lại đất *Nghệ-an* (tháng 3, SKTB). Không những Huệ không nghe lời xin, mà lại còn bỏ ngục *Công-Xán*. Cuối tháng 3, sứ-bộ được đưa bằng đường thủy trở về. Nhưng sợ sứ-giả biết rõ chuyện binh-tranh với Qui-nhơn, Huệ đã cho mật-lệnh đánh đắm thuyền sứ giữa khoảng bờ *Nghệ-an*. Ấy ngày 11-4 (27-5-1787 HLNTC).

Về phe phản-kháng ở Bắc-hà, chỉ còn *Đình Tích-Nhưỡng* và *Kiểm Liên* ở miền đông là đáng kể. Chúa *Yến-đô* sau khi thua ở *Quế-dương* chạy về đông, tựa nương *Đình Tích-Nhưỡng* ở *Hàm-giang*. Vốn dòng danh-trưởng, *Tích-Nhưỡng* không xứng với tiếng con nhà. Tính vũ-phu,

lại vô-mưu, không chí-hướng; cho nên nhiều người ghét và ít kẻ tin. Theo HLNTC, khi Yến-đô về Quế-đô, Như-ông không hề đến thăm. Khi chúa tới Hàm-giang, Như-ông ra ý ghê lạnh, đưa ở biệt-doanh, HLNTC không hề nói đến việc đóng ở Đờ-son, thế mà sự này chắc có thật. Phải chăng biệt-doanh nói đó là Đờ-son? Chắc không, vì HLNTC chép rằng Tích-Như-ông ghen ghét hai võ-sĩ hộ-vệ chúa: *Trần Quang-Châu và Nguyễn-Đình-Toại*. Hai người sợ bị hại, bèn cáo lui. Chúa khóc nói: «chết đuối vì phải bèo, không thể nhờ vả; chẳng bao lâu nữa ta cũng sẽ đi.» Sau đó 10 ngày, tự nhiên, ban tối, Như-ông đưa thuyền đến mời chúa đi giao mát uống rượu. Chúa từ và thất-vọng đối với vũ-nhân. Tuy HLNTC không viết ra, nhưng chắc ám-chỉ rằng Tích-Như-ông có thể phản chúa trong lúc đi chơi đêm. Nhưng có điều làm ta bớt tin lời chép ấy, là trong câu dẫn 'ời Như-ông mời chúa có «Trời trong trăng rạng, cảnh thu rất đẹp...»; thế mà bấy giờ là mùa xuân! HLNTC chép nối rằng chúa viết thư cho bày tội cũ *Trương Đăng-Quĩ* vẫn làm binh-chương với Chính, nhờ xin vua cho về châu. Lời thư ấy còn chép (sẽ xem sau). *Đăng-Quĩ* tâu vua. Chiêu-thống bằng lòng và sai *Đăng-Quĩ* dự-định báo tin cho chúa và làm sứ đón. HLNTC chỉ ghi rằng: «Bấy giờ chúa ở Hàm-giang. Nghe tin Như-ông với Chính thông tin-tức, nghi có mưu gở. Bèn lập tức sai người hũu thuê thuyền buôn, nhân đêm đưa cả đồ-đăng đi Sơn-nam». LQKS cho hay rằng chúa chạy ra bờ *Hải-dương*, chắc muốn trở Đờ-son, SKTB chép rõ hơn: «Chúa chạy đi Hàm-giang. Đinh Tích-Như-ông đem chúa lui ra Đờ-son». Chứng chắc-chắn nhất là LTN:

«*Sông |Hàm trở lái, non Đờ đóng quân*»

Ở Đờ-son, chức-vụ Lê Huy-Dao là:

«*Vi-thần chưng thuở hộ-tùng*

«*Khi bồi nhung-trướng khi cung tao-đàn*»

Về việc «tao đàn», Huy-Dao còn ghi lại bốn bài thơ Đường-luật bằng Hán-văn liên-quan đến Đờ-son và Đinh Tích-Như-ông.

Bài đầu mang đề *Đờ son trú tất* (Dừng chân đóng ở Đờ-son). Có dẫn: «Trên núi có tháp xưa, gạch đề: Lí triều Long thủy bát niên. Cạnh núi, bốn bề đều nước. Dưới chân núi dân-cư ở thành tám làng» Tháp này dựng đời Lí Thánh-tông, năm Long-thủy-thái-bình thứ 8 (1061), sau bị đổ. Đời Gia-long, bị phá để lấy gạch xây thành trấn Hải-dương. Bốn vế đầu nghĩa là: «Chặn ngắt trên đỉnh núi có một phù-đồ. Dành đề Chúa ta nay dừng thuyền ở đây. Hồ nước bốn bề làm hào chướng ngại rất tốt. Nhà dân tám xã họp thành một kinh-đô.»

Bài thứ hai đề *Ngự thi* (thơ chúa làm) có chú: “ngày ấy quận Nhưõng tóm coi việc quân”. Trong bốn vế đầu có ý tán dương Tích-Nhưõng. Đại-ý là “Can qua toi bởi ội loạn tung bay. Ấy ai là kẻ rửa sạch đám mây mù ấy cho dân bốn phương. Gã chèo thè thốt nay có tướng. Tính toan quyết thắng xưa đã người nào...”

Bài thứ ba là *bài họa của Huy-Dao*; có vế thứ ba “Chiến-trướng hữu mưu thành nhị kiệt”, có lẽ muốn trở hai tướng là Đinh Tích-Nhưõng và kiêm Liên như Huy-Dao đã chú-thích chính-văn LTN. Quả thật vậy, loạn-đảng ở vùng Yên-quảng nay cũng về theo chúa. LQKS chép rõ: “Trịnh vương từ thua trận ở Quế-đ cùng Nhưõng về ngoài bề Hải-dương, Kiêm Liên, Ba Bá (quân-sư của Liên) đều hội lại. Thu hết binh ở dọc bờ bề Hoa-phong, Vân-đồn, quân thành có vài vạn, thuyền hơn bảy trăm...”

Chúa sai Huy-Dao soạn một bài thơ *ủy-lạo quân Nhưõng*. Có chú-thích rằng: “Bấy giờ Nguyễn Hữu-Chính nhiều lần viết thư tới dụ, nhưng quận Nhưõng kiên-chấp không nghe theo”. Tôi phỏng dịch bài thơ ấy như sau:

“Đã từng len đá với ven sông  
 Theo Chúa lang thang chẳng ngại-ngùng  
 Tranh nước khó thay, thân trót hện  
 Trao vàng hậu nhĩ, giặc đừng mong.  
 Đã đem thuận nghịch trương đôi mắt  
 Há vị gian hùng nhụt mảy lông  
 Sông núi cùng thề là khoán cũ  
 Ta theo gương trước sẽ đền công.”

Đọc các bài thơ chép trên, ta không hề thấy có sự nghi-kị gì đối với Nhưõng. Hoặc vì sắp chết đuối phải với lấy bèo, cho nên phải tăng bốc Nhưõng, nhưng, cũng không tin cậy lắm; sự bỏ Đồ-sơn đi Sơn-nam sẽ chứng sau. Còn việc Yên-đô muốn về Kinh, thì nếu bức thư gửi cho Trương Đăng-Quý có thật, nó rất có thể là tự Huy-Dao thảo. Sao Huy-Dao không từng nói đến? Huy-Dao không biết đến chăng? Sau này, khi quân Thanh đưa Chiêu-thống trở về ngôi cũ, Yên-đô sẽ về châu vua thật. Sự này hình như khẳng nhận thuyết HLNTC. Lời thư gửi cho Đăng-Quý như sau:

“Đời tôi không gặp thời, phải khi nước nhiễu nạn. Thẹn vì tôi là dich-tự Chúa, nên lo dãi đến sự thờ cúng miếu xã. Tôi đã dâng biểu trần tình,

rồi được nhà vua cho về châu. Ban đầu mới tới, chỉ muốn giữ sự cúng tế tiên cho trọn hiếu, thực không nghĩ đến chuyên noi nếp cũ chiếm nước. Sự thế xô đẩy; vì các tướng ép suy tôn, nên mang lòng vua giận. Đến khi Chinh vào Kinh, cung khuyết liền bị đốt. Con chim cháy tổ bay quanh quần không nơi nương tựa. Vì vậy linh-lạc giang hồ, không dám về châu. Sang nay ở Quế-đ, ngày mai ở Hàm-giang. Tự lo dựng nơi gửi thân, nên mang tiếng kháng vua. Khiến những kẻ ghét tôi có điều chê bai. Trước sau một lòng cung thuận mà không biết cách nào tâu lên. Ông có thể bày tỏ hộ tôi: thưa này, tiến hay dừng, tôi chỉ chờ mệnh trên.»

Theo lời thư, bầy giờ chúa còn ở Hàm-giang. Sau này sẽ thấy rằng, tuy vua Chiêu-thống muốn sai Trương Đăng-Quy đi về Kinh, nhưng chiến-tranh vùng Sơn-nam hạ không để làm công việc ấy.

(Còn nữa)

### Cùng một tác giả giáo sư Lý Văn Hùng

1.— Tây Sơn với Gia Long, tổng hợp tài liệu hơn 20 bộ sách, chia thành 30 hồi, viết bằng chữ Hán rất công phu có phụ lục Nam Việt khai thác sử.

2.— Thiên tự văn, 1 bài thơ tứ ngôn 250 câu, dùng 1000 chữ riêng biệt nhau ghép thành bài, giúp tự học chữ Hán.

3.— Tiếng Quảng đông và tiếng Bắc kinh, có chú âm và giải nghĩa mỗi câu nói, giúp phần tự học.

4.— Trung quốc văn tự học, dùng phương pháp khoa học giảng nguồn chữ và xếp thành hệ thống thanh vận, chung cả 5000 chữ thông dụng, giúp tự học chữ Hán.

# PHE CHỐNG ĐẢNG TÂY SƠN Ở BẮC VỚI TẬP «LỮ TRUNG NGÂM»

(...tiếp theo Sử Địa số 21)

▽ HOÀNG XUÂN-HÂN

## 5. YẾN-ĐỒ VƯƠNG TRÁNH TỚI BẮC-TRẠCH

- 91 Đỉnh Long-sơn toan ngăn một dải  
Bồng đạo Nam có khái phụng nghinh
- 93 Gậy chèo trống giục tiến hành  
Kia gènh nọ lạch uốn quanh lần lần
- 95 Qua cửa Lân, ngang sang Bắc-trạch  
Chú Lân-dương rước xách vào doanh

---

### CHỮ THÍCH

- 91 *Long-sơn* : ng.ch. núi Cửu-long giáp với núi Đờ. Nghĩa : chúa toan dùng núi Cửu-long để bảo vệ một vùng tự lập đóng quân.
- 92 *Đạo Nam* : xứ Sơn-nam (hạ). *Khái* : tờ trình chúa. Đây trở nhóm kháng Chính ở Sơn-nam viết tờ mời chúa về vùng dưới vì nghi Đỉnh Tích-Nhường.
- 93 *Gậy chèo* : nôm viết chữ *Cải*, có thể đọc *gậy*, nghĩa là kéo dây cây chèo. Cũng có thể đó là tiếng *cay*, nghĩa là áp mái chèo vào mạn thuyền mà kéo để thuyền quay sang bên trái. Nghĩa rộng là lái thuyền. Trong *Mai-dinh mộng kí* có : *Mãng vui sào gậy mái phé*. Nhưng âm *cay* thường viết bằng chữ *Kĩ*.
- 95 *Cửa Lân* : chỗ một sông nhánh nhỏ chảy ra bề ở phía bắc cửa Ba-lát, thuộc huyện Tiên-hải (ở bản-đồ phụ-trương, chỗ đề cửa Lân, thật ra là cửa Ba-lát. Cửa Lân ở trên một ít.
- 96 *Chú Lân-dương* : xem nghĩa tiếng chú ở về 82. Lân-dương hầu là Phạm-Tôn-Lân. Ở đây viết chữ Dương là bề lớn. HLNTC viết chữ Dương đối với Âm. N. c : « là con đại-vương Bắc-trạch trước (Đại-vương này là Phạm Tôn-Sĩ một võ-trưởng giúp chúa Minh Trịnh Doanh). Năm Mậu-thân (1788) lại theo hộ giá vào nội-địa ».

- 97 Cảm ơn đầu chẳng thấu thành  
 Cẩn vương há những Thái-bình một khu  
 99 Vùng đông ngu hận xưa chưa vợi  
 Bóng ngã cảnh gầy giặt vì ai  
 101 Chênh chênh gặp bước truân lời  
 Hồi loan bánh chiếc, tị đài mé xa

### CHI TIẾT THỜI-SỰ

Vụ *Bác-Trạch*.— Ngoài mặt, chúa Yến-đô tán-dương Đinh Tích-Nhưỡng, nhưng trong lòng không yên. May bấy giờ trong các huyện Đông-quan, Chân-định ở ven bờ phía nam Đờ-son, có nhiều nhóm chống Tây-son và Chính muốn mời chúa xuống vùng ấy. Trong đó có *Lân-dương* hầu họ Phạm người làng Bác-trạch, huyện Chân-định (nay Trực-định). HLNTC viết chữ *Dương* 洋 là bề, còn các sách khác như LQKS và LTN đều viết chữ 陽 nghĩa là khí dương. HLNTC lại cho biết rõ tên hầu là TÔN-LÂN, cha tên TÔN-SĨ, một đại-tướng đầu đời chúa Trịnh Doanh đã được phong tước đại vương sau khi mất. Tôn-Lân bấy giờ đứng đầu các hào-mục vùng Sơn-nam-hạ (HLNTC). Y gửi khải mời chúa về đóng tại nhà mình.

LQKS chép: «Lân-dương hầu người Sơn-nam tới Đờ-son đón. Chúa bèn phát thủy-sư tiến đóng tại Bác-trạch thuộc Sơn-nam. Người

### CHỮ THÍCH

- 97 *Thấu thành*: hiển lòng thành mà xử.  
 98 *Cẩn vương*: hết sức giúp rập vua trong cơn hoạn nạn. N. c: «Thái-bình là một tên phủ». Nay là tỉnh. Ý về này muốn nói không những vùng Thái-bình (Bác-trạch thuộc vùng này) cần vương mà thôi. Hình như Huy-Dao muốn nói lòng việc gì? Hoặc y không theo chúa tới Bác-trạch chẳng?  
 99 *Đông-ngu*: người xưa tưởng rằng mặt trời mọc tại một chỗ nhất-định trên biển, và đặt tên chốn ấy là Đông-ngu (góc đông). Đây vùng *Đông-ngu* nghĩa là mặt trời và trở vua Lê. *Vợi*: cạn, tiêu mòn. Ý về này là lòng vua giặt chúa chưa hết.  
 100 *Bóng ngã cảnh*: có lẽ phải đọc *bống*... N. c: «đánh nhau ở sông Bác-trạch, lại bị thua» Ý về này là trách Nguyễn Hữu-Chỉnh, hoặc trách Đinh Tích-Nhưỡng? Nên để ý đến chữ vần đứng thứ tư trong về *thất*, tương-tự như trong về 6 chữ vần ở thứ năm trong về *bát*.  
 101 *Truân lời*: gian-nan.  
 102 Nghĩa về này: chúa trở lại xứ Đông lẻ-loi, tránh nạn ở chốn xa xôi. Nên để ý đến lối văn khá cầu-ki, không rõ ràng, cố ý không nói rõ, của tác-giả.

miền biển theo nhiều.» Ta không chắc gì về sự Tôn-Lân thân-hành tới đón ở Đồ-sơn. HLNTC chỉ chép rằng « khi chúa đến huyện Chân-định, có Phạm Tôn-Lân lên thuyền yết-kiến » mà thôi. Còn Lê Huy-Dao, người chứng-kiến việc này, cũng chỉ ghi :

« Bổng đạo Nam có khái phụng nghinh...  
Qua cửa Lân, ngang sang Bắc-trạch  
Chú Lân-dương rước xách vào doanh »

Theo những chứng trên, tôi tin rằng Tôn-Lân đã sai người ra Đồ-sơn mời và đón chúa xuống Bắc-trạch để tránh sự có thể bắt-trắc của Đinh Tích-Nhượng. Về việc này, sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bắt đầu soạn vào năm 1856 và dùng những tài-liệu cũ, đã chép tên Phạm Đình-Thiện là người đón Yên-đô vương. Đó chỉ là một tên khác của Tôn-Lân. Sách ĐNNTC (tính Nam-định) lại chép : Phạm Trần-Thiện, con Viêm quận-công Phạm Đình-Sĩ. Đích xác cũng là Tôn-Lân.

Dấu sao, vào khoảng tháng hai, tháng ba năm ấy (Đinh mùi 1787), chúa được yên thân. Tích-Nhượng cũng liền rượt theo Chúa, xin gặp mặt để phân-trần. Theo HLNTC, Chúa hỏi ý Tôn-Lân, thì y khuyên Chúa nên tiếp, để dùng thanh-thế thủy-quân còn mạnh như quận Nhượng (Hồi 10). Nhờ vậy, hai nhóm hợp tác, truyền hịch khắp ba phủ thuộc Sơn-nam hạ : Thái-bình, Kiến-xương và Thiên-trường ; hẹn nhau dấy quân đánh Chính. « Trong khoảng mười ngày, kẻ theo về có tới vài vạn. Hẹn ngày cùng tiến : thuyền chèo đầy sông... Con em các cố-gia như Đoàn Nguyễn-Tuấn, Phạm Giáp, Nhữ Công-Liêu, Đào Nhữ-Toán cũng đều mộ hương-binh tới hội » (HLNTC 10).

Tham-vọng của đảng-nhân là kéo về đánh Thăng-long. Nhưng một chướng ngại rất lớn là thủy-quân của phe Chính đóng ở trấn Sơn-nam, do trấn-thủ Hoàng Viêt-Tuyên điều quản ; mà Viêt-Tuyên là một tay kiệt-hiệt. Theo HLNTC, có du-khách từ Kinh-sur đến yết Chúa, mách các chuyện, có nói rằng Chính kiêu-lộng, lòng người H-bạn, Vua cũng ghét sợ ; y khuyên chúa gấp tiến binh về đánh. Thuyết-khách ấy là ai, và ai đã phái về ? Theo ý tôi, có thể đó là người của đồng-bình-chương Trương Đăng-Quĩ. Đăng-Quĩ là một trong rất ít đại-thần cũ còn trung-thành tích-cực đối với vua Lê. Y lại có quê ở xã Thanh-nê cạnh Bắc-trạch là nơi Chúa trú. Ta cũng đã thấy rằng Chúa đã từng nhờ Đăng-Quĩ xin hộ vua cho chúa trở về châu, và vua đã từng sung Đăng-Quĩ việc đi đón Chúa. Đăng-Quĩ bấy giờ đứng bực hai, ba ở triều nhưng chắc ghét sợ Chính.

Một mặt khác, đối với sĩ-phu chống Chính, thì quan triều là vào phe Chính; cho nên Đãng-Quĩ không dám về quê nhà đón Chúa. HLNTC chép rằng: “Đãng-Quĩ phụng mệnh đón Chúa. Đi đến phủ Tiên-hưng, vì đường bị ngăn, không qua lọt nên trở về”. Sau này, khi Vũ Văn-Nhậm ra đánh Chính, Đãng-Quĩ cũng sẽ chạy cùng vua lên vùng Kinh-bắc và sau nhà y ở Thanh-nê là một căn-cứ của Chiêu-thống trong thời kì chống quân Tây-sơn của Văn-Nhậm rồi của Phan Văn-Lân.

Yến-đô vương mới bắt liên-lạc với gia-thần cũ, *Bùi Thị-Nhuận*, hiện làm đê-trấn, cầm quân Kim-ngô, tức là quân cảnh-sát ở Thăng-long. Thị-Nhuận vốn xưa làm trấn-thủ Thái-nguyên. Sau lúc quân Tây-sơn rời bỏ Thăng-long, y theo phái chúa, đã từng theo lời xui của Trọng-Tể, đem quân uy-hiệp cung vua để bắt đảng chống Yến-đô. Rồi mấy tháng sau, khi quân Hữu-Chính sắp kéo đến Thăng-long, những tướng lớn như Phùng-Cơ, Tích-Nhượng đều bỏ chức, thì Yến-đô cho Thị-Nhuận coi việc quân. Xem đó, ta không khỏi ngạc-nhiên thấy Thị-Nhuận được an-toàn giữ chức cốt-yếu cho trị-an ở Kinh, bảo-vệ hai địch-nhân cũ là Chiêu-thống với Hữu-Chính. Tôi nghĩ rằng đó là vì bụng Chính muốn chiêu-dụ người Bắc-hà mà dùng Thị-Nhuận cũng như đã cố mời dùng quan Ngự-sử Nguyễn Đình-Giản như HLNTC đã kể chuyện tường-tận trong hồi bảy. Biết đâu rằng Trương Đãng-Quĩ đã không che-chở Thị-Nhuận để kéo bè.

HLNTC chép: “*Nhuận* bèn mưu với các người thân, dời hết các lính canh tuần tại các cửa ô. Con Chính là Bái-đình hầu rình biết tình ý, lập tức sai quân bắt *Nhuận*.” SKTB ghi rằng chúa sai người bảo *Bùi Thị-Nhuận* làm nội-ứng. Sự lộ. Chính tâu vua xin giết *Nhuận* và vài mươi người đồng-đảng. LQKS chỉ nói qua rằng *Nhuận* mưu đánh Chính. Sự lộ. Bèn chết.”

Sự này xảy ra vào tháng ba (năm Đinh-mùi 1787) đúng như SKTB chép. Liền sau đó, Chính sai trấn-thủ Sơn-nam Hoàng Việt-Tuyên đem quân xuống Bắc-trạch đánh Yến-đô vương. Vì Đình Tích-Nhượng chỉ-huy bất-lực, cho nên toàn thủy-quân phe Trịnh đã tan trong một trận mà thôi. Cả hai nguồn tin còn lại, LQKS và HLNTC, đều có ghi nhiều tiểu-tiết về trận này. Tuy đại-cương tương-tự, nhưng chi-tiết khác nhau: địa-điểm hơi khác nhau mà về thời-điểm thì không sách nào rõ chính-xác.

Nguyễn Bảo, tác-giả LQKS chép rằng:

“Thủy-quân *Nhượng* khi mới tới Bắc-trạch, lòng dân hăng-hái, thế

quân dấy trở lại. Nhưng Nhưõng kèm giữ quân không chịu tiến, đi đòi lương-thực về ngồi ăn, không chịu mưu sự đánh giặc. Các hào-kiệt mỗi người giữ đạo quân mình, tự-lập, cho mình là hơn. Quân không thống-nhiếp.

“Viết-Tuyền từ trấn Sơn-nam (Hiển, tức là Hưng-yên) đem một trăm thuyền bè qua đánh. Y sai *Nguyễn Trọng-Khang* làm tiên-phong, đem mười chiếc tiến thẳng tới cửa sông *Bác-trạch* (con sông nhỏ chảy từ hạ-lưu Nhị-hà gần bề ra cửa Lân và qua phía nam làng *Bác-trạch*). Tịch-Nhưõng sai *Ba Bá* đem tiền-bộ nghênh địch thuyền bè của *Khang*. Nhân có gió, Nhưõng bảo quân *Liên* và *Bá* (hai tướng nguyên chiếm vùng Yên-quảng. Bản chữ Hán của *Toyo Bunko* viết *Bồng* và *Bá*, nhưng chắc đó là chữ *Liên* 連 là sen mà lầm ra *Bồng* 蓬 vì tự-dạng và hội ý hợp) lượn qua lại mà bắn trả. Tuyền tự dẫn quân thủy theo sông cả (nhánh Bắc hạ-lưu Hồng-hà chảy ra cửa *Ba-lạt*) đi vòng rồi theo hạ-lưu sông *Bác-trạch* mà đánh phía sau quân Nhưõng. *Liên* tự dẫn bản bộ chắn ngang sông đón đánh. Hai trận (mặt trước và mặt sau) gò nhau khá lâu chưa rõ ai thắng.

“Nhưõng ở khoảng giữa, trông xa thấy vậy, bèn hăng lên, nói rằng : (Ta là đối-thủ với Chính ; còn bọn Tuyền sao đủ phải nói đến ! Ta nên đem thuyền nhẹ tự đi bắt Tuyền.)

“Nhưõng bèn bảo các đàn bà con gái trong thuyền phải lên bờ sông. Quân trong các thuyền khác từ xa thấy vậy, đều sợ hãi. Chúng nói với nhau rằng Trung-quân đã trốn rồi ! Rồi các quân đều tự tan, tranh nhau lên bờ. Tuyền thừa thế đánh riết. Nhưõng không thể kèm giữ quân lại ; bèn cùng chúa *Trịnh* chạy mỗi người một đàng...”

Theo thoại trên, trận thủy-chiến này xảy ra trên sông *Lân* một chi nhánh nhỏ của hạ-lưu Hồng-hà rất gần bề và cạnh hành-doanh của chúa đóng ở *Bác-trạch*. Những chi-tiết đặc-sắc, chính xác hữu lí khiến ta tin được. Còn như sách *HLNTC* thì chép rõ ràng về tiêu-tiết nhưng lại không hề nói đến sự quân Tuyền đánh vòng sau trận quân Nhưõng. Và tuy không nói rõ, nhưng tác-giả hình như đặt trận thủy-chiến này trên mặt sông Hồng. Lời *HLNTC* như sau :

“... Thủy-quân *Viết-Tuyền* đến sông *Ngô-đồng* (làng *Ngô đồng* thuộc huyện *Giao-thủy*, cạnh nam-ngạn sông Hồng bên cửa sông nhỏ, tên là sông *Ngô-đồng* chảy ra cửa *Hà-lân*). Hai chỗ phân-lưu của hai sông *Ngô-đồng* và *Bác-trạch* chỉ cách nhau chừng năm cây số), mà bộ-binh

chưa qua dò ở cửa sông *Đại-hoàng* (khúc sông Hồng-hà ở gần phía bắc Nam-định). Lính canh về báo tin. Nhưõng đem 200 chiếc tàu bè rất lớn dàn ngang sông, thành hàng *chữ nhất*. Súng đặt đầu thuyền, trông từ xa thấy như đặt trên thành. Quân Tuyền đến giao chiến; nhưng vì thuyền nhỏ, không địch nổi, bị *súng Báo-Long* bắn chìm trên sông. Tuyền sợ, muốn lui giữ Hoàng-giang (tức sông Đại-hoàng) để cùng bộ-binh bảo-vệ nhau.

“Gặp lúc bấy giờ gió Đông-nam nổi. Nhưõng sai tàu bè áp vào hai bờ, buộc thuyền, lên bộ; rồi ra hiệu cho quân chạy lên bờ, theo chiều gió mà bắn xuống thuyền quân Tuyền. Nhưng các trống của y là ô-hộp, đi, đứng, tiến, lùi, chưa quen hiệu-lệnh; lại do-dự dật-dờ, không ý chiến đấu. Lúc chúng lên bờ, bộ ngũ mất hết thứ-tự. Tuyền trên sông thấy thế, hô lớn lên rằng: Quân Nhưõng đã thua rồi! Rồi quân Nhưõng sợ hãi, tan-tác, tranh đường mà chạy, dày xéo lẫn nhau, không thể kim hãm được. Các thuyền, tàu, đều bỏ lại bên sông; hết thấy đều bị quân Tuyền bắt.

“Quân *Lân* (Phạm Tôn-Lân) ở phía sau, từ xa trông thấy bại-binh tan-tác, đều bảo nhau rằng Nhưõng đã bị giặc giết rồi. Chúng đều sợ hãi tay chân run cầm-cập. Lân cũng thể kim giữ chúng. Đồng thời chúng đều tan...”

Thật ra, hai thoạ ấ y có thể coi như là bờ-túc nhau và đều chứng thật sự hoàn toàn tiêu tán những binh-lực chính-qui chống chế-độ Hữu-Chính. Đinh Tích-Nhưõng chạy tháo thân về ẩn ở Hải-dương. Kiếm Liên và Ba Bá cỡi thuyền con rút về Yên-quảng, gắng gầy lại một đội thủy-quân, nhưng sau này sẽ bị Nguyễn Trọng-Khang tới đánh bại (tháng 10) theo LQKS. Còn Phạm Tôn-Lân, thì hộ Chúa đi thuyền chạy thẳng sang phủ Thái-bình, rồi lên huyện Thanh-quan, ở cạnh về phía Bắc.

*Vụ Đông-hồ.*— bấy giờ ở vùng này, các thổ-hào đã nhiều kẻ hưởng ứng lời kêu gọi cần-vương, phần để chống với phe đảng Tây-son, phần để bảo an địa-hạt. Đương-thời đã tôn gọi những kẻ cầm đầu ấy là *Thái-bình thập bát tướng* (LQKS), trong đó người có danh nhất là *Bùi Khuông*. HLNTC chép tên Trần Mạnh-Khuông; SKTB cũng chép như thế, nhưng sách này thường theo sát sách kia, cho nên không làm ta tin thêm rằng HLNTC đã chép đúng. LQKS chép tên Bùi Khuông, lại cho biết rõ ràng y là cháu quan tiến-triều Bùi Thuyên, người huyện Đông-quan. Tôi tin rằng thoạ LQKS là đúng. LQKS thêm rằng: “Khuông ít

học nhưng có tài lược. Lúc nhỏ từng giết người rồi bỏ trốn. Đến khi loạn, lại trở về làng gọi dân các tổng xã đoàn-kết dân đình bốn tổng trong vùng Đông-hồ. Đắp lũy dài dọc sông để tự thủ, rồi dấy quân; lấy tiếng là để đánh Chính, cùng với Nhưõng làm thanh-viện cho nhau. Cả phủ Thái-bình tôn Khuông làm đầu. Ngoài Khuông ra, các kẻ khác đều tầm-thường.» Kì thật sách ấy còn ghi lại tên một vài tướng khác trong nhóm ấy: *hầu Đắc-vũ, cai cơ Biêu* và em Khuông là *tiền Nhị*.

Cơ-sở trung-ương đóng ở làng *Bái-hạ* (HLNTC, SKTB). Vùng này ở gần bờ khoảng giữa hai cửa Trà-lí và Gia-hộ (Diêm hộ) là một khoảnh đất mới bồi, rất ủng nước, nhiều khe ngòi, chung quanh có sông lớn bực.

Cuối tháng ba (Đinh-mùi 1787), sau trận Bắc trạch, Phạm Tôn-Lân đưa Yến-đô chạy sang vùng này, được Khuông đón về đóng ở Bái-hạ. Chúa cho Lân làm quân-phủ trưởng lại, Khuông làm hành doanh sứ (HLNTC). Sách này có chép lời Khuông giới-thiệu đất mình, rằng: « Trước mặt có sông lớn ngăn, (sông Trà-lí ?); ra vào làng chỉ có một đường; lại có khe nhỏ quanh-co thông với sông lớn, có thể vận lương. Năm trước binh loạn, đất này là chỗ sung-yếu ở Đông-nam, tôi đã kinh-lí một lần, hào lũy đã chắc...»

Quả vậy, lúc mới trở lại Thăng-long, khi vừa mới giết Trọng-Tế nhưng chưa đánh Quế-đ, Chính từng đã cho quân lần đầu đánh Đông-hồ (LQKS). Sách ấy chép rằng: « Chính sai con là *thủ hiệu Bái-đình hầu* (Hữu-Du) đuổi giặc, đánh lũy Đông-hồ. *Đắc-vũ* hết sức chống giữ, bắn chết *Khánh-đức hầu* thuộc đạo Vũ-thành. Bái-đình hầu bị thương ở cổ, phải lui. Đại đội quân của *thống-suất Thái-linh hầu* (Nguyễn Như-Thái) tiếp đến. *Đắc-vũ* một mình không có viện, đạn dược hết. Ba mặt quân Thái đánh gấp. Lũy Đông-hồ bèn bị phá. » Trận này có thể coi là lớn; sao HLNTC không nói đến? *Đắc-vũ* là ai? Phải chăng cũng là Bùi Khuông? Hoặc giả lại có lũy Đông-hồ khác ở vùng Kinh-bắc chăng? Dẫu sao, theo chỗ chép trong LQKS thì trận ấy có lẽ xảy ra vào cuối tháng chạp năm trước.

Vào đầu tháng tư, khởi sự chiến-dịch Đông-hồ lần thứ hai và sẽ kéo dài trong bốn tháng. LQKS là sách đã kê lại khá tường-tận các trận này. NAK cho biết thêm ít điểm làm tăng giá-trị xác-thực của LQKS. Sách này chép rằng:

« Đã thắng ở Bắc-trạch, Tuyên mưu binh-định miền duyên-hải xứ:

Sơn-nam. Bèn dẫn thủy-quân vào cửa bể Gia-hộ (Diêm-hộ thuộc huyện Đông-quan). Chính lại riêng sai hầu *Tư-trung* (Nguyễn Đình-Viện), hầu *Tái-vũ* (?) đem quân đi đường bộ đánh dẹp đất các phủ Tiên-hung và Thái-bình, rồi cùng thủy-quân của Tuyên vây Đông-hồ.

« *Khuông* và Viên trước coi cơ Đàng-trung, tên *Biêu*, đem dân đình bốn tổng Đông-hồ đóng chặt cửa lũy đề tự-thủ. Bọn Tuyên đánh hơn một tháng không thắng... *Khuông* thường sai quân đang đêm lên ra ngoài, tập-kích quân Tuyên, từng thắng-lợi chút ít. Chính bèn phát quân Thăng-long xuống; sai *Thái* làm tướng tới giúp đánh... »

Thế là hầu hết các hùng-binh đại-tướng của Chính đều giồn về Đông-hồ. Thế mà sau ba tháng vây chặt đề triệt lương, mà dân chúng cũng không chịu hàng. Vua Chiêu-thống lại phái em ruột mình đem thêm quân và đốc chiến. Việc này xảy ra vào tháng bảy. Lời LQKS chép nói rằng :

« Quan-quân đánh Đông-hồ đã vài tháng mà không hạ nổi. Quân mệt, của hết. Quân-khi rất sút. Thỉnh-thoảng *Khuông* cho quân cảm-tử ra đánh quấy. Xét thấy quan-quân lão nhược, nhiều tên bị chết, có lắm kẻ bần nên hãy đề mặc *Khuông* ở đó, rồi sau sẽ tính đến. Nhưng Tự-hoàng (tiếng xưng-hô Chiêu-thống) và Chính bàn với nhau rằng: (Dẹp trừ nạn lớn, bọn tiếm-ngạnh đã bình. Một mình *Khuông* cố giữ cô-lũy, dám tự cho mình là kiệt-hiệt. Nhân-tình các trấn đều nhìn ngóng vào y đề xem ai hơn ai kém. Nếu không phá được Đông-hồ thì lấy gì đề chế phục thiên-hạ)... Bèn sai em vua là *Lê-Duy-Lưu* (chữ gồm bộ Thị và chữ Do, 祐 đó là cô-dạng chữ Lưu gồm bộ Thị và chữ Lưu là ở lại. Lưu nghĩa là cầu chữa bệnh. Các bản dịch HLNTC đã lầm ra chữ Tự là ống tay áo gồm bộ Y dễ lẫn với bộ Thị) đem cấm-vệ thân-binh đi thu mộ nghĩa-quân rồi thân đem đi coi việc đánh dẹp... »

HLNTC có nói đến các quân của Việt-Tuyên và của Như-Thái trong việc đánh Đông-hồ, nhưng không hề nói đến quân của Đình-Viện và nhất là đến quân của vị hoàng-đệ này. Thế mà sự Duy-Lưu được phái đi đốc chiến rất chắc-chắn vì nó liên-quan đến đời tư của *Bùi Dương-Lịch*, cho nên được y chép lại khá chính-xác trong NAK. Nguyên là, khi Chính mở vụ *cử hiền lương phương chính* vào tháng giêng (HLNTC), *Dương-Lịch* được sung chức cung-phụng ở viện nội-hàn (thư-kí riêng của vua), mỗi ngày vào giảng sách cho vua nghe. « Khi xong ra, thì hoàng-nhị-độ *Điền quận-công* đòi về nhà mình đề giảng kinh-nghĩa. Bấy giờ viên xuất-nạp là hương-cống người huyện Chân-định,

Trương Đình-Thụ (con trai đầu quan binh-chương Trương Đình-Quy) thấy Lịch được yêu, thì ghen ghét, đem lời mách với vua rằng hoàng-nhị-đệ có ý kết-nạp bày tôi. Nhưng vua lại đem lời Đặng-Thụ mách lại cho em. Bảy giờ bốn phương đã yên. Chỉ còn Đông-quan chưa phá được. Các tướng hay trương đại thế giặc đề đòi công to; cho nên vây đã lâu ngày (mà không phá). *Tháng bảy*, vua sai hoàng-nhị-đệ Điền quận-công qua đốc chiến; cho Lịch tùy hành nhưng-vụ. Điền quận cầm đầu các đạo quân đánh, bèn dẹp yên. Khi thắng về, vua cho Lịch hai trăm (phương) lúa và hai mươi (quan) tiền...» (NAK quyển 2, trang 83b).

LQKS cho biết thêm một vài tiểu-tiết: «Duy-Lưu thân chinh đốc-chiến; đóng quân ở *Thọ-Cao* (một làng ở huyện Thanh-quan ở phía tây cách Đông-hồ chừng mười lăm cây số). Bảy giờ các quân đạo Vũ-thành (của các tướng phe Chính) đều cạy có công nên tiếng đánh giặc. Khi tiến đánh lại không lập được công-trạng. Đến khi nghe Lưu đã đem quân đến, lại sợ rằng thành công sẽ không bởi nhờ mình. Chúng bèn mới họp quân lại tiến đánh. Quân Thái tự *Đông-bình*, quân Tuyên tự *Gia-hộ*, ba mặt đánh giồn lại... Khuông dẫn quân đêm ngày ra sức đánh. Thành coi, viện tuyệt, thế rất quẫn bách. Bọn Tuyên lại mộ được thôn-nhân làm hướng-đạo, gấp rút chia đường, cùng tiến tới, trèo thành thẳng lên. Em Khuông, tên là *tiền Nhị* (tiền là tiếng gọi tắt chức-vụ hoặc huy-hàm; hoặc y giữ nhiệm-vụ tướng tiền phong?) hết sức chống, rồi bị bắt. Lũy bèn bị phá tan. Khuông qua con sông (có lẽ sông Hóa ở phía nam huyện Vinh-bảo) trốn sang Hải-dương. Dân chúng còn lại bỏ chạy tan tành. Bọn Tuyên thả binh đốt cướp, không trừ lại một ngọn cỏ.»

LQKS không hề nói đến hành-vi của Phạm Tôn-Lân và chúa Yên-đô trong trận này. HLNTC tả cuộc phá vây của tướng Đông-hồ một cách linh-hoạt hơn, nhưng cũng hơi khác với LQKS. Lời rằng: «Tuyên và Thái từ phía trước phía sau đánh ập lại. Trong đồn, giữ chỗ hiểm mà cầm-cự. Hơn mười ngày, không phá nổi, Tuyên bèn dựng rào vây đề tuyệt đường vận lương địch. Quân nhà chúa hết miếng ăn, đến đổi phải đào củ chuối và rễ cây để ăn. Thế rất khốn quẫn. Lân và Khuông lật-đật gọi các thủ-hạ lại bảo rằng: (Đối với sự sẽ làm ma đói ở Bái-hạ, thì sao chẳng quyết tử-chiến một trận để giết vài trăm giặc cho khoái đã? Chúng bay ai có thể cùng ta thả hết tâm lực, để ta khỏi phụ Chúa và chúng bay cũng khỏi phụ ta? Nếu bị chết thì không phải làm ma mất trung mất nghĩa. Nếu khỏi chết thì huân-nghiệp về sau không thể lường được!) Chúng đều cảm-khích. Có hơn trăm người xin theo.

« Sau khi các người định tâm rồi, tất cả đều cỡi thuyền nan theo đường khe đi ra. Nhân khi Tuyền và Thái bất-ý, chúng vút lửa đốt doanh địch. Hai người này thàng-thốt không thể cự chiến. Lân và Khuông bèn phá vây, đem chúa ra lọt, cướp thuyền nhắm cửa bè mà đi về phía đông. Tuyền dẫn quân đuổi không kịp. Thái thả binh vào Bái-hạ, tha hồ giết-giốc. Trai gái già trẻ, không sót một người. Từ khi việc binh dấy lên, không đâu không bị binh-đao ; mà cái thảm trạng bị chém giết thì chưa đâu như chỗ này. » (HLNTC hồi 10).

Muốn biết dư-luận đang thời đối với việc kháng địch oanh-liệt của Bùi Khuông và đám dân-quân Đông-hồ, ta hãy nghe lời tóm-tắt và phê-bình của Nguyễn Bảo tác-giả LQKS :

« Sau khi loạn (Tây-sơn), dân chúng bốn tòng Đông-hồ suy-tôn Bùi Khuông làm trưởng. Dọc bờ sông bao bốn mặt, đắp lũy dài. Các xã thôn tán-mát ở trong. Chia nhau các cửa sông mà giữ một người một nơi. Khuông và Biều đều chọn người tinh-anh mạnh khỏe được vài trăm, để làm thân-binh. Qua lại đốc thúc đánh. Mỗi trận thì tùy phương tiếp ứng. Nhiều lần đầy lui đại-đội địch. Chúng không dám phạm đến. Bấy giờ, bọn Tuyền thừa thắng đến cướp đất. Đi tới đâu như gió cuốn. Chỉ có Khuông một mình cầm chống từ đầu tháng tư đến cuối tháng tám... Khuông lấy vài nghìn dân nông-thôn chống lại vài vạn quân của bọn Tuyền, mà giữ được ngoài trăm ngày mới thua. Có thể gọi Khuông là một chàng mạnh đó ! »

Quả thật vậy, chống Nguyễn Hữu-Chính có biết bao người. Nào đại-tướng quận Thạch Hoàng Phùng-Cơ, nào thủy-soái quận Liễu Đình Tích-Nhưỡng, nào đa-muru như tiến-sĩ Dương Trọng-Tế, nào dũng-cảm như tạo-sĩ Nguyễn Đình-Mãi, cho đến đề-linh Bùi Thế-Nhuận cầm quân cảnh-vệ giữa Kinh-đô. Thế mà mới đụng với quân Chính một trận đã tan, hoặc mới mống muru đã bị giết. Chỉ có Khuông, một tên áo vải, tựa vào lòng dũng-cảm của nông-dân, biết dung-hòa nghĩa cần-vương với sự an-toàn cho thôn-ấp, mới chống nổi với đại quân, gồm những kẻ tuy gốc cũng nông-dân, nhưng đã biến thành người của triều-đình chỉ chức lập công lĩnh thưởng.

Sau thắng trận Đông-hồ, Hữu-Chính được thăng *tước nhất tự công* : Bằng công. Ba đại tướng người Nghệ-an tay chân của Chính đều được phong quận-công : Viêt-Tuyền thành quận Quang, Như-Thái thành quận Thái, Viêt-Khang (hoặc Trọng-Khang) thành quận Chính. Bấy giờ vào đầu tháng chín năm Đinh-mùi (1787).

Những kẻ bại trận ở Sơn-nam hạ đầu chạy lên phương bắc. Đinh Tích-Nhưông trở về vùng quê-quán Hàm-giang. Kiềm Liên và Ba Bá trốn về Đồ-sơn rồi quay về sào-huyệt cũ ở Yên-quảng, rồi vào tháng 10, bị thủy-quân Nguyễn Việt-Khang đánh lấy hết thuyền mảnh, phải chạy vào Thanh-hóa theo tướng Tây-sơn Vũ Văn-Nhậm (LQKS). Theo HLNTC thì «Chúa chạy về Hải-dương, rồi với bọn Lân cùng vượt bể đi Yên-quảng, giả xưng là khách buôn, phân tán trọ ở nhà dân châu Vạn-ninh (Mông-cáy). Chưa được bao lâu, vì việc nhà Lân từ-giã về. Theo chúa chỉ còn Mạnh-Khuông (tức là Bùi Khuông) mà thôi. Hơn tháng, Khuông mắc bệnh mà chết...»

Sau này ta sẽ theo dõi đời tị-nạn của chúa Yến-đô. Về Phạm Tôn-Lân, thì sau theo Chiêu-thống, làm đề-lĩnh khi vua được tái lập, rồi tòng vong sang Thanh và cuối cùng được trở về nước năm 1805 (ĐNNTC). Riêng về Bùi Khuông, thì chắc rằng HLNTC đã chép lầm, vì LQKS kể chuyện rõ rằng một tháng sau (tháng 10), khi Vũ Văn-Nhậm kéo quân Tây-sơn ra đến Thanh-hoa, Bùi Khuông về hàng với Việt-Tuyên. Lời rằng: «Từ lúc thua trận Đông-hồ, Khuông trốn nấp ở huyện Tứ-ki (thuộc Hải-dương gần Đông-quan). Đến lúc này, tới Sơn-nam hàng với Tuyên. Tuyên bảo đi Thăng-long gặp Chính. Thấy Khuông, Chính rất mừng, lấy lễ tiếp khách mà đãi, hậu thưởng Khuông và khiến gọi bộ-khúc cũ để theo quan-quân hiệu dụng.» Sự này cho ta thấy rằng Khuông thật là một anh-hùng tuy đã đối-địch kịch-liệt với bọn Tuyên Chính, nhưng rất được các người này phục trọng, và Chính là một kẻ biết dùng người.

*Vụ Thanh Nghệ.*— Vào tháng 9 năm Đinh-mùi, thế Hữu-Chính và triều-đình vua Lê hầu như đã khá định. Nhưng cái mối lo to nhất vẫn sờ-sờ: binh-lực Tây-sơn đã tăng cường ở Nghệ-an sau khi sứ-bộ Trần Công-Xán không những thất-bại mà lại còn bị gìm xuống bể.

Những sự-kiện lớn trong giao-thiệp giữa hai triều Nam Bắc trong năm Đinh-mùi (1787) này, các kí-tải đều chép như nhau: Hữu-Chính mật mưu với tướng Tây-sơn tên Duệ đóng ở Nghệ-an, sự lộ, Duệ trốn về Qui-nhân; Huệ đòi đất Nghệ-an và muốn gọi Hữu-Chính về Phú-xuân; Chiêu-thống sai Trần Công-Xán vào biện-bạch lẽ muốn giữ Nghệ-an; Huệ sai Vũ Văn-Nhậm ra chiếm Nghệ-an rồi ra Thăng-long bắt Hữu-Chính. Nhưng ngoài việc quân Văn-Nhậm kéo ra Bắc, những việc trên không được đặt vào thời-điểm nào cho chính-xác. Sau đây tôi sẽ cố gắng xác-định một vài điểm.

Về phái-bộ Trần Công-Xán, HLNTC có chép rõ tháng khi về và ngày bị đánh đắm thuyền. Phái đoàn được thả giam rồi đem ra cửa bể Tư-dung. « *Tháng ba* mùa xuân năm Đinh-mùi, thuyền từ cửa Tư-dung trương buồm ra đi, không mấy ngày đã đến cửa bể *Đan-nhai* thuộc Nghệ-an... *Nguyệt* (tướng Tây-sơn bạn-tổng sứ) cùng các sứ-thần ghé thuyền vào bờ rồi cũng lên bộ... Sau đó, cả bọn lại lên thuyền ra bể. Vừa ra đến ngoài khơi, *Nguyệt* bèn sai bọn lái thuyền đục thuyền cho nước vào, làm đắm cả các sứ-thần xuống bể. Hôm ấy đúng ngày *11 tháng 4* mùa hè năm Đinh-mùi (27-5-1787)» (HLNTC hồi 12). Trong bức thư của giáo-sĩ Doussin viết ngày mồng 6 tháng 6 1787 (21 tháng 4 lịch Lê) có nói « *Mới đây có một sứ-thần ngoài Bắc vào Nam-hà; người ta không rõ lí-do của sứ-mạng* » (SĐ số 9-10 trang 233). Câu này khiến ta tin những thời-điểm mà HLNTC đã cho biết, nếu LQKS không cho một thoại khác về năm mất của phái-đoàn (xem sau). Nhưng ở điểm này, HLNTC có phần đúng lí.

Từ đó suy ra thì cuối tháng ba, sứ-bộ ra về. Ta lại biết rằng phái-bộ vào biệ-n-bác với Nguyễn Huệ sự đất Nghệ-an vốn không hứa cho Huệ. Huệ giận, đã sai giam các sứ-thần, và sai bọn Trần Chánh-Ki dỗ dỗ dùng Trần Công-Xán (HLNTC). Sứ-bộ ở lại Phú-xuân bao nhiêu ngày? Không đâu chép. Lấy lí phỏng đoán thì có lẽ chừng nửa tháng đến một tháng, nghĩa là sứ-bộ đã tới Phú-xuân chừng đầu tháng ba. Ta lại biết rằng hành-trình từ Thăng-long đến Phú-xuân mất từ 21 ngày đến 31 ngày tùy theo lối đi thường hay đi việc quân (*Giao châu chí*). Trong một bức thư của giáo-sĩ La Bartette viết ngày 23-7-1788 có nói đến chuyện Nguyễn Huệ từ Thăng-long cấp tốc về Phú-xuân « *Đường đi thường mất 20 ngày...* » (SĐ số 9-10 trang 234). Suy từ những số ấy, ta thấy rằng sứ-bộ ra đi vào khoảng thượng-tuần tháng hai năm Đinh-mùi, thời-điểm khá phù-hợp với sách LQKS chép vào tháng giêng, bởi vì đây có thể chỉ là lúc bàn định mà thôi. Sách SKTB biên vào tháng 3, e là chậm quá.

Lí-do sự giết sứ, theo HLNTC, là vì không muốn cho về kể rõ chuyện anh em Nhạc Huệ đang đánh nhau bấy giờ. Sự ấy hợp lí và hợp tính Huệ chú trọng về bí-mật quân sự. Vậy những thời-điểm liên-quan đến sự anh em Tây-sơn đánh nhau năm Đinh-mùi này là quan-trọng cho sự hiểu rõ các sự-khiến khác. Các sứ sách tôi được xem không đâu chép rõ ràng, trừ bức thư của giám-mục Veren viết ngày 30-6-1788 (SĐ số 9-10 trang 237) đã cho biết rằng cuộc chiến-tranh bắt đầu từ

tháng giêng âm-lịch và chấm dứt vào tháng năm. Ấy cũng khẳng-định những thời điểm chép trong HLNTC và LQKS về sứ-bộ.

Một sự kiện khác cũng phải được đặt đúng trong thời-gian, ấy là sự tướng Tây-sơn là *Nguyễn Huệ*, trấn thủ Nghệ-an, đã bỏ doanh-đồn để trốn về Qui-nhân, sau khi đã thăm mưu với Hữu-Chính để chống Huệ. Không đâu chép rõ thời-điểm này. HLNTC chép chuyện theo lối *bản mặt* (nghĩa là phép *đầu đuôi*: mỗi chuyện được chép suốt từ đầu đến cuối mà không xen chuyện khác vào tuy theo thời-gian đáng phải xen) đã kể rằng: vì Vũ Văn-Nhậm ra Nghệ-an bắt Huệ, nên Huệ đã trốn trước, rồi Văn-Nhậm viết thư trách và dọa Chính làm cho Bắc-hà nhốn-nháo; vì lẽ ấy Chính bàn với vua sai sứ bộ vào Phú-xuân. Theo thoại ấy thì sự Huệ trốn là nguyên-nhân, xảy ra trước, và sự sai sứ là kết-quả xảy ra sau. Sách LQKS chép theo lối *cương-mục* (tóm tắt trước rồi trưng-bài sau) và theo lối *trường biên* (theo thời-gian chung cho mọi việc, cho nên chép nhân và quả rời nhau). Nhưng khốn nỗi, sách ấy chỉ thỉnh-thoảng mới ghi tháng: ví dụ vào năm Đinh-mùi 1787 này, chỉ ghi tháng 2 và tháng 10 mà thôi. Sách ấy chép chuyện sai sứ trước tháng 2, và chuyện Huệ trốn sau tháng 2 và sau cả chuyện *thi Cát-Sĩ* mà ta biết chắc là vào tháng 3; còn việc Văn-Nhậm ra đóng quân ở Nghệ-an (Phù-thạch) thì chép vào tháng 10. Lại theo sách ấy, duyên cớ sự sai sứ là Huệ đã sai người ra đòi đất. Không phải rằng thứ-tự thời-gian chép trong LQKS là đáng tin cả, nhưng phải chú ý đến chỗ này, sách ấy chép chuyện Chiêu-thống sai em đốc-chiến Đông-hồ xen vào khoảng giữa sự thi cát-sĩ và sự sai sứ, tuy rằng ta biết chắc (xem đoạn trên) rằng sự ấy xảy ra vào tháng 7. Cứ theo thoại cuối này thì chuyện Huệ trốn xảy ra sau tháng bảy và trước tháng mười nghĩa là sáu, bảy tháng sau thời-điểm hiểu theo thoại trên. Ta phải nhận bên nào gần sự thực? Ấy mà tôi cố ý đã không kể những thoại hiểu theo các sách ĐNTL (chính-biên quyển 2 kí 1) hoặc ĐNLT (quyển 30) làm kẻ đọc hiểu rằng sự xung-đột võ-trang giữa anh em Tây-sơn hoàn toàn xảy ra trước năm Đinh-mùi.

Ta hãy tạm gác việc Huệ trốn, để trở lại chính-sách của Hữu-Chính đối với biên-thùy miền nam, tức là đối với Tây-sơn. Nói tóm-tắt thì Chính muốn tranh-thủ đất Thanh Nghệ, nhưng sợ binh-lực Huệ và e-dè vì vợ con mình và của các tướng quan-trọng còn ở trong vòng Tây-sơn.

Khi Hữu-Chính đem quân Tây-sơn ra Thăng-long, dân chúng Nghệ-an không phản ứng vì bất ngờ. Nhưng đến khi Nhạc Huệ trở về, thì

hiều tồ-chức vũ-trang lê-tê chặn đường phản-kháng. LQKS còn ghi những vụ: đánh Nguyễn Như-Thái ở Yên-lưu (Quinh-lưu), Bích-vũ (ĐNNTC chép tên Nguyễn Tri-Tiến) người xã Hoàng-trường (Đông-thành) chẹn đánh Nhạc ở cầu Tiên-lí, bị giết; dân tòng Nộn-liểu (Nam-đường) đánh úp Nhạc ở núi Đại-huệ (Hưng-nguyên), bị giết tám chín phần mười; Tiến-vũ (ĐNNTC chép tên là Nguyễn Đình-Tài) người huyện Thạch-hà rình đâm Nhạc trên đường núi Kì-hoa.

Khi rút quân về Đàng trong, Huệ đề Nguyễn Duệ (hoặc Văn-Duệ, LQKS viết 齋 các sách khác viết 齋) ở doanh Nghệ-an (có lẽ Vĩnh), Chiêu-viễn tức là Vũ Văn-Dũng ở Hà-hoa (nam Hà-tĩnh bây giờ) và tả quân Vũ Văn-Nhậm ở Động-hải. Nhưng sau đó rút Chiêu-viễn về đóng ở Thôn-gõa ở phía bắc sông Gianh và rút Duệ về đóng ở Hà-hoa. Có lẽ bấy giờ mưu của Huệ là đề Chính cô-lập ở phía bắc sông Lam, để làm mồi cho dân chúng Nghệ-an trừu-khử. Vì vậy Chính ban đầu không dám ra khỏi làng mình, là Đông-hải ở huyện Chân-phúc (Nghị-lộc ngày nay). Các sự-kiện trên phần lớn rút từ HLNTC và tên đồn Thôn-gõa thấy chép ở LQKS. Chính-quyền Lê Trịnh hình như thiếu mặt ở Thanh-hoa và Nghệ-an. Đến tháng 10 (Bính-ngọ 1786), khi thế Chính khá mạnh ở Nghệ-an chúa Trịnh đặt những kẻ địa-phương làm trấn-thủ: Bùi Thế-Toại trấn-thủ Nghệ-an, Lê Trung-Nghĩa (quận Mãn) trấn-thủ Thanh-hoa. Nhưng khi Chính kéo quân ra Bắc (tháng 11), Thế-Toại trốn và Trung-Nghĩa tử trận.

Thấy Hữu-Chính thế - lực phòng lên, Huệ phản - ứng liền. Bùi Dương-Lịch trong NAK kể chuyện rằng: « Khi binh Nghệ-an vào hộ-vệ, Tây-sơn sai tướng Nguyễn Duệ ra chiếm Nghệ-an (Vĩnh-doanh), và tướng Nguyễn Đình theo Chính cùng đi Thanh-hoa. Tướng-sĩ của Chính tức giận khôn xiết, hăng lên muốn đọ sức thề sống chết đánh quân Tây-sơn. Ban đầu, quân Chính còn mượn dùng quân-sắc Tây-sơn; bấy giờ lại đổi theo chế-độ cũ để tỏ quyết-tâm. Vì vợ con mình còn ở Thuận-hóa, và vì việc mình làm chưa được nửa phần, Chính lo xây sự bất-trắc, bèn ủy-khúc hòa giải cả hai bên ». Khi ra đi, Chính đề Nguyễn Như-Thái ở lại trấn Nghệ-an. Thấy Duệ ra, Chính cũng thăm gọi Như-Thái theo ra, chỉ đề lại người đại-diện là Nguyễn Viện đề cộng-tác với Duệ (NAK quyển 2 trang 82b và 84b). Dương-Lịch kết: « Bởi vậy Nguyễn Đình lưu lại Thanh-hoa. Chính được yên đề đi tới Kinh hộ-vệ vua. Nhưng mà hai xứ lại vào tay Tây-sơn. »

(xem tiếp trang 213)

(...tiếp theo trang 16)

## PHE CHỐNG ĐẢNG TÂY SƠN Ở BẮC VỚI TẬP «LỮ TRUNG NGẨM»

▽ HOÀNG XUÂN-HÃN

Vì phải sửa-soạn chiến-tranh với Nhạc, Huệ lại gọi Nguyễn Đình từ Thanh-hoa về Phú-xuân (NAK, quyển 2 trang 84b). Sự này có lẽ xảy ra vào đầu năm Đinh-mùi 1787. Theo LQKS thì lúc ấy có một người làng Nhân-mục, huyện Thanh-tri, mang tước *Chữ-trung* tới Thăng-long trình tờ chiếu của Nhạc cất y làm trấn-thủ Thanh-hoa, và «xin mệnh vua Lê; Tự-hoàng bắt-đắc-di phải bằng lòng». Liền trước mục này, sách ấy chép việc sai sứ vào Phú-xuân, mà giải-thích rằng «vì Huệ đã sai người tới Kinh đòi đất»; rồi chép nối rằng: «vì Huệ sai người tới đòi đất, và thấy xứ Nghệ an trống không, cho nên sai *Nguyễn Như-Thái* trở về trấn-thủ.» Có lẽ bấy giờ Huệ đã trở vào doanh Hà-hoa. Tôi nghi rằng người được sai ra đòi đất chính là *Chữ-trung* kia. Nếu không phải y thì sao y cần gì phải ra Thăng-long mới được làm trấn-thủ Thanh-hoa, tờ chiếu của Nhạc cũng đủ. Có lẽ nhân ra nhậm chức, chúa Tây-sơn lại giao thêm cho y đặc-vụ báo cho Hữu-Chính biết ý Tây-sơn định cầm giữ hai xứ Thanh Nghệ, chứ không trả lại cho Chiêu-thống. Quê bên cạnh Kinh-thành, *Chữ-trung* năm trước đã theo Nhạc đi vào nam; bấy giờ được lĩnh trấn Thanh-hoa, có lẽ lưỡng-lự muốn theo cả hai chính-quyền, cho nên đã «xin mệnh» vua Lê. Nhưng nếu theo sát lời sách LQKS, thì sự Huệ đòi đất có lẽ xảy ra sau khi *Chữ-trung* tới Thăng-long. Dầu sao, Hữu-Chính cũng không tin *Chữ-trung*. Đầu tháng 2 năm ấy (Đinh-mùi 1787) Chính bảo người giả xưng là Huệ sai tới doanh trấn bắt *Chữ-trung* mà giết đi. LQKS nói: «Bởi Nguyễn Nhạc mà *Chữ-trung* làm trấn-thủ Thanh-hoa, chứ không phải bởi ý triều-đình. Đến lúc Huệ sai người đòi đất, bờ cõi nam chấn-động. Chính sợ *Chữ-trung* cùng giặc hợp thế-lực; bèn sai người giả xưng rằng Huệ sai tới quân-sở rồi giết đi..! Rồi cho *Nguyễn Trọng-Duyệt* làm trấn-thủ Thanh-hoa để thu quân xứ ấy. Duyệt đóng doanh ở làng Dương-xá, trữ lương, luyện quân để phòng bị.»

Trọng-Duật, người xã Nộn-liễu, huyện Nam-đường. Theo LQKS thì y vốn là một viên nho-sinh trúng-thức, tính hào-mại, có mưu-lược. Khi Chinh khởi binh, đem y đi làm mưu-chủ. Về quân mưu quốc-kế, y bài vẽ phần nửa. HLNTC cũng chép sự *Nguyễn (Trọng-Duật) được sai đi trấn Thanh-hoa* ». Không hiểu vì sao, NAC lại gọi viên trấn-thủ này là *Lê Hằng*, vốn làm huấn-đạo.

Trong đoạn chép vụ đánh quận Thạch, HLNTC lại chép tên Lê Duật. Hoạc đó là Lê Hằng mà các sách gọi là Nguyễn Duật.

Tuy nói rằng vua Lê bồ Như-Thái trấn-thủ Nghệ-an, Nguyễn Trọng-Duật trấn-thủ Thanh-hoa, nhưng kì thật thì quân Tây-son vẫn đóng một ít nơi ở các xứ ấy: ở Nghệ thì chắc-chắn có, còn ở Thanh thì không lẽ Chử-trung ra trấn không có quân theo.

Vì vậy Chiêu-thống và Hữu-Chinh mới sai sứ-bộ vào Phú-xuân phân-giải về việc các đất ấy. Về việc đi sứ này, các sách đều chép khá rõ, nhất là HLNTC. Sách này kể lại tỉ-mỉ những lời vua tôi bàn với nhau, những lời sứ-thần bàn-luận dọc đường, những lời đối-đáp với tướng Vũ Văn-Nhậm giữa đường, những lời biện-giải với Nguyễn Huệ, những lời chối đỡ Trần Văn-Ki. Đây chỉ tóm tắt như sau :

Phòng chừng thượng-tuần tháng 2, Hoàng-thân quận *Nghiễn Lê-Duy Yếu* (theo LQKS và NAK, còn HLNTC chép tên An), đồng binh-chương *Trần Công-Xán* 燦 LQKS chép tên *Thước* 燦 và cấp-sự-trung *Ngô Nho* lên đường vào nam. Khi đi đến đầu đất *Quinh-lưu* (Nghệ-an), tướng Tây-son « chỉ cho ba viên sứ-thần và 18 người tùy hành qua mà thôi » (HLNTC hồi 9). HLNTC lại nói rằng phái-bộ gặp Vũ Văn-Nhậm ở doanh-trấn Nghệ-an (Vĩnh hay là Hà-hoa ?), nhưng sự này tôi nghi không chắc. Tới Phú-xuân, Công-Xán trao thư Chiêu-thống cho Huệ (xem HLNTC hồi 9). Sau đây là lời sách LQKS: « Huệ xem trong thư có nói rằng: (Đất Nghệ-an là đất căn-bản của nhà Lê. Các tinh-binh cường-tướng quê ở đó được dùng để chế-phục Bắc-hà. Nếu bỏ đất này, thì lấy gì làm nước nữa! Vậy không dám nhận lời yêu cầu) Huệ cả giận bèn giữ bọn quận Nghiễn lại không cho về, mà sai bọn Huệ tiến quân ra đóng ở Nghệ-an (Vĩnh) và chiếm lấy đất. Trấn-thủ Nguyễn Như-Thái lại trở về Thăng-long... »

HLNTC chép rằng sau khi nghe Công-Xán biện lẽ rằng Nghệ-an là đất cũ của triều Lê, vậy Lê có tranh giành đầu, rằng vua Chiêu-thống và Chinh không hề là địch-nhân của Huệ, vì Huệ đã bằng lòng sự Chiêu-

thống nổi ngôi Lê, và Huệ đã đề Chính lại Nghệ-an, chứ Chính không hề bỏ Huệ. Công-Xán lại ngờ ý rằng nếu Huệ đem binh ra đề chiếm đất thì vua Lê sẽ chống lại. Huệ giận, bèn sai giam các sứ-thần. Ngô Văn-Sở xin giết bọn Xán. Nhưng Huệ vẫn trọng Xán, sai trung-thư lĩnh Trần Văn-Kỷ dụ theo dùng, nhưng Xán kháng-khái cố từ. Vẫn theo HLNTC, tháng ba năm ấy, Huệ sai đô-đốc Vũ Văn-Nguyệt lấy thuyền bè tiến bọn Xán về, nhưng dận đến bờ Nghệ-an thì đục thuyền đề bọn Xán chết, không thể mách lại tình-hình chiến-tranh giữa anh em Tây-sơn. HLNTC lại chép chính-xác rằng « Hôm ấy đúng ngày 11 tháng 4 mùa hè năm Đinh-mùi (1787). Thế mà LQKS là sách thường đáng tin lại chép khác hẳn, rằng: *Sau, khi Huệ ra cướp đất Bắc*, Huệ sai bọn Nghiễn (Lê Duy-Yêu) đi đường thủy đề về theo. Đến Nghệ-an, mật bảo đục thuyền đề gim nước. Hơn 80 người bọn Yêu đều chết đuối.» Ta sẽ thấy một cách chắc-chắn rằng năm sau là năm Mậu-thân 1788, Huệ đi ra Bắc vào tháng ba và tới Thăng-long vào cuối tháng tư. Hoặc rằng HLNTC chép ngày tháng đúng nhưng lầm một năm? Nhưng những chi-tiết trong sách ấy như sự Huệ tiến tặng một trăm nén bạc gọi là quà của Ngọc-hân và sự Huệ hẹn sẽ gặp lại ở Thăng-long đề xử-trí việc Nghệ-an, tỏ rằng tác-giả sách ấy đặt việc trở về của sứ-thần vào năm vua Lê còn ngự-trị. Phải có gia-phả họ Trần Công-Xán ở làng Yên-vĩ huyện Đông-an hoặc họ Ngô Nho ở làng Tri-chỉ huyện Phú-xuyên, thì may gì có thể cất mối hồ-nghi này.

Dấu sao thì về phương-diện chính-trị ngoại-giao, phái-bộ ấy đã hoàn-toàn thất-bại. Không những thế, theo LQKS thì vì đó mà Huệ sai bọn Duệ « tiến quân ra đóng Nghệ-an (Vĩnh doanh) mà chiếm lấy... « Nguyễn Như-thái lại trở về Thăng-long. » Muốn đề-phòng sự bắt-trắc vì Chính, Huệ lại sai một bầy tôi chúa Nguyễn cũ, tên *Lê Văn-Đức* (tức là Huỳnh Đức sẽ giải sau), đã hàng mình, ra đóng ở *Diễn châu* đề kiểm-soát phần bắc Nghệ-an HLNTC hồi 9). Một tướng thứ ba của Huệ, tên là *Nguyễn Linh*, đóng đồn *Sa nam* tại huyện Nam-đường (nay là Nam-đàn) đề kiểm-soát miền tây xứ Nghệ.

Các việc này có thể đã xảy vào khoảng tháng tư tháng năm năm ấy (1787). Thuyết này phù-hợp với sự Như-Thái, vào chặng này, đem bộ-đội kinh-thành xuống Đông-quan hợp với quân Hoàng Viêt-Tuyền đề đánh Bùi-Khuông (xem đoạn trên), và cũng phù-hợp với sự Duệ bỏ Nghệ-an trốn về Qui-nhân sau vụ sứ Trần Công-Xán như LQKS và NAK đều chép, trái ngược với HLNTC.

*Vụ Nguyễn Huệ bỏ trốn về Qui-nhân.*— Theo thoạ LQKS và NAK, tôi đã nhận rằng Huệ dời quân từ miền nam Nghệ-an (doanh Cầu ở Hà-hoa) ra miền trung (doanh Vĩnh) vào khoảng tháng tư, tháng năm Bấy giờ Vũ Văn-Dũng có lẽ không còn đóng ở Bồ-chánh ngoại nữa, và có phần đã phải gọi vào đánh Qui-nhân. Vậy án-ngự biên-thùy bắc, chỉ còn Vũ Văn-Nhậm chắc vẫn đóng ở Động-hải. Một sự lạ là trong cuộc bắt hòa kịch-liệt với anh, Huệ không nghi-kị con rề Nhạc là Văn-Nhậm, và Văn-Nhậm cũng không có hành-động gì ít ra cũng đề hòa-giải đôi bên. Sự thật là Huệ đã rút hết quân của Nhạc về đề đem vây *Qui-phủ* (Qui-nhân), vì cuộc chiến-tranh kéo dài từ tháng giêng đến tháng năm, và quân Huệ bị tử thương rất nhiều. Trong thư của giáo-sĩ Doussain viết ngày 6-6-1787 (xem SĐ số 9-10, trang 232), có nói: « Nhạc hay tin ấy (tin Huệ tự xưng là Đức Chúa), không bằng lòng và cảnh-cáo người em. Nhưng ông này không những không vâng lời lại còn mộ một đạo quân 60.000 người đến giao chiến với Nhạc tại Qui-phủ. Ông ấy ở đó từ ngày lễ Tro-thánh. Họ đã đánh nhau hai lần. Người ta đồn rằng Đức Chúa đã mất đến nửa số quân; điều chứng tỏ rằng việc ông đang gặp khó-khăn là việc ông bắt mọi người phải ra trận... » (Đặng Phương-Nghi dịch).

Lễ Tro (chứ không phải lễ *Tro thánh*) tức là ngày thứ tư bắt đầu mùa chay, nhằm 46 ngày trước lễ Phục-sinh. Theo phép lịch Grégoire mà tính ngày lễ Phục-sinh (chủ-nhật sau ngày vọng đầu tiên sau ngày Lập-xuân) năm 1787, thì thấy rằng Bình-vương\* vào Qui-nhân ngày 21 tháng hai Dương-lịch, tức là ngày mồng 4 tháng giêng năm Đinh-mùi, thời-điểm phù-hợp với lời giám-mục Veren trong thư, viết ngày 30-6-1788 nói « chiến-tranh từ tháng giêng âm-lịch và chấm dứt vào tháng năm. Một phần lớn dân Huế tử trận. Sau đó hai anh em chia tay nhau... » (SĐ số 9-10 trang 237).

Bình-vương chiếm lấy đất Quảng-nam, rồi rút về Phú-xuân. Và theo dư-luận đương-thời thì « dự-định ra Kẻ Chợ (Thăng-long) đề xưng Chúa ở đó. Việc ấy có thể có lầm vì ông rất quan-tâm đến nó. Ông có ba đại-thần ở ngoài Bắc (ngoài đèo Ngang) một người ở chợ Vĩnh và hai người ở Bồ-chánh » (thư của Doussain, dẫn trên). Người ở Vĩnh là Nguyễn Huệ. Một trong hai người ở Bồ-chánh chắc là Vũ Văn-Nhậm ở Động-hải. Còn người kia, như tôi đã giải trên, không còn là tướng Chiêu-viễn

---

\* Huệ đã tự xưng là *Tổng quốc-chính Bình-vương*. Trong sách *La son phu-lử*, tôi đã đọc lầm ra *Chính bình-vương*. Trần Trọng-Kim đã mách tôi sự lầm ấy. Nhân đây xin cải-chính.

Vũ Văn-Dũng, mà rất có thể là tướng tiên-phong của Tả- quân là *Quỳnh-ngọc* hầu có lẽ mang tên *Đặng Giản* (xem sau).

Thấy Duệ ra đóng ở Vinh, Hữu-Chỉnh rút Như-Thái, nhưng vẫn để người lại giao-hảo với Duệ. Người ấy là ai? Như trên đã nói, HLNTC cho rằng Duệ trốn trước khi sứ đi Phú-xuân, cho nên chỉ nói đến người của Chính để lại lúc ra Bắc, nghĩa là vào tháng 11 năm trước: HLNTC chép là *Lê Duật* (hồi 9). Lời chép rằng: «Rồi Chính nhận được mệnh vua triều, cắt quân ra Bắc, và lưu người đảng mình, là *Lê Duật*, theo làm việc với Duệ. Ngày ra đi, hai ba lần đình-ninh dặn phải lấy ý tốt đối-đãi để mong làm thân. Duệ cũng đem ý tốt tiễn Chính. Sau khi Chính được trao chính-quyền, thường thường gửi thư qua lại, biếu tặng rất hậu. Lại sai người ngầm gọi Duật ra Kinh, thăm hỏi tình-hình nước Tây-sơn và dò đoán bản-ý của Duệ. Mới hay rằng vua Tây-sơn và Thượng-công (Huệ), anh em đã gây việc binh đao. Sau đó, lại được thư của Duệ hẹn sẽ góp sức đánh quân Nam; Chính rất mừng, cho rằng đất Nghệ - an có thể liệu chiếm được. Bèn sắm - sửa mười nén vàng, mười tấm lụa, sai Duật đem về yết Duệ, và đem lợi hại, họa phúc mà đe dọa dỗ dành; lại bảo Duệ sai người chiếm giữ đất Nghệ-an để ngăn-cách Chiêu-viễn (Vũ Văn-Dũng đóng ở Ngoại-Bổ-chánh), xây lại những lũy cũ ở Hoành-sơn, rồi lấy sông Gianh làm ranh như việc đời trước. Lúc ấy, thám-tử của Vũ Văn-Nhậm ở Nghệ-an khám-phá việc ấy, gắp rút về báo...»

Cần nhắc lại rằng, HLNTC nói chuyện tóm tắt như sau: Văn-Nhậm xin ra Nghệ bắt Duệ rồi ra Bắc đánh Chính, nhưng đang bận đánh Nhạc, Huệ chỉ sai Nhậm ra bắt Duệ rồi viết thư mắng Chính để xem Chính phản-ứng ra sao. Nhậm ra Nghệ-an, thấy Duệ đã trốn mất rồi, viết thư trách Chính. Chính trả lời nhũn-nhắn, rồi sai sứ vào Phú-xuân để phân-giải. Ta nhận thấy rằng chuyện Lê Duật nếu có thì xảy ra trong vài tháng đầu chính-quyền về Chính. Trong giai-đoạn này, ta khó nhận sự Văn-Nhậm đã trở ra Nghệ an vì còn có Văn-Dũng cũng là một đại-trưởng còn đóng gần Nghệ-an hơn. Chỉ có sự bắt Duệ, thì tướng này cũng đủ. Sự quan-trọng, như tôi đã trình bày, là ta khó nhận sự Duệ trốn trước khi sứ-bộ đi vào Nam. LQKS và NAK chứng rõ điều ấy. Cho đến sự Chính đề Lê Duật lại Nghệ-an cộng-sự với Duệ cũng không chắc. Ta đã thấy rằng Duật là một quân-sư can-trọng cho Chính lúc ban đầu (LQKS, xem trên), không lẽ lúc mới xuất quân, Chính đề lại sau. Bùi Dương-Lịch cho biết tên người lưu lại Nghệ-an là *Nguyễn*

*Đình-Viện*. Dương-Lịch ghi: « Tháng 11 (năm Bình-ngọ 1786, sĩ dân Nghệ-an theo Chính vào hộ vệ vua... lưu Nguyễn Như-Thái, người Thượng-xá làm *án-trấn* và Nguyễn Đình-Viện người Mi-dụ nguyên làm hiến-sát phó-sứ Tuyên-quang làm tham-nghị việc trấn » (NAK quyển 2 trang 81b). Đoạn sau chép nối: « Bấy giờ anh em Tây-sơn thế-lực ngang nhau, dần thành hiềm khích nhau. Vua Chiêu-thống bèn muốn thu-phục các đất Nghệ-an Thanh-hoa. Vì vợ con bị Huệ giữ lại, Chính chuyên bàn hòa, bèn sai Duy-Ốc, Công-Xán và Ngô Nho đi vào xin lại đất hai xứ ấy. Huệ giữ lại, không trả lời. Rồi Huệ tự cầm quân đánh thành Tây-sơn, gọi Nguyễn Đình từ Thanh-hoa về; đêm ngày huyết chiến, tử thương vô kể. Nhạc đóng thành cự-thủ. Huệ binh lực kiệt, bèn giảng giải rồi về. Duệ nghĩ mình là tướng cũ của Nhạc cô-lập ở Nghệ-an, sợ bị Huệ làm hại, bèn kết bè với Đình-Viện, sai Viện ngầm thông với Chính, hẹn rằng sau khi việc xong thì sẽ trả lại cho ta đất Nghệ-an, và sẽ lâu dài giữ tình lân-hiếu, Đình-Viện trầy kinh tâu việc ấy. Vua rất khen, muốn sai tướng cùng Viện về. Chính do-dự không quyết, lại sai Đình-Viện về Nghệ-an trước để liệu-lí. Đình-Viện về đến Nghệ-an, thăm mộ nghĩa-sĩ. Chính không ứng binh. Duệ sợ chuyện lộ, bèn đi theo đất Lào về với Tây-sơn (Nhạc), dặn Đình-Viện giữ Nghệ-an. Duệ có một ti-tướng tên là Nguyễn Linh còn đóng ở Sa-nam (Nam-đường) không chịu theo Duệ, bèn phản-công Đình-Viện. Đình-Viện thế cô, không viện, cùng hai con đều chết trận. » (NAK quyển 2 trang 84b).

Chép như thế khá rõ-ràng: chuyện sứ và chuyện Huệ Nhạc giảng hòa đều trước việc Duệ trốn. Sự giảng-hòa kia vào tháng 5 (thư G.M. Veren, xem trên). Vậy Duệ trốn vào sau tháng ấy, đúng như lời chép của Nguyễn Bảo tác-giả LQKS. Sách này chép vào sau việc em Chiêu-thống đi đốc-chiến Đông-hồ, một việc chắc chắn xảy ra vào tháng bảy. Lời chép như sau: « Sai hoàng đế Lê Duy-Lưu qua Đông-hồ đốc-chiến. Đạo Thanh-hoa bắt được Trịnh-Lệ (đã muốn ép Chiêu-thống phong vương). Thuộc tướng ở Sơn-nam là Duyên-phượng hầu bắt được Trịnh Đào (em Yến-đô vương từng đã cầm đạo quân cuối cùng ngăn Chính ở Sơn-nam)... Chính sai giết rồi mới tâu... Tướng Tây-sơn, trấn-thủ Duệ bỏ Nghệ-an, trốn đi Qui-nhân: nguyên Duệ tiến đóng ở Nghệ-an được vài tháng; nghe anh em Huệ và Nhạc đem binh đánh nhau, lòng rất bất bình; bèn đem quân bản-bộ từ Nghệ-an theo đường núi chạy về Qui-nhân. »

Thọai Bùi Dương-Lịch đáng tin vì thành-tích của Nguyễn Đình-Viện đã được biểu-dương trong *đền Tiết-nghĩa* mà vua Tự-đức sai dựng ở Hà-nội để thờ những người có danh vọng nhất đã bị hại trong giai

đoạn Tây-sơn. Trong tập *Lê mặt tiết nghĩa lục*, theo sự điều tra cẩn-thận của bộ Lễ chép rằng :

« *Đình-Viện* đậu hương-cống đời Lê cũ, giữ chức phó-sứ ở ti Thanh-hình hiến-sát xứ Tuyên-quang. Cuối đời Lê, đang ở li-sở, nghe tin nguy-binh Tây-sơn đến, y dâng sớ xin về, mộ hương-binh đánh giặc. Vua Lê sắc cho tùy nghi tính-liệu việc Nghệ-an. Năm Bính-ngọ (1786), y về đến trấn Nghệ-an, cắt các con đi chiêu-vũ hào kiệt, mộ hương-binh, chia nhau giữ các đường hiểm-yếu. Cùng binh nguy đánh, địch không nổi, bèn về quê sắm-sửa chiến-cụ và trữ lương mộ lính. Năm Đinh-mùi (1787), giặc vây nhà. *Đình-Viện* đem các con, rê, và hương-binh cự-chiến trong ba ngày đêm. Thế khuất, lực cùng, y cùng các con là hương-cống *Ngọc-Liến*, và *Ngọc-Triệu*, *Ngọc-Chấn*, rê là *Thiều-Tôn-Hiệp* đều chết. Giặc chặt các đầu đem đi. Hương-binh hơn ba trăm người đều bị giết. Bấy giờ vợ *Ngọc-Triệu* là *Hồ Thị-Viện* tuổi mới hăm mốt, vợ *Ngọc-Liến* là *Vũ Thị-Luyện* tuổi mới mười bảy đều chưa có con; đều đem thân đi theo lính nguy nài xin thủ-cấp, đem về hợp táng; rồi ở giữ tiết cho đến ngoài bảy mươi mới bị bệnh mà mất. »

Những lời trên cũng được chép lại trong mục Nhân-vật trong ĐNNTC tỉnh Nghệ-an. Trong lời khai của bộ Lễ cũng có dẫn sách *Lê-sử bổ biên*, lời chép giống hệt như lời trong NAK. Ta chỉ tiếc rằng hành-trạng trên không ghi một thời-điểm nào.

Về việc Duệ trốn đi, HLNCT cho biết một điều thêm là có một tướng khác của Tây-sơn cùng trốn với Duệ. Chép rằng : « Mùa đông năm ngoái, Thượng-công (Huệ) nghe Chính cầm quân vào bảo vệ vua, sợ có việc biến khác. Liền sai *Nguyễn Văn-Đức* cầm quân ra chiếm đóng Diển-châu, cùng linh ấn trấn-thủ với Duệ, đề cùng nhau đùm bọc như môi với răng. Rồi, nghe tin ở cõi nam có việc đánh nhau, Duệ và Đức cùng viết thư cho Chính, mưu với nhau hợp quân đưa về Nam, thừa-hấn làm loạn, hẹn sau khi thắng trận sẽ trả lại đất ở phía bắc Hoành-sơn. Chính cũng loanh-quanh chần-chừ chưa quyết. Đến lúc Nhậm biết rõ chuyện, hai người cùng bỏ xứ Hoan (Nghệ-an), Diển mà dẫn quân theo đường núi mà trốn. Duệ về với vua Tây-sơn. Đức vốn là một đại-thần triều ta, trước bị người Tây-sơn bắt, phải miễn-cưỡng theo làm việc, chứ cũng không vui lòng đề nó dùng. Đến bây giờ nhắm phương tây-nam, theo đường núi mà gieo mình đi thẳng về nước Xiêm-la ».

Lê Văn-Đức này là ai ? Lại một lần nữa HLNTC chép lầm họ, vì quả có một nhân-vật tên ĐỨC đã bỏ Tây-sơn mà trốn sang Xiêm. Ấy

là danh-tướng của chúa Nguyễn, tên chép ở sử là *Nguyễn-Huỳnh-Đức*, trước đó đã bị Nguyễn Huệ bắt được và ép theo rồi Huệ để lại Nghệ-an cùng Nguyễn Văn-Duệ. Lúc Huệ trốn, Huỳnh-Đức cùng trốn theo, nhưng nửa đường bỏ Huệ, trốn sang Xiêm theo chúa mình cũ, vì biết rằng Nguyễn Chung đang nương nhờ vua Xiêm ở Vọng-các. Cả *Đại-nam Thực-lực Chính-biên* và *Đại-nam Liệt truyện* đều chép rất dài về sự-nghiệp của Nguyễn Huỳnh-Đức (ĐNTL *chính biên*, quyển 4 trang 3a đến 6a, và ĐNLT *chính biên sơ tập* quyển 7 trang 10b đến 17b), tương tự gần nhau, tuy rằng có điểm chính-xác khác nhau. Sau đây sẽ dịch lời văn phần ĐNLT liên-quan đến vụ trốn cùng Huệ :

“*Nguyễn Huỳnh-Đức* 阮 黃 德 (Hoàng-Đức, tôi phiên-âm theo tiếng miền nam kiêng tên chúa Nguyễn Hoàng), người Kiến-hưng thuộc Trấn-định (ĐNTL, còn ĐNLT chép Định-trường là tên mới có từ năm 1808). Nguyên họ là Hoàng. Được ban quốc-tính, cho nên gọi là họ Nguyễn-Hoàng. Ông tên *Châu*, làm quan cai-đội, coi đội binh thủy Thuộc-binh Tam-thuyền. Bỏ tên *Lương*, cũng làm quan cai đội, coi Thuộc-binh Nhất-thuyền. Đức có trạng mạo khôi-vĩ, khỏe hơn hết mọi người. Người ta tôn là hồ-tướng. Ban đầu lệ-thuộc *Đỗ Thanh-Nhân*. Sau Thanh-Nhân có tội bị giết. Chỉ một mình Đức được tha và dùng. Năm Nhâm-dần (1782), giặc Tây vào cướp, vua chạy đến *Lữ-phụ* (gò Lữ), Đức cùng bọn *Trần Xuân-Trạch*, *Nguyễn Kim-Phàm* hộ tòng. Đến khi quân ta lại tập kích, phá được giặc, và đuổi đến *Trấn-định*, thì Đức làm tiên-phong, *Tôn-thất Cốc* làm trung-quân, tiến đóng ở sông Tứ-kì (Ngã-tư). Giặc Huệ bày thế trận bối-thủy (quay lưng vào sông để khiến quân phải liều chết mà chống) mà đánh kịch-liệt. Quân ta phải lui. Ngựa vua sa lầy, Đức xốc vua lên bờ, kéo ngựa lên. Ngựa không tiến, Đức đấm ngựa. Ngựa chạy mau, giặc đuổi không kịp. Lại một đêm, Đức hộ-tòng vua trên sông. Phu thuyền báo rằng trước mặt có rất nhiều buồm giặc. Vua muốn lợi lên bờ để tránh. Đức cho rằng sông nhiều cá sấu, xin cứ (chèo thuyền) đi thông-thả để xem thật hư. Nhìn xét thì ấy là đàn cò trắng đậu ngủ trên cây. Vua ở trong thuyền mệt lắm, gối lên về Đức mà nằm. Suốt đêm, Đức khua muỗi, con mắt không nhắm...

“Năm Quý-mão (1783), trong chiến-dịch *Đông-Tuyên*, Đức và 500 thủ-hạ đều bị giặc bắt. Huệ yêu cái dũng của Đức, bèn thu dùng. Đức muốn trốn về, nhưng thừa có phương-tiện. Lòng thường bưng-bưng tức-tối. Một đêm, ngủ trong doanh của Huệ, trong cơn chiêm-bao, Đức la lớn mắng Huệ. Trống giặc giạn, muốn giết đi, Huệ bảo : nó nói mơ

thì có tội gì (ĐNTL), không bắt tội, lại lấy nhiều châu ngọc cho, để hòng kéo kết. Nhưng cuối cùng Đức vẫn không bằng lòng.

« Năm Bính-ngọ, (1786), Đức theo Huệ ra đánh An-nam (ĐNTL; tức là Thăng-long; ĐNLT chép Bắc-thành, không hợp thời). Khi về, được lưu lại Nghệ-an. Trấn-thủ Nghệ-an, *Nguyễn Văn-Duyệt*, vốn là tướng của Nhạc, không thích để Huệ dùng *Đức lừa xui Duyệt* theo đường núi mà ngấm về Qui-nhân để hội với Nhạc. Duyệt tin lời. Lập-tức cùng quân mình, hơn 5000, theo đường núi mà đi về nam; sai Đức đem bộ-hạ (500 người, theo ĐNTL. Theo sách này, quân Duyệt cướp xứ Nghệ trước lúc rút) đi tiên-phong.

« Đi được hơn mười ngày, Đức sai người (trở lại) cảm ơn Duyệt, và nói: (Kể sĩ mỗi người có chủ mình. Đức mà không quên chủ cũ mình, cũng như Tướng-quân không quên chúa Tây-son mà thôi. Và chẳng, chúa cũ là chúa thật. Mệnh trời đã qui (xem bài hịch đánh quận bằng có trời về người úng). Nếu Tướng-quân muốn quay lưng phía tối, ngành về phía sáng, thì có thể đi cùng tôi, mưu dựng công bắt hủ. Bằng không thì từ đây Đức xin từ-giã.)

« Duyệt giận Đức đã lừa mình, muốn đặt kế giết đi. Liền lập-tức sai lệnh gấp tới dối rằng: (Lời ông chính hợp ý tôi. Mong ông đợi một chút, chúng ta sẽ (ĐTTTL thêm: họp bàn rồi) cùng đi) Đức biết đó là mẹo lừa. (ĐNTL nguyên chép dài hơn; thêm rằng: Đức được trả lời, cười mà bảo rằng «Trở lưng hay quay về là chỉ một mình Trấn-thủ làm, hà-tất phải gặp nhau đề bàn») Đức lại sợ nếu chậm đi thì Duyệt sẽ chụp bắt mình. Bèn lập-tức nhân đêm, rẽ đi đường khác, bởi lối *Lạc-hòn* mà qua nước *Vạn-tượng*, đây trở phần đất chứ không phải kinh đô Việntiane. Đường khó khăn quanh-co. Quân-sĩ hết lương; chỉ hái lá cây mà ăn. (Nói đây cả hai sách đều chép một chuyện nghe ra hoang-đường, cho nên ĐNTL chép lối phụ-chú, còn ĐNLT thì tỏ ý tin hơn). Thịnh-linh thấy một cây lớn. Trên cây thấy chim đậu ngủ hàng vạn. Rình bắt lấy, thì thấy đó là lá cây hóa ra: hai cánh đã thành, nhưng thân và đầu còn dính cành cây. Ăn thấy ngọt ngon. Ai cũng cho rằng Trời báo-ứng kẻ trung-nghĩa (Hoặc có cây gì quả có nhú hai cánh, trông từ xa tưởng là chim?). Những bộ-lạc dân Man nghe tiếng Đức, cấp cho lương-thực. Bèn đi được đến nước Xiêm.

« Lúc đến nơi, vua đã trở về *Gia-định*. Vua Xiêm muốn giữ lại. Đức lấy chết mà thề (không chịu), rồi kể bày tình-trạng mình trải gian-nguy

đi tìm chúa. Khí tức hằm-hằm đến nổi nhờ ra một cục máu. Vua Xiêm thấy chí ông không thề ép, bèn lấy lễ trọng đãi...”

Nhưng vua Xiêm vẫn cầm giữ Huỳnh-Đức lại. Ý chừng muốn dùng, vì các tướng của chúa Nguyễn trong thời-kì tạm lưu ở Vọng-các đã giúp nhiều cho vua Xiêm trong các chiến-sự: đánh lui quân Miến-điện (tháng 2 năm Bính-ngọ 1786 xem ĐNTL như trên, trang 19a, dẹp tụi cướp bề người Đờ-bà, tức là Mã-lai, tháng 3 năm ấy). Và bấy giờ vua Xiêm cũng bất-bình với chúa Nguyễn, vì chúa Nguyễn đã ngầm bỏ Vọng-các mà về nước. Đến mùa thu năm sau (Mậu-thân 1788), chúa Nguyễn mới được tin Huỳnh-Đức phải ở Xiêm; bèn sai người mang gạo sang cấp cho và bảo xin vua Xiêm cho chiến-thuyền chở lính về nước. Vua Xiêm cấp cho 50 chiếc thuyền, và lưu-huỳnh, diêm-tiêu, súng.” Tháng giêng năm sau, Kỉ-dậu, 1789, Huỳnh-Đức về đến Gia-định (ĐNTL). Về sau, Đức thành một đại-trưởng rồi một đại-thần triều Gia-long. Năm Gia-Long thứ 15 (1816), Đức từ không nhận chức tổng-trấn Gia-định rồi mất năm Gia-long thứ 18 (1819).

Xem chuyện trên, ta thấy rằng Lê Văn-Đức trong HLNTC chính là Huỳnh-Đức hoặc Nguyễn Huỳnh-Đức này. Tuy chép sai họ, nhưng đây cũng là một thẳng-điền của HLNTC. Giá như ta còn có thể tìm gia-phả của họ Nguyễn Đình-Viện ở Mĩ-dụ (huyện Hưng-nguyên tỉnh Nghệ-an) hoặc của họ Nguyễn-Huỳnh ở Mỹ-tho và nếu gia-phả cho biết ngày kị của Đình-Viện hoặc thời-điểm của sự Huỳnh-Đức bỏ Nghệ-an, thì ta giải-quyết chắc-chắn cái nghi-vấn ta đang xét. Nhưng cái chi-tiết kể trong hai quốc-sử, rằng « *Lúc đến nơi (Vọng-các), vua đã trở về Gia-định rồi* » cũng đủ cho ta khẳng-định rằng thoại LQKS về chuyện Duệ trốn đúng và thoại HLNTC sai về phương-diện biến-chuyển thời-gian.

Số là vua Xiêm bấy giờ là một tiếm-vương mới lên ngôi. Y vốn là tướng Chakkri (Chất-tri) mà vua Xiêm, năm 1781, sai sang đánh Chân-lạp mà quân chúa Nguyễn bảo-trợ. Vì vua Xiêm bắt giam vợ con mình, Chakkri xin hòa với tướng Nguyễn đề trở về Vọng-các, rồi chiếm được ngôi vua. Năm 1783 quân Tây-sơn đại phá quân Nguyễn ở Gia-định và lùng bắt chúa Nguyễn mọi nơi. Cùng đường Nguyễn Chủng phải chạy ra đảo Phú-quốc, rồi một mặt cho giám mục *D'Adran* đem hoàng-tử Cảnh sang Pháp-đình xin viện, một mặt tự thân đi xin viện ở Xiêm (tháng 2 năm Giáp-thìn 1784, ĐNTL). Tháng 6, chúa Nguyễn theo đại-quân Xiêm (2 vạn và 300 thuyền) về chiếm lại vùng Hậu-giang. Nhạc

được tin, tháng chạp, sai Huệ đem thủy-quân vào tiêu-diệt hoàn-toàn quân Xiêm ở Xoài-mút. Chúa Nguyễn lại chạy ra biên tây-nam. Tháng 3 năm sau Ất-tị, 1785, được thủy-quân Xiêm đưa sang Xiêm tị nạn. Rồi ở luôn tại Vọng-các từ tháng tư năm ấy đến tháng bảy năm Đinh-mùi 1787 mới trốn về Gia-định. Chúa Nguyễn ở trên đất Xiêm thế là hơn hai năm. Làm gì mà tin chúa cũ mình tị nạn ở Xiêm không lọt vào tai Huỳnh-Đức. Đường Lac-hòn đi Vinh là đường thông-lộ xưa nay giữa nước Xiêm và nước ta. Vậy chuyện Đức xui Duệ đi đường thượng-lộ về Qui-nhân để có cơ-hội trốn sang Xiêm rất có lí, nhưng chuyện Duệ sợ mưu mình với Chính bị bại-lộ chắc cũng có, tuy ĐNTL không hề nói đến. Đường thượng-lộ này chắc là đường theo thung-lũng sông Ngàn-sâu qua đèo Mụ-già đến Na-phao rồi một ngã đi sang phía tây đến Savanakhet, Lac-hòn, một ngã đi về phía nam. Không biết Duệ với 5000 quân có đi lọt hết đến Qui-nhân không và đi lối nào. Còn Huỳnh-Đức, thì chắc đã theo đường nói trên, có lẽ phải vài tháng mới đến Vọng-các, và đến đó sau khi chúa Nguyễn đã rời, nghĩa là *sau tháng bảy*. Xem vậy thì Duệ và Đức bỏ Nghệ-an sớm nhất cũng vào tháng năm tháng sáu năm Đinh-mùi 1787, và có thể vào sau tháng bảy, như LQKS chép vào sau vụ em vua Chiêu-thống đi coi đánh Đông-hồ. Sự Duệ trốn không thể xảy ra trước vụ sai Trần Công-Xán đi Phú-xuân (tháng giêng, hai) như HLNTC kể. Đó là một trong nhiều nhược-điểm của sách này. Nhưng ta chớ quên rằng sách này không phải là một chính-sử, nghĩa là tác-giả đoạn này (Ngô Thời-Du) không phải là một sử-quan có quyền và thể đề điều-tra kĩ-càng. Những chuyện y chép là những chuyện nghe thấy tự mình hay qua một vài ki-tải mà thôi.

(còn tiếp)

HOÀNG XUÂN-HÃN

**Phụ chú :**

Bài hịch đánh quận Bằng đăng trong sổ trước còn có chú thích những Hán ngữ và điển-tích nhiều. Sau đây là bản nguyên văn bằng nôm.

Nhân tiện xin cải-chính và bổ-túc một vài điểm quan-trọng trong bài đăng ở sổ trước.

10. Trong bài hịch ấy, trang 190, vế 49 : *chưa tỏ đời ra khôn-tỏ* (xem bản nôm).

20. Trong chú thích 69 trang 193, bổ túc : *Lữ thành* : văn từ trở số quân ít, khoảng đất nhỏ người ít. Điền : *nhất thành nhất lữ* (Tả truyện) :

Nguyên văn nôm bài hịch đánh quân Bắng (Lê Huy-Dao soạn)

討鵬郡既有整檄

漢節箕欺北狗。偃屬心調。恩覽官軍。唐鈴怒課。西行團執。鞞呵朗社。車駕節勁。虎之忝坦。恙踵鍾奇。初矜。些。溫預本支。擿異嫡派。論臣節堆。迺輔忍輅。擁迫率共。推戴丞術。導應呵筭。謀珍權網。匹果踰罔。紛忙渚及。修攘外紂。鍾垠埃受。責。雙絙。亂拱為跳。浩。狙欲平渚。轉檳。空。旗欽。差坤。許寔虛。罔。掣探。威群。擿碍。車出。幸沛。蹠權。變。寅。耶徐。芳抵。樓筭。纒。蕪頓。連。帝埃。羈。勒。蹠。於。兇。兀。重。蟄。樓。臺。余。笠。鞞。壤。堂。構。鄭。徘徊。育。昂。朝。市。隊。筭。想。會。衣裳。添。八。牙。城。郭。山。河。元。極。格。人。民。社。稷。拱。拱。畏。鍾。皇。朝。奸。賊。甌。鑊。特。寔。賴群。印。跼。鞞。空。關。匹。時。荒。煜。啞。在。存。包。冷。願。初。錦。駝。宮。蔓。莫。体。尼。為。鵬。郡。凌乱。械。餒。跋。國。帥。抵。担。謀。莽。操。美。主。碎。撫。源。羨。空。扱。天。王。筭。慢。嗜。桓。文。諾。吒。媿。破。散。如。泥。併。栢。群。饒。名。佐。掃。珣。牢。韶。叛。臣。油。宗。周。罪。大。美。須。屢。盃。中。興。寔。籙。群。低。茂。物。隆。功。之。女。負。平。祀。夏。杏。藐。躬。渚。稱。時。列。位。聖。王。術。輅。深。仁。厚。澤。可。滅。涓。主。憂。臣。辱。管。奈。之。國。重。身。輕。介。弋。帝。旬。給。放。成。余。僂。柶。朔。方。以。准。收。兵。嚙。嚙。忘。美。莢。團。鞞。珥。水。櫓。時。返。旆。邊。回。賊。沛。噴。聲。罪。希。罪。丞。呵。敢。稱。戈。在天。列。廟。跼。群。段。如。相。佑。鄧。功。戲。扒。有。道。熙。朝。茂。唯。緜。篤。匡。扶。捷。芳。尊。安。輅。輅。特。余。饒。咬。達。鞞。須。共。幾。飭。油。抄。鼎。鍾。填。採。礮。慘。忠。誠。付。包。鬼。神。行。咄。書。券。諮。功。罽。啞。盟。誓。搢。共。藏。諾。

丁未年孟春日。既有整記名。尊黎。經。廟。浩。又。二。處。再。犯。京。關。楚。王。宮。晏。和。王。迂。幸。京。北。日。者。檄。臣。扈。從。奉。拱。即。機。輪。傳。北。京。海。陽。寺。道。以。討。亂。民。

黎輝瑞撰

黃春瀚抄



Nguyên văn nôm bài hịch đánh quân Bắng (Lê Huy-Dao soạn)

chuyện vua Thiệu-khang đời Hạ, nước bị giặc chiếm, chỉ còn đất một thành (mười dặm), quân một lữ (5 trăm) mà rời bèn chí cũng khôi-phục được nước.

30. Trong bản đồ, trang 194, cửa Lân đời ra cửa Ba-lat (cửa Lân ở kê về phía bắc cửa Ba lát. Và Mục-son đời lên phía trên đường quan-lộ, để vào dưới chữ Yên-thế.

# PHE CHỐNG ĐẢNG TÂY-SƠN Ở BẮC VỚI TẬP «LỮ TRUNG NGÂM»

(...tiếp theo *Sử Địa* số 22)

● HOÀNG XUÂN-HÂN

*L.T.S* : Đã ba mùa Xuân, *Sử Địa* đặc khảo Tây Sơn : Số 9 và 10 về Quang Trung, số 13 về Kỷ niệm Chiến thắng Xuân Kỷ Dậu và số 21 về 200 năm Phong Trào Tây Sơn. Những kinh nghiệm lịch sử thời đại Tây Sơn sẽ rất quý giá đối với chúng ta hiện nay đang ở thời đại có nhiều điềm tương đồng. *Sử Địa* sẽ còn tiếp tục các công trình khảo cứu Tây Sơn và Xuân này, *Sử Địa* xin tiếp tục bài khảo cứu dài về Tây Sơn của Hoàng Tiên Sinh, đã bắt đầu đăng từ 21. Nhờ đó, chúng ta hiểu biết rõ về Lữ Trung Ngâm và những thâm định về tài liệu liên quan đến cuộc Bắc Tiến của Tây Sơn qua một lễ lối tìm tòi, biện bác, suy nghĩ thật đặc biệt của Hoàng Tiên Sinh.

## VŨ VĂN-NHẬM RA ĐÁNH BẮC-HÀ

- 103 Nổi Vương-gia đã là thề ấy  
Trong Hoàng-thành lại dấy phong-trần
- 105 Khuông vương ví thật Hoàn Văn  
Bắc-nhung chỉ có dám gần Đông-đô
- 107 Giận tôn Chu kia ai mượn tiếng  
Đề chín lần gói biếng cảnh yên
- 109 Gi nam đưa ngọn cờ chiến  
Thúy-hoa sớm đã ngự miền Bắc-kinh
- 111 Gẫm quốc-tình khá sa nước mắt  
Lại nhà thầy BẬT-TRỰC có thơ

113 Vi-thần lòng rối dường tơ  
Họa văn và gửi đệ tờ dụ-văn

**THÍCH NGHĨA**

- 105 *Khuông vương* : giúp vua.— *Hoàn văn* : Tề Hoàn-công và Tấn Văn-công là hai trong Ngũ bá đời Xuân-thu được tiếng là có tài phò vua thiên-tử : nhà Chu.
- 106 *Bắc nhung* : dân ở ngoài bắc-biên Trung-quốc đã uy-hiếp và thống-trị Trung-quốc nhiều lần. Hai vế này ý là : nếu Nguyễn Hữu-Chính giỏi thật như Hoàn-công và Văn-công, thì quân ngoại-xâm (trở Tây-Son) đâu có thể kéo ra Thăng-Long.— *Đông Đô* : vừa trở kinh-đô Đông-Chu là Lạc-ấp vừa trở Thăng-long.
- 107 *Tôn chu* : tôn Thiên-tử; ám chỉ Chính đã dùng tiếng phò Lê
- 108 *Chín lần* : dịch Hán-ngữ Cửu-trùng, trở vua. Ý vế này : Khiến vua vất vả ít nghỉ, (gối biếng) không yên.
- 109 *Chiên* : chữ Hán nghĩa là thứ da làm bằng lông cừu. Ta gọi con vật ấy bằng chiên. Có chữ đồng âm với chữ trên với nghĩa là hỏi. Có lẽ ở đây viết chữ này mới đúng. Nhưng ý tác-giả là chơi chữ.
- 110 *Túy-hoa* : Cờ của vua trang-sức bằng lông sã (chã) màu biếc. Văn từ trở vua, cũng như cờ *chiên* trở Tây-Son (màu đỏ). *Bắc kinh* tức là xứ Kinh-bắc (đổi ra Bắc-ninh từ 1831). Ý : quân Tây-Son kéo đến Thăng-long, vua Chiêu-thống chạy lên Kinh-bắc. Dưới vế này, có *nguyên-chú* : « Bấy giờ Nguyễn Hữu-Chính thác danh tôn Lê, quan ngự-sử người Vĩnh-trị (Nguyễn Đình - Giản) họ Nguyễn can vua rằng « Vương Mãng bèn chết, chân nguy ai hay, Tào Tháo còn sống, gian-hùng liền thấy » ; quan họ Lê người Hương-la (Duy-Đán) hặc rằng « hiệu quân Thiết-đột là trộm tên đời Thái-tổ (Lê), tên quân Vũ-thành là tự sánh với Chu-vương ».
- 112 *Nhà thầy* : tiếng xưng hô một kẻ ngang hoặc hơi kém mình. *Bật-Trực* : họ Bùi người cùng họ với Bùi Dương-Lịch ; lúc quân Nhậm tới đất Bắc, y đang làm thái-thường tự-khanh, được vua sai làm Sơn-nam tham-tán quân-vụ. đi dõ Hoàng Việt-Tuyên đánh Nhậm (NAK quyển 2 trang 85b'. *Nguyên-chú* : « Bấy giờ Bùi Bật-Trực làm khâm-sai tán-lí ở đạo Nam ». Hai nguồn phù-hợp. Theo NAK, Bật-Trực đã liên-can đến việc bỏ Trịnh Tông, việc giết Hoàng Đình-Bảo (1782). Có

lẽ Bật-Trực là bạn quen Lê Huy-Dao. Cho nên mới gửi cho bạn bài thơ này tỏ tâm-sự chứ không có ý gì về chính sự. Lời thơ dịch như sau :

« Sau khi loạn, từng đem trẻ về ở núi ;  
 Không dám hẹn với áo mũ ở Tràng-an.  
 Núi sông từ xưa có nhiều người ẩn giấu vụng thâm.  
 Tạo hóa như nay thật không cho ta nhân.  
 Trên mình áo ướt ; ít điều quên được.  
 Trước mắt kẻ thù trông ghê, giận khó nguôi.  
 Đầy sạch bụi, vắng tâm, cùng ai gặp ?  
 Trăng sáng, gió trong, ở giữa trời đất.

114 Trái, lại thơ họa của Huy-Dao chứa nhiều tư tưởng chính trị và tỏ lòng ông rất lo giúp vua. Ý như sau :

« Hoa và Di từ xưa đã ngăn sông núi ;  
 Mà bây giờ nó chiếm cứ, thì trộm nghĩ không thể yên.  
 Trên biên-giới gồ-ghề phương bắc, Vua đang chạy bỏ bờ  
 Cửa Đoan-môn vắng vẻ, rồng đá tro-trọi.  
 Thăm hỏi Chu, thì thế giặc xem chừng khó toan dẹp.  
 Khuông-phù tạ thì tôi dám đầu khuây.  
 Vì như trên sông Trường-giang này mà gặp gió gặp nước,  
 Thì phải giương mảnh buồm đi dẹp loạn cho yên »

NGUYỄN-CHỦ : (Tháng giêng năm Mậu-thân (1788), giặc Tây-sơn Nguyễn Huệ (làm ; bấy giờ Huệ sai Văn Nhậm cầm quân) trở lại cướp. Trọng-bình đóng ở Nghệ-an. Vua chạy qua sông, lên phương bắc. Vì thần vì vậy soạn bài hịch sau này, vàng gửi cho quan tán-lí (Bùi Bành-Trực) Nam-đạo, để chuyển đệ tới hành-tại Kinh-bắc. Được ban tiến-triều)

## HỊCH DỤ BỐN PHƯƠNG CẦN VƯƠNG ĐÁNH TÂY-SƠN

115 Ngã xung-nhân nhược viết (Ta trẻ dại nói rằng)

116 Đầu ba giương là đấng quân thần, ghê cao thấp, cũng cảm đàn ong kiến;

Chân thiên hạ ấy loài di địch, đảo dưới trên, chi dong thối  
 muôn dê.

118 Lòng hằng dầu sẵn lẽ Trời ;  
 Nghĩa cả phải lo thù nước.

- 120 Nhà nước ta : LAM-SƠN đầy tích,  
Hoàng-tử ra uy.
- 122 Trái bình NGÔ dựng nghiệp bá vương, gồm mười ba đạo  
mở-mang, bốn bề đẹp yên, khôn lường đức ;  
Từ diệt MẠC này quyền sủng-phủ, lẽ đôi trăm năm dũ cấp,  
muôn phương chẳng oán, ấy là ân.
- 124 Dưới trời đâu cũng tông Chu,  
Ngoài cõi có chi hoạt Hạ ?
- 126 Ấng phong-dịch mũi hung máu thấp, gươm Tào, một dải  
nước không trôi ;  
Chốn kim-thang khói ngất biếc tuôn, lửa Hạng, chín tầng  
mây cũng thâm,
- 128 Tại cức, con đà man-mác ;  
Sao lâm, cái én ú-ê.
- 130 Vạy hứa hôn, đành Tiên-chị muốn chi, chín lệ tàn dân. nên  
cát ái ;  
Mà thông sứ, há miếu-cung được chớ, cũng toan yên nước,  
phải liên-hòa.
- 132 Đảo điên nài thói ấy vốn thường ;  
Trọc loạn kẻ phen này là mấy ?
- 134 Lừa cửa không-cung êm khóa, giả tôn phù cho đất chước  
chính-cư ;  
Chiếc xe viễn-tái khua tìm, trá nghinh lập đề mua lòng  
thủy-phụ.
- 136 Đường cổ-đạo hồng-mao đỏ rực ;  
Miền Thần-kinh lân-giới tanh om !
- 138 An-nhương dù chẳng Di-Ngô, lễ nhạc y quan đời thói cũ ;  
Tảo-diệt ví không Phiêu-kị, sơn hà thành quách khác  
nền xưa.
- 140 Hồ-sô phúc Tấn khá làm gương ;  
Nhưng dịch loạn Đường còn đề dấu.
- 142 Và HOAN ÁI thói lương lại lĩnh, quấy đã tàn, trong ấy  
hai châu ;  
Bằng Kinh-dô biển Hạ làm Di, hại át kịp ngoài này  
các trấn.
- 144 Bước nước chành-vênh thề ấy ;  
Lòng người lo-liệu làm sao ?

- 146 *Trẻ thơ nên nổi trở-công, dường bởi nhất nhân hữu tội ,  
Tan-tác gặp cơn phân-loạn, khá thương vạn tính hà cô.*
- 148 *Lìa thành tị địch, cũng là quyền ;  
Hợp nước phục thù, đã sẵn thế.*
- 150 *Ngoài phiến-khôn hịch lòng sao rudi, lấy Sóc-phương làm  
chốn thu binh ;  
Dưới hành-doanh cờ nghĩa gió lay, trở Nhị-thủy đính  
ngày phân bãi.*
- 152 *Tồ đức, tông công, đành-rạnh đó ;  
Trung thần, nghĩa sĩ lạc-loài đâu ?*
- 154 *Kẻ đình.chung từng nặng quân-ân, thủy-lôi ấy kinh-luân  
đại hội ;  
Miền điền tình cũng như Đế-lực, cần bực là thi báo  
hăng tình.*
- 156 *Vi hay cọng tế gian nan ;  
Thề đất dữ đồng hưu khánh.*

NGUYỄN CHIÚ : Năm Mậu-thàn, tháng mạnh-xuân, vi-thần  
khâm soạn.

THÍCH NGHĨA (Xem nguyên-văn bằng chữ nôm).

- 115 Câu chữ Hán này đề bắt chước những lời cáo đòi Ân  
chép trong Kinh Thư.
- 116 *Ba giởng* : vua tôi, cha con, vợ chồng.— *Chê* : chia. Ý  
là chia ra bậc vua cao, bậc tôi thấp, dấu loài ong kiến  
cũng biết.
- 117 *Di Địch* : dân ở ngoài miền gốc Trung-quốc đời Hạ Ân : Di ở  
phía đông, Địch ở phía bắc. Tiếng trở chung những dân  
ngoài xứ mình mà mình tự-hào tưởng chỉ mình văn-minh.—  
*Chân thiên hạ* : phần kém thấp nhất trong thiên hạ.
- 118 *Lòng hăng* : lòng theo đạo thường ai cũng phải theo.
- 122 Kẻ công Lê Lợi (Hoàng-tổ) bình Ngô, chia nước làm 13 đạo  
mà cai trị, công-đức khó lường hết.
- 123 Về này ngầm chê chúa Trịnh.— *Rủ cấp* : địch hại văn  
thù, y cũng thù, trở ý đã trao quyền cho chúa, vua được  
thông-dong không phải hành-động gì, chỉ ngồi bỏ thông

諭四方勤王討西山檄

我冲人若曰。頭匹綱罟跼君臣。技高筭拱感彈。蟪蛄。蹟天下意類夷狄。倒  
 軻連之容態。懣懣。恚恒油產。魁。全。義。奇。沛。忤。警。滋。茲。滋。些。藍。山。曳。跡。○  
 皇祖黜威。破平吳。鄧業。霜。玉。繆。迺。道。闖。愴。累。波。操。安。坤。量。德。自。滅。莫。切。  
 機帥府。權。堆。募。輔。揔。報。兩。方。極。惡。意。兇。恩。帶。全。兜。拱。宗。周。外。塔。故。之。芻。夏。  
 登鋒鏑。騎。凶。帝。濕。錄。曹。蔑。禱。浩。空。濡。准。金。湯。燒。電。碧。源。炤。項。尅。層。遷。拱。慘。  
 在棘。猥。耽。蔓。莫。巢。林。巧。燕。鳩。依。五。許。婚。行。先。志。悶。之。分。候。殘。民。軾。割。堂。  
 麻。通。使。呵。藐。躬。特。渚。拱。算。安。諾。沛。連。和。倒。顛。奈。態。意。本。常。濁。亂。計。番。尼。罟。  
 今。奈。網。空。宮。淹。鎔。假。尊。扶。朱。但。砾。整。居。隻。車。遠。塞。驅。尋。詐。迎。立。抵。謨。愚。始。  
 附。塘。故。道。鴻。毛。竊。勒。汚。神。京。鱗。介。腥。音。安。攘。油。極。夷。吾。札。樂。衣。冠。移。態。窺。  
 掃。滅。書。空。驪。騎。山。河。城。郭。恪。壤。初。胡。雛。覆。晉。可。以。鞫。戎。羯。亂。唐。群。底。頭。魁。  
 驩。愛。催。糧。吏。另。涇。毛。殘。黷。意。仁。州。平。京。都。變。夏。向。夷。害。乙。及。外。尼。各。鎮。靴。  
 諾。征。榮。休。意。恚。馭。怙。料。以。牢。釋。疎。械。鉞。阻。訐。義。黜。一。入。有。罪。散。索。及。干。紛。  
 亂。可。傷。萬。姓。何。辜。誰。城。避。敵。拱。罷。權。合。諾。復。誓。陀。產。勳。外。藩。闖。檄。籠。解。醜。  
 秘。朔。方。以。堆。收。兵。新。行。營。旗。美。彘。抹。搯。珥。水。訂。時。返。旆。祖。德。宗。功。傳。令。姪。  
 忠。臣。美。士。落。類。兜。几。鼎。鍾。曾。碾。君。恩。水。雷。意。經。綸。大。會。沔。田。井。拱。知。帝。力。  
 片。曝。罟。施。振。恒。情。否。咄。共。濟。艱。准。体。乙。共。同。休。慶。

戊申年孟春月

微臣 (黎輝瑤) 欽拱

辛丑年五月

出政中吟

七卷瀟手抄

vạt áo, chấp tay. Vì vậy chính trị có lầm, dân bị tai trong gì cũng không oán vua.

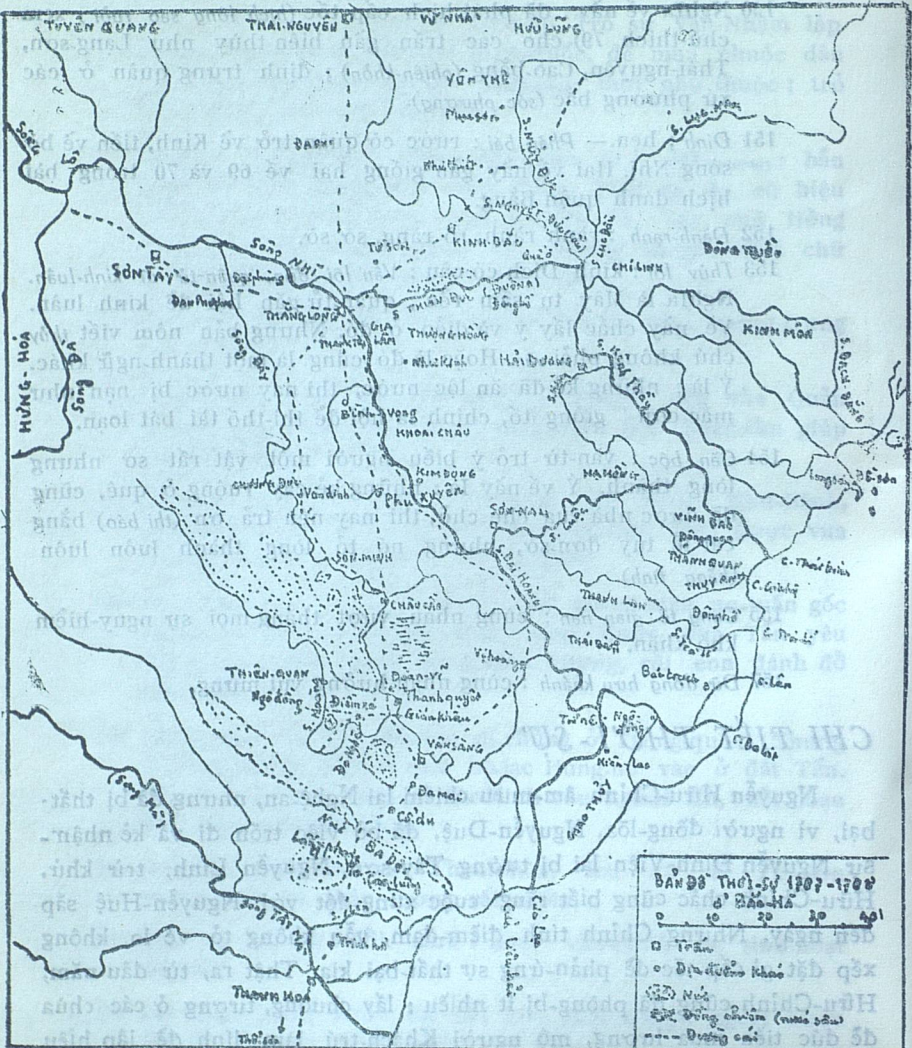
- 124 *Tông chu* : thờ vua chính. Đòi Chu các hầu bá-chủ các địa-phương, nhưng vẫn tôn kính vua Chu là thiên-tử.
- 125 *Hoạt Hạ* : quấy nước thiên tử. Tác-giả dùng chữ trong kinh Thư : *Di Địch hoạt Hạ*, nghĩa là dân Di, dân Địch (xem 117) quấy Trung Hoa.
- 126 *Áng phong dịch* : chiến-trường đầy ngọn giáo mũi tên.— *Mũi hung máu thấp* : mũi giáo mũi tên đổ vì ướt máu.— *Groom Tào* : groom của tướng tung-tàn như Tào Tháo.
- 127 *Chốn kim thang* : nơi kinh-đô, thành vững như sắt (kim), hào khó qua như đầy nước sôi (thang).— *Lửa hạng ...* ý tác-giả muốn nói quân Tây-sơn đã đốt cung điện ở Thăng-long như Hạng Vũ đốt cung điện Tần ở Hàm-dương. Nhưng hình như Vũ Văn-Nhậm không đốt phá gì. Có lẽ Huy-Dao đã nghĩ đến việc đốt phủ Trịnh chăng ; trong bài hịch đánh quận Bằng đã đề việc ấy cho Chính.
- 128 *Tại cức* : ở chỗ gai-gốc.— *Con đà* : diều lấy sự ở trước cửa cung tại Lạc-dương (kinh-đô đời Hán) có tượng lạc-đà bằng đồng. Nước Tấn sắp có loạn, *Sách Tĩnh* biết trước, một hôm trở tượng ấy mà bảo : sẽ thấy mây trong đám gai bụi.— *Man-mác* : bơ-vơ. Thật ra thì ý của Sách Tĩnh là Kinh-đô sẽ bị bỏ hoang gai gốc mọc đầy. Đây Huy-Dao lại muốn nói vua chạy vạy ở trong rừng bụi.
- 129 *Sào lâm* : làm tổ trong rừng. Ý nói vua không ở cung điện mà phải ẩn nấp ở đồng rừng, ví như én không làm tổ dưới mái nhà mà phải làm tổ trong rừng.
- 130 *Hứa hôn* : gả vợ. Trở sự Cảnh-hương (*tiên chí*) gả Ngọc-Hàn cho Nguyễn Huệ, thì không phải hồng dục gì lợi cho mình đâu ; mà chỉ sợ giặc làm hại dân, nên đành phải cắt lòng thương con (*cát ái*)
- 131 *Miêu-cung* : thân mọn này ; tiếng nói khiêm trở mình. Ý phân-trần sự sai sứ-bộ vào Phú-xuân.
- 132 *Nài* : kẻ chi, đó là tự-nhiên, đành vạy.
- 133 *Troc-loạn* : quấy loạn.
- 134 *Lăn cửa không cung êm khóa* : mấy lớp cửa cung vắng người, không có triều-thần vào ra. Trở lúc Hữu-Chính cầm quyền. *Chinh-cư* : ngồi địa-vị cao mà hợp nghĩa. Chắc tác-giả cố ý dùng chữ *Chinh*.

- 135 *Viễn-tái* : vùng biên-cảnh xa Kinh-đô. Trỏ sự Văn-Nhậm lập Sùng-nhượng công tạm làm giám-quốc, đề mua chuộc dân Bắc mời phụ-thuộc mình.— *Thù-y-phụ* : mời phụ thuộc ; trỏ dân Bắc-hà đối với Tây-son.
- 136 *Cổ-đạo* : đường lúc trước vua quan đi.— *Hồng-mao* : bản nôm viết chữ Hồng làm chim hồng. Thật ra thì cờ hiệu quân Tây-Son dùng lông chim nhuộm đỏ. Vậy chữ Hồng có thể là chữ Hồng nghĩa đỏ. Nhưng tác-giả chơi chữ đề đối *hồng mao* với *lân giới* cho cân.
- 137 *Lân giới* : vẩy và vỏ, tiếng chung trỏ cá tôm, tượng-tượng loài ti-tiện.
- 138 *An nhương* : trị nước đẹp ngoài.— *Di-Ngô* : tên của Quản Trọng một danh-nhân có tài kinh-luân đời Xuân-thu giúp Tề Hoàn-công nên bá.
- 139 *Tảo diệt* : quét dứt sách.— *Phiêu kị* ; trỏ Hoắc Khứ-Bệnh, danh-tướng đời Hán đi đánh Hung-nô sáu lần, được vua Quang-vũ tôn là phiêu-kị tướng-quân.
- 140 *Hồ sơ phúc Tấn* : trỏ Lưu Uyên một thanh-niên ưu-tuấn gốc Hồ (sơ là con chim qui còn non) được vua Tấn yêu dùng, sau nhân loạn, xưng Hán vương, rồi con đánh đổ triều Tấn.
- 141 *Nhung Kiệt* ; tên hai dân-tộc dị-chủng ở Trung-quốc. Nhung ở phương tây, Kiệt là một bộ-lạc Hung-nô vào ở đất Tấn. Đây trỏ An Lộc-Son, Sử Tư-Minh vốn người Hồ, nổi loạn đời Đường Huyền-tông.
- 142 *Hoa Ái* ; Nghệ-an và Thanh-hóa, hai xứ bị Tây-son trưng lính và thâu lương rất nhiều.
- 143 *Biển Hạ làm Di* : đổi sinh-hoạt văn-minh ra sinh-hoạt dã-man.
- 146 *Trở hồng* : trong nước thì bắt hòa (nội hồng), ngoài nước thì bị kinh-thị (nhất nhân) có tội.
- 147 *Phân loạn* ; rối loạn.— *Vạn tính hà cô* : dân trăm họ nào có tội gì.
- 148 *Tị dịch* ; tránh giặc.— *Quyền* : tạm. Đề ý đến lối đối âm : *quyền* đối với *thế*, nhưng nghĩa không phải oai quyền.
- 149 *Sân thế* : ý muốn nói rằng cái thế thuận cho sự phục-thù là quân Tây-son trợ-trợ, bị cả nước căm hờn.

- 150 Nghĩa về này : đã phát hịch cấp tốc (*hịch long sao ruồi ; xem chú-thích 79*) cho các trấn gần biên-thùy như Lạng-sơn, Thái-nguyên, Cao-bằng (*phiên-khôn*) ; định trưng quân ở các xứ phương bắc (*sóc phương*).
- 151 *Đính* ; hện.— *Phân bái* : rước cờ quân trở về Kinh, tiến về bờ sông Nhị. Hai về này gần giống hai về 69 và 70 trong bài hịch đánh quận Bằng.
- 152 *Đành-rành* : rành rành, rõ ràng, sờ sờ.
- 153 *Thùv lời* : kinh Dịch có câu : *Vân lời đồn, quân-tử đi kinh-luân*. Nghĩa là Mây tụ sấm rền ; quân-tử gặp hội đề kiah luân. Về này chắc lấy ý và điển ở đó. Nhưng bản nôm viết *thùy* chứ không phải *vân*. Hoặ là đó cũng là một thành-ngữ khác. Ý là : những kẻ đã ăn lộc nước, thì nay nước bị nạn như mắc con giống tổ, chính là hội đề thi-thố tài bát loạn.
- 154 *Cần bợc* : vãn-từ trở ý biểu người một vật rất sơ nhưng lòng thành. Ý về này là : những kẻ cày ruộng ở quê, cũng đã được nhà vua che chở, thì nay nên trả ơn (*thi báo*) bằng cái lễ tuy đơn-sơ, nhưng nó tỏ lòng thành luôn luôn (*hằng tình*).
- 155 *Cong tế gian nan* : cùng nhau vượt thắng mọi sự nguy-hiêm khó khăn.
- 157 *Dữ đồng hựu khánh* : cùng nhau hưởng vui mừng.

## CHI TIẾT THỜI-SỰ

Nguyễn Hữu-Chỉnh âm-mưu chiếm lại Nghệ-an, nhưng đã bị thất-bại, vì người đồng-lõa, Nguyễn-Duyệt, đã bỏ việc trốn đi và kẻ nhậm-sự Nguyễn Đình-Viện lại bị tướng Tây-sơn, Nguyễn Linh, trừ khử. Hữu-Chỉnh chắc cũng biết rằng cuộc xung-đột với Nguyễn-Huệ sắp đến ngày. Nhưng Chính tính điềm-đạm, vẫn không tỏ vẻ lo, không xếp đặt gì cấp-tốc để phản-ứng sự thất-bại kia. Thật ra, từ đầu năm, Hữu-Chỉnh cũng đã phòng-bị ít nhiều : lấy chuông, tượng ở các chùa để đúc tiền mua lương, mộ người Khách-trú làm lính đề lập hiệu *Thiết-kiện*, và nhất là sai các kiện-tướng dẹp yên các đối-thủ trên đất bắc rồi chia quân sai giữ các trọng-trấn trên đường nam lai. (LQKS) Lê-Duyệt giữ Thanh-hóa, Hoàng Việt-Tuyên trấn Sơn-nam, Nguyễn Như-Thái án-trấn Nghệ-an. Ý chừng Bằng-công tự-phụ mình mưu-trí có thể đối-địch với dũng-khí của Bình-vương, đúng như lời y nói với người thân rằng : « Bắc-bình vương là hùng-kiệt Nam-hà ; ta cũng không thua. Y giỏi hơn ta, ta khôn hơn y. » (HLNTC hồi 10).



Ở Nam-hà, cuộc huyết-chiến nổi da nấu thịt tạm ngừng, Huệ nhất quyết trừ khử Chính, vì tức ghét Chính đến tột độ. Theo HLNTC kể lại, Huệ bảo các tướng rằng: « Nguyễn Chính trước là một đồ chết, đã nhờ ta, vẽ mây mắt trở lại cho. Nay nó chao-liệng ở Bắc-hà, giúp vua Lê và sai khiến cả một nước. Thế mà nó không lo báo ơn ta, lại còn quay lại nhờ bọt miệng ! Nó mưu tranh đất

Nghệ-an, đặt trọng-trấn đề bắt chước Trịnh-vương, khi trước xâm lấn miền Nam. Thắng giặc này phải giết đi...»

Tháng 9 năm ấy (Mậu-thân 1788), Huệ gọi Hữu-Chính về Phú-xuân. Chính trả lời rằng « *Bốn trấn chưa yên* » cho nên không về được. Tôi chỉ thấy SKTB chép sự này vào tháng 9 ; xét về thời-điểm, thấy hợp với những sự xảy ra sau. Việc Huệ muốn hoặc dọa gọi Chính chắc có, và có thể có nhiều lần. Vì vậy mỗi kí-tải chép vào một lúc khác.

Huệ ra lệnh cho Vũ Văn-Nhậm, đang đóng quân ở Động-hải, sửa-soạn ra Nghệ-An bắt quân rồi tiến đánh Bắc-hà. Trong bài Nhật-kí của Giáo-hội Ca-tô địa-phận Bắc-kỳ (S.Đ. số 9/10 trang 95) có kể lại rằng trong hai bức thư của giáo-sĩ LE BRETON ở xứ *Tràng Nứa* (cạnh Xã Đoài ở Nghệ-an) viết ngày 20 và 23 tháng 11 dương lịch (tức 10 và 13 tháng 10) báo rằng :

« (1) Chẳng một tháng nay, tướng *Vach Quinh* đã trở lại xứ Nghệ mộ rất nhiều lính và bắt dân chúng cung cấp một số lượng gạo khá lớn. Với những hành-động tối dã-man, tên ác-qui đó thường hay xẻo tai, lột da mặt từ trán cho tới miệng, đánh như-tử cho đến chết những xã-trưởng hay những người đại-diện cho các làng xã không tuân-lệnh hẳn ngay.

2) Từ hai ba ngày nay, một vị khác, cao cấp hơn, trước gọi là Chương Nha, sau đổi thành Đò-đốc, rồi Đức Oung rồi sau cũng gọi là Tiết-chế... cũng tới xứ này với những 20 hay 25 con voi và bốn, năm ngàn lính Nam-kì ; chắc là tính tiến lên về phía Kinh-thanh của quốc vương này...» (1)

Tiết-chế nói trên thì chắc-chắn là Vũ Văn-Nhậm. Vậy theo lời trên, Văn-Nhậm tới Nghệ-an vào khoảng từ 17 đến 21 tháng 11 năm 1787, tức là khoảng 8 đến 12 tháng 10, hợp với lời TQKS chép rằng : «Thang 10, tướng giặc Tây-sơn là tiết-độ Vũ Văn-Nhậm tiến cứ Nghệ-an. Nguyễn Huệ từ Qui-nhơn giải binh về, sai Văn-Nhậm tiết-độ các doanh thụy bộ, đem quân tiến đóng ở

---

(1) Lời dịch của Đặng Phương-Nghi, tôi chỉ sửa một vài chữ ; sau này cũng vậy.

Nghệ-an, trung binh, đòi lương đề lo việc Bắc-hà. Nhậm dẫn quân bản-bộ đóng ở *Phù-Thạch*, truyền hịch đòi bắt hết quân ở Nghệ-An. Quân- thể rất thịnh »

Những lời trên rất ăn khớp với thư của Le Breton. Còn tướng Vach Quinh là ai ? Cũng theo LQKS, nhiều chiến-công của Văn-Nhậm là nhờ tướng tiên-phong *Quinh-ngọc hầu* mà cũng có khi chỉ xưng là *Quinh*. Chắc rằng tướng «Vach Quinh» kia đã được sai đầu tiên ra Nghệ, chính là *Quinh-ngọc*. Nhưng tôi chưa hiểu âm *vach* có bởi vì đâu ? Sách *Tây-sơn thuật-lược* (bản dịch của Tạ Quang-Phát, S.Đ. số 9/10 trang 155) là một kí-tải tuy sai lầm nhiều điểm nhưng cũng ghi một vài sự-khiên độc-đáo tỏ rằng không phải là một nguy-thư chép lại hay sửa-sang một vài bản khác. Theo sách ấy thì «Huệ giận lắm, truyền mật lệnh ném bọn Nho và Công-Xán xuống biển, lại khiến tiết-chế Nhậm đốc-sĩ tất bộ-quân, thái-úy Điều đốc-suất thủy-quân, đô-đốc *Đặng Giản* làm tiên-phong, nhằm kinh Thăng-Long tiến phát. «Trong đoạn sau về trận đánh nhau với Như-Thái (xem sau). LQKS chép tên tướng Tây-sơn là *Quinh-ngọc*, còn TSTL thì chép tên *Đặng Giản*. Vậy có phần chắc rằng *Quinh-ngọc tức là Đặng Giản*. Tuy rằng về sau, theo TSTL thì *Giản* trấn Thanh-hoa mà theo LQKS thì *Quinh-ngọc* đóng ở Sơn-nam, nhưng vì hai điều này có thể đều có. TSTL lại cho hay rằng *Đặng Giản* là dòng-dõ *Đặng Nghĩa-Huân* người Lương-xá thuộc Thanh-hoa.

Còn hai tiếng trở lại trong bức thư của Le Breton tỏ rằng Vach Quinh đã có lần đến xứ Nghệ, đóng đó và dân đã phải chú ý đến. Trái lại Văn-Nhậm đã đi qua xứ Nghệ hai lần với Huệ trong lúc ra về trong vụ đánh Trịnh Khải mà thôi. Có lẽ Văn-Nhậm đã sai y ra bắt Huệ, chứ không phải tự mình đi trong các sách đã lược ghi. Và hồi tháng 9 năm Đinh-mùi này, Huệ đã đặt trống giữ Nghệ rồi. Chứng là trong bức thư thứ hai mà Huệ sai viết mời Nguyễn Thiếp (LSP 102), có nói: «sai viên lưu thủ *Danh phương* hầu Nguyễn Văn-Phương và viên binh-bộ thị-lang Giác-lí hầu Lê Tài mang thư và đem lễ vật đề chực đón».

Đến như chính-sách tàn-khốc đề trưng lương bắt lính ở Nghệ-an tả trong thư của Le Breton, thì không phải là ngoa. Ta có thể tìm duyên-cớ sự ấy. Dân Nghệ-an có tiếng từ xưa có tác-phong kiên-trì trung-trực, rất trung-thành với sở-tín. Mà sĩ-phong vốn là trung quân ái quốc, nghĩa là tin Lê là chính-nghĩa và Tây-

son là nguy. Địa-phương vẫn phản-kháng. danh-gia tử đệ vẫn ngầm chống. Các tướng lệnh và tinh-binh của Lê bấy giờ phần hết là người Nghệ-an đã theo Hữu-Chính ra phù Lê. Và một xứ nghèo như Nghệ-an, mà từ hai năm rồi đã ba bốn lần đại quân hoặc qua hoặc khởi, nghĩa là bắt người đòi lương. Trong tờ khai Nguyễn Thiếp trình Quang-trung một năm sau, có tả tình-cảnh xứ Nghệ như sau (LSPT 141) :

“Nghệ-an đất xấu dân nghèo. Về trước chỉ chịu suất binh, chứ không phải nộp tiền gạo. Nay thì binh lương “đều phải xuất. Số lính ngày” một “lạng bội. Kẻ cày cấy ít, mà kẻ chực ăn nhiều ; nuôi riêng lại càng tốn hơn công-thuế. Gặp năm mất mùa dịch tật. kẻ thì chết đói, người thì xiêu bạt. Còn lại chỉ mười phần có năm, sáu mà thôi...”

Vì tinh-thần. vì thực-tiền, dân Nghệ-an chống lại sự đòi hỏi của binh-đội Tây-son. Mà Vũ Văn-Nhậm có trọng trách mộ rất nhiều quân ở Nghệ. Cũng theo lá thư của Le Breton thì : “Tuy nhiên thượng-cấp của ông ta có lẽ chỉ có ý định gửi ông ta ra Bắc để mộ lính, thu gạo và ở đó dò xét hành-vi và mọi sự đòi hỏi của Cống Chính và Chiêu-thống... Mục-đích của viên tuyền dân-quân Bắc-hà là để thay thế các lính cũ của bạo-quân Phú-xuân. . vì đời ngũ đã bỏ rơi y để theo Nhạc... khiến y phải thu-thập trên lãnh-thổ nhỏ bé của y những thành-phần thuộc giai-cấp hạ lưu, những tay anh chị lưu manh. nông-dân, và cấp cho họ khí-giới... Sư-đoàn do Tiết-chế và Vach Quinh chỉ-huy được phân tán và đặt vào các cơ đội dân-quân tuyền tại các xứ Thanh Nghệ và Bồ-chính. Sư-đoàn ấy có nhiệm vụ giám sát, bắt buộc những người dân-quân phải chiến đấu chống lại anh em họ. Họ tàn sát ngay tại chỗ những ai có khoảng 30 hay một trăm lính Bắc-hà...” (S.Đ.9/10 tr. 196)

Về thuế, Bùi Dương-Lịch trong sách *Yên-hội thôn chí* (LSPT 141, chú-thích 3) cho biết rằng dân Thanh-Nghệ được tha thuế thân từ năm Bảo-thái Giáp-thìn 1724, Tây-son lập lại thuế thân. Thuế ruộng ở Thanh Nghệ cũng tha từ năm đầu Cảnh-hưng Canh-thân 1740; Tây-son cũng lập lại : thuế ruộng chừng 22 bát một mẫu, thuế thân thì một quan hai tiền mỗi suất chính-đình.

Nói tóm lại chừng vào đầu trung-tuần tháng 9 Đinh-mùi 1787, tướng tiên-phong của Vũ Văn-Nhậm. Quinh-ngọc hậu. Đặng

Giản, trở ra Nghệ-an bắt quân, đòi lương. Khoảng mồng 10 tháng 10, Vũ Văn-Nhậm cũng ra đóng đại quân ở Phù-thạch, trên bờ nam sông Lam, chiêu-đốn quân-sĩ và nghe-ngóng tin Hữu-Chính. Dân Nghệ-an rất bị cưỡng-bách nộp thuế tòng quân. Vì vậy trong lịch *Dự bốn phương cần vương Lê Huy-Dao* đã viết :

‘Vả Hoan ái thời lương lại lính ; quấy đã tàn trong ấy hai châu.’

Theo LQKS, «*Khi Nhậm mới tới Nghệ-an, có kẻ bàn rằng Nhậm đóng quân chơ-vơ, mới tới, thể chưa mạnh, nên kíp đem quân tới đó cùng nó quyết-chiến. Được, thua dấy, mất là ở một trận ấy, chớ chờ để cho nó góp quân, trữ lương, nuôi thành thế lớn. Nguyễn Như-Thái cũng hăng lên, xin đi đánh. Chính lo nghĩ sợ Nhậm. Và lại vợ con đều bị giữ ở nơi giặc, nên không muốn đánh nó. Y còn uốn nắn lời đề cầu hòa-giải. Trong lòng do-dự, hoang mang không kể...*» Chắc vì lẽ ấy mà Chính mới có câu trả lời thư hiệu-triệu của Huệ rằng : «*bốn trấn chưa yên, cho nên không về được* » mà SKTB đã dẫn.

Còn Văn Nhậm thì quả-quyết hành quân bắt Chính.

«*Trong một khoảng thời-gian ngắn, Tiết-chế đã thành-lập một đạo quân có lẽ hơn ba vạn người. Quả nhiên, ông thắng trở Kinh-đô, và tới xứ Thanh vào trung-tuần tháng chạp dương-lịch*». Đó vẫn là lời của giáo-sĩ Le Breton. Còn giám-mục *LaBartette* ở *Dinh Cát* (Quảng-trị) lại trích đạo quân ấy chừng bốn vạn. Xem vậy, Tây-sơn bắt tới chừng hai vạn quân ở Nghệ-an. Trung-tuần tháng chạp năm 1787 hợp vào khoảng từ mồng 2 đến mồng 10 tháng 11 năm Đinh-mùi. Vậy đầu tháng 11, quân Nhậm ra đến Thanh-hoa ở địa-phận huyện Ngọc-sơn, vừa đúng một năm sau khi quân Chính qua đó.

Trần-lị Thanh-hoa ở làng *Dương-xá* (Kế Dàng) ở bờ nam sông Mã ở gần phía tây bắc thị-xã Thanh-hóa đời sau. Trần-thủ, như ta đã biết, là một mưu-chủ và bạn thân của Chính. LQKS và các sách khác chép tên *Nguyễn Trọng-Duyệt* (hoặc Như Duyệt) tức Nam-linh hầu, người làng Nồn-liểu, xứ Nghệ-an HLNTC chép *Lê Duyệt*, Riêng Bùi Dương-Lịch chép tên là *Lê Hằng*. Đầu hè, Chính đã sai Duyệt về Thanh mộ quân trữ lương đề phòng-thu. Nhưng, theo NAK. Hằng (tức Duyệt) vốn là một thư-sinh, không quen tướng-lược »,.

Nghe Nhậm tới thì rút quân lên phía bắc. HLNTC, hồi 10 chép : «Bổ-trí xong rồi, Huệ giục Nhậm tiến binh. Ấy vào tháng 11 mùa đông năm Đinh-mùi. Khi Nhậm qua làng *Thò-son* (thuộc huyện Ngọc-son, cách trấn chừnng hai ngày đường), trấn-thủ Thanh-hoa, Lê Duật, thu quân, rút về giữ *Trinh-giang*, phi ngựa cáo cấp, trong một ngày chín bận... «Trinh-giang là con sông nhỏ chảy từ sông Mã ra cửa Lạch-rừng chắn ngang đường ra bắc ở phía nam Sông Đò-lèn sâu rộng hơn, LQKS chép tên chỗ Duật rút quân là *Lãng-phong* ; rằng : « Sau khi Nhậm thu góp được quân ở Nghê-an, bèn lấv Quỳnh-ngọc hầu làm tiền-bộ tiến thẳng ra Thanh-hoa. Trấn thủ là *Nguyễn Như-Duật* dẫn quân lui đóng ở *Lãng-phong*» *Lãng-phong* có lẽ trở thóm núi ở phía đông sông Mã và phía tây làng Đại-lí (Đò Lèn) và ở phía bắc *Trinh-giang*. «Duật dựa vào ba mặt núi mà bày trận, dàn súng *trụ-bác* (có lẽ súng kê lên chân giá) mà bắn. Địch không tiến được, bèn chia quân mà trèo núi xuyên rừng vào mặt sau trấn, áp đánh. Duật đem quân xông qua trận để chạy. Vừa ra khỏi *Lãng-phong* thì quân tan gần hết.» Đó là lời LQKS chép, và thẳm rằng Duật đơn thân chạy thoát, sau không biết đi đâu.

HLNTC chép trận này hơi khác ; rằng : «Duật đóng quân ở *Trinh-giang*. Nhậm sai người báo rằng : «Ngày mai đại-quân sẽ qua sông. Nếu mầy có thể đánh thì bày trận mà đợi. Bằng không thì sớm lại hàng». Bấy giờ quân Nhậm ở phía nam sông. Trước đó sai *Văn-Sở* đem quân ven chân núi đi về phía tây, ngầm qua sông *Tất-mã* (sông Mã) để đánh phía sau Duật. Duật không biết ; tối ấy rút quân rồi đang đêm chạy. Ngày hôm sau đến làng *Cao-lũng*, thì đã thấy quân *Sở* ở đó. Quân Duật kinh-hãi tan bốn bề. Duật bị quân địch giết. Khi-giới, quân-nhu đều bị giặc lấy hết.» Xét bản-đồ Thanh-hóa, thì nếu quân Nhậm đóng phía nam sông Mã, tức là sông *Tất-mã*, thì kĩ-thuật HLNTC có thể hợp sự thật. Làng *Cao-lũng* ở trên đàng quan-lộ từ trấn Thanh-hoa đi ra Bắc giữa khoảng Đò Lèn và đền Sông.

Trận *Lãng-phong* này xảy ra ngày nào ? Theo Nhật-kí Giáo-hội đã dẫn, thì «Những trận đụng đầu tiên giữa hai bên xảy ra ngay sau ngày lễ *Giáng-sinh*». Vậy ta có thể nhận rằng Duật đã bị tấn công vào ngày 26 tháng 12 năm 1787, tức là ngày 18 tháng 11 năm Đinh-mùi.

Trong lúc quân địch tiến chiếm đất Thanh, ở Thăng long, Bàng công vẫn tỏ vẻ điềm-tĩnh. Tháng 10, mở khoa thi Hội, tháng 11, vẫn họp thi đình, lấy ba hoàng-giáp : Bùi Dượng-Lịch, Nguyễn Đăng-Sở và Trần Danh-Án ; và 11 tiến-sĩ trong đó có Nguyễn Khuê, bạn thân với Hữu-Chính. Nhưng sau khi trấn Thanh-hoa mất, nhân-dân và triều-đình ở Thăng-long nao-núng. Vua Lê sai các quan hội-đồng ở nhà Chỉnh đề bàn kế công thủ. Theo HLNTC, Chỉnh vẫn ra vẻ chắc mình, nói rằng đã có kế định. Nhưng ngự-sở Nguyễn Đình-Giản, người Thanh-hoa (làng Vinh-trị, huyện Hoàng-hóa) yêu-cầu Chỉnh phải trình bày kế hoạch để mọi người bàn. Ninh-Tồn người Sơn-nam (Côi-trị huyện Yên-mô), Nguyễn Bá-Lan người Kinh-bắc (Cồ-linh, huyện Gia-lâm) đều phụ-hợp. Chỉnh vẫn thoái-thác chưa đáp nên đánh nên hòa. Quan Bình-chương Phan Duy-Phiên thúc-giục Chỉnh phải chọn tướng ra quân. Bấy giờ Chỉnh mới chọn Nguyễn Như-Thái làm thống-linh, Ninh-Tồn làm tham-tán quân-vụ đưa quân xuống miền nam để hòng ứng với Duật đề ngăn quân Nhậm. Việc này đã xảy ra khoảng đầu trung-tuần tháng 11.

Một mặt khác, Chỉnh khiến trấn-thủ Sơn-nam kiêm tướng thuyền-binh, Hoàng Việt-Tuyền đưa thuyền vào các cửa biển Thanh-hoa đánh phía sau quân Nhậm. Nhưng Việt-Tuyền không tuân. Việc này chắc có, vì còn nhiều chứng. LQKS chép :

“Từ khi chạy vào Qui-nhân đến khi khởi binh ở Nghệ an, Chỉnh đã cùng Tuyền nương tựa vào nhau. May rủi buồn vui, không có sự gì không cùng nhau chia sẻ. Đến khi Chỉnh định được Thăng-long, và Tuyền nhiều lần đánh tan địch mạnh, thì mỗi người giữ lấy quân mình mà tự-lập, thỏa chí và mãn ý mình. Chỉnh tự kiêu rằng mình khôn ngoan ; mà Tuyền tự cậy có chiến công, cho nên so-đo địa-vị với Chỉnh, thấy trong lòng không mãn-nguyện.

“Lúc binh Nhậm đến Thanh-hoa, Tuyền đóng đồn ở Sơn-nam, có thuyền bè hơn trăm chiếc và tinh-binh không kém vài vạn người, súng lớn, gươm sắc không gì không sắm đủ. Nhiều lần Chỉnh sai Tuyền đem thuyền-binh vào các cửa biển Thanh-hoa để quấy sau lưng giặc. Tuyền không bằng lòng, mà còn sai người đòi Chỉnh trao cho mười tám đạo sắc phong tước Quận-công để t.ống tên thì mới chịu tiến đánh. Chỉnh nổi giận, nói : “Ta có chết thì chết mà thôi,

há lại chịu để cái tước quận-công thành rẻ như bèo thế ru ! ». Cuối cùng Tuyên không nghe lời, lui quân xuống đóng ở Hải-liêu.»

Một lẽ khác làm Tuyên không muốn đánh Nhậm là gia-đình Tuyên cũng như gia-đình Chính, đều ở trong vùng bị chiếm. Có lẽ Huệ hoặc Nhậm đã lợi dụng sự ấy để dụ các tướng Chính về hàng. Bùi Dương-Lịch trong NAK chứng sự ấy, rằng : «Vua sai Như-Thái lĩnh bộ-binh, Việt-Tuyên lĩnh thủy-binh đi ngăn giặc. Hai người ấy vốn không thích nhau. Cha Tuyên lại bị Tây-sơn bắt. Việt-Tuyên lại muốn ngầm hàng giặc, bèn đem quân ra đóng ở Hải-liêu, không chịu tiến. Vua sai viên thái-bộc tự-khanh người xã An-toàn huyện La-sơn, Bùi Bật-Trực làm Sơn-nam tham-tán quân-vụ, qua dỗ Tuyên. Nhưng Tuyên cũng không nghe mệnh.» Bùi Dương-Lịch, đồng-hương với Bùi Bật-Trực (chắc bà con đồng họ), cũng như Ngô Thời-Du trong HLNTC, không nói đến sự bất-hòa giữ Tuyên và Chính. Thời-Du còn không biết đến cả sự Văn-Tuyên không tuân mệnh vua sai ra quân.. Nhưng một đoạn dài trong bài Nhật-kí Giáo-hội đã dẫn trên cho biết nhiều điều về Tuyên, chứng rất phù-hợp với LQKS : sự này làm tăng giá-trị hai nguồn tin này. Vì chứng ấy quan-trọng, nên tôi sẽ dẫn lại lời dịch của Đặng Phương-Nghi (1) :

«...Trong tình-trạng nguy-cấp như thế, mà sự bất-hòa lại thịnh-linh bộc-phát giữa Cống Chính và Đốc Chiên (tức Việt-Tuyên) trấn thủ xứ Nam. Sự lung-củng này bắt đầu từ sự ghen ghét của Đốc Chiên trước uy-danh lừng-lẫy của Cống-Chính. Đốc Chiên ghép cho Cống Chính tội ban phát những đặc ân phi-pháp cho những kẻ tay-chân và chỉ nghĩ tiến-cử họ, trong khi đó chính mình và bộ-hạ mình mới là những kẻ tận-tụy với việc nước, thế mà lại không được đếm xỉa tới. Vì tham vọng và đố-kị, Đốc Chiên cho rằng thời-cơ thuận tiện để báo thù Cống Chính đã tới, và định nắm lấy cơ-hội ấy. Nhưng ông nghĩ rằng hành-động phản-bội của mình, gây tổn hại không những cho địch thủ mình, cho cả nhà Vua nói riêng, và cho nước nói chung ; nó còn gây tổn hại cho cả mình nữa.

« Ngày 30 tháng 12 (mồng 4 tháng chạp năm Đinh-mùi), một viên sĩ-quan theo Công-giáo và chỉ-huy một sư-đoàn trọng-yếu của hạm-đội hoàng-gia, dưới quyền Đốc Chiên, có viết cho tôi (tức

(1) Tôi có sửa chữa ít chữ và thêm chú-thích cho rõ nghĩa.

Giám-mục Veren tên La Bartette) một lá thư trong đó cho tôi hay rằng Đốc Chiên không những không đem quân cản địch, mà ngược lại, còn dự định vượt tuyến vào hàng Tây-sơn (với Huệ ở Phú-xuân). Trước kia, ông ta cùng Cống Chính hợp-tác với Tây-sơn, nhờ vậy đã được Tây-sơn cấp cho một thẻ thông-hành và một số quân hộ-vệ (?). Vì Đốc Chiên nhiều lần đã tỏ ra dũng-cảm và am-tường chiến-thuật của địch, nên lính Bắc-hà tin cậy và sẵn-sàng tuân lệnh ông ta hơn các tướng khác. Tin-tức phản-bội đó làm thay đổi tức thì cục-diễn chiến-tranh, vì nó tăng lòng can-đảm của quân Tây-sơn gieo kinh-hoàng trong đội-ngũ lính Bắc-hà. Tuy bị bạn bỏ rơi một cách hèn như vậy, Cống Chính vẫn không nổi giận, mà tăng-lờ viết liên-tiếp mấy bức thư cho Đốc Chiên, nhân danh Vua và tổ quốc yêu cầu từ bỏ ý định tai-hại của ông ta, gác mỗi hận sang một bên (vì lợi ích chung). Nhưng tính kiêu-căng và lòng ngoan-cổ, chung cho những kẻ phản-bội, làm ông ta gác bỏ ngoài tai mọi điều khuyên răn...».

Nói tóm lại, khi nghe Duật đã bị bại vong ở Thanh, Chính cử hai đại tướng của ông là *Như-Thái* và *Viết-Tuyền* đem đại-binh ra cản lại : *Như-Thái* cầm bộ-binh chặn ở đèo Ba-dội, và *Viết-Tuyền* cầm thủy-binh chặn các sông mà thủy-quân Tây-sơn có thể ngược đề lên Thăng-long, hoặc đổ bộ sau lưng địch. Kề ra nếu các tướng thi-hành chóng chiến-lược ấy, thì chưa chắc quân Nhậm đã vào lọt Sơn-nam. Nhưng như ta đã thấy, *Viết-Tuyền* không tuân mệnh, lại rút quân ra xa đường tiến của bộ-binh địch và hòng đem quân vào Phú-xuân theo Bình-vương. Cũng may, hình như Nhậm không có thủy-binh ; cho nên, đậu thuyền ở vùng đông-nam, *Viết-Tuyền* được yên ổn không bắt-buộc phải đối-phó với quân Tây-sơn. Có lẽ vì thái-độ *Viết-Tuyền*, Chiêu-thống phải sai Hàm-xuyên hầu *Đình Nhã-Hành* làm kì-đạo tướng-quân đem mười hiệu quan-quân xuống Sơn-nam-na đóng ở *Võng-độ* để ngăn giặc. LQKS cho biết sự ấy, nhưng chép tên tướng là *Đình Văn-Hành* (nhiều lần) và cho hay rằng Hành là em đường-đệ *Đình Tích-Như-ông*, nhưng bỏ *Tích-Như-ông* và chúa Yên-dô để cùng em là *Dẫn* về theo vua, rồi được quản binh-hiệu Thị-trung. Kì-đạo trở đạo quân bất-ngờ dùng để tập-kích.

Ở mặt trận chính, trước lúc cử *Như-Thái* làm thống-lĩnh, Chính đã « kiểm-điểm những tướng thuộc bản-bộ giỏi đánh trận như

*Tải-Vũ, Triệu-Vũ* rồi sai hầu *Tư-Trung* (Nguyễn Trọng-Hoãn) cầm đầu đề làm tiền-bộ. Rồi phát hết những quân tinh-nhuệ thuộc bản-bộ, lại điều-động các đạo quan-binh, được hơn hai vạn quân. Sai Thái cầm đầu dẫn đi đóng ở dò *Gián-khâu*, trên đường quan-lộ từ *Vân-sàng* (Ninh-binh ngày nay) đi *Thăng-long* » (LQKS). *Vân-sàng* cách *Thăng-long* chừng bốn, năm ngày đường.

Theo HLNTC, thì khi quân Thái đến *Châu-cầu* (phủ *Lí* ngày sau), thì được tin *Duật* thua trận chết. Vậy Thái xuất quân chừng vào ngày giáp-trận ở *Lãng-phong*, nghĩa là ngày 18 tháng 11. Sách ấy chép trận đánh của hai quân ở vùng *Gián-khâu* với một vài chi-tiết, nhưng so với LQKS thì không đáng tin bằng. Đại lược, HLNTC (hồi 10) chép rằng : Khi Thái tới *Châu-cầu*, được tin *Duật* thua trận chết, gọi gấp *Ninh Tồn* (tham-tán quân-vụ) cùng bàn. Tồn đề nghị cấp-tiến chiếm lấy đèo núi *Tam điệp* (đèo *Ba-dội*). « Thái đồng ý ; lập tức chỉnh quân, đang đêm gấp rút tiến. Rạng ngày qua sông *Gián khầu* thì nghe tin quân *Nhậm* đã vượt qua núi *Tam điệp* và, và *Lân* đã đem quân tuyên-phong đi trước đóng đồn ở *Đa mai* cách đồn Thái chỉ hơn vài dặm mà thôi. Thái vỗ ngực kêu to, rồi quay trở lại bên kia sông bày trận thế đề-đợi. Giặc tới, chia đường ra đánh. Quân Thái chơ vơ, không có viện. Hết sức đánh từ sáng đến trưa ; tên đạn đều hết. Quân ở trước cầm ngược giáo mà hàng giặc. Thái liệu chừng không làm gì được, cùng với thuộc hạ vài nghìn, phi ngựa chạy lùi về bắc. Binh giặc đuổi, bắn giết hết sạch. *Ninh Tồn* chạy trốn vào nhà dân được khỏi chết ».

Theo lời trên, trận đại chiến xảy ra ở *Gián-khâu*, và hình như Thái bị chết. Tuy rằng sách ấy không nói rõ ràng rằng Thái bị giết, nhưng chỉ nói một mình *Ninh Tồn* khỏi chết, thì hàm ý Thái bị chết. Nhưng theo LQKS. trận đánh ở *Điền-xá* và Thái trốn thoát ; sau này lại đem quân đánh *Lây Sơn* rồi bị bắt. Một nguồn tin khác cho hay rằng sau đó lâu, Thái bị chém ở *Thăng Long*. Và chẳng HLNTC không hề nói đến tướng tiên-phong của *Nhậm* là *Quỳnh-rợc*. mà lại nói đến *Ngô Văn-Sở* trong trận *Lãng-phong* đánh *Duật*. đến *Phan Văn-Lân* trong trận này. Nhưng có phần chắc rằng hai tướng ấy được Huệ phái ra sau khi *Nhậm* đã chiếm *Thăng-long* (xem sau).

Sau đây là lời LQKS kể sự Như-Thái bại trận ở vùng này, lợi xét ra đáng tin hơn cả ;

« Thái đến Gián-khâu, nghe quân giặc đã ra quá đồn Cồ-du. Bèn khiến biệt tướng giữ đường cái qua đò *Gián-khâu* ; tự dẫn đại-đội binh mã theo đường phía trên núi kéo ra đò *Nghệ*, muốn đi vành sau lưng giặc mà đánh. Tướng giặc là *Quỳnh ngọc-hầu* không đi theo đường chính mà lại dẫn quân đi thẳng tới đò *Nghệ*. Hai quân gặp nhau ở *Điêm-xá*. *Tur Trung-Hầu* (Nguyễn Ngọc-Hoãn) cầm đầu tiến bộ tiến lên quyết đánh. Tiền-đội giặc khá núng. Bọn *Tur* dẫn thủ-hạ khinh binh đuổi theo. Các tướng đều bỏ rời rạc trận thế. Giành nhau đuổi giặc, khiến đội-ngũ mình không thành hình nữa. Đại-đội *Quỳnh* ập tới, thế mạnh như nước đổ xuống. Bọn *Tur* liền chết cuống. Nhưng chiến-lược không đang nổi. *Tái-Vũ*, *Triệu-Vũ* thân bị hơn mười lát gươm chém, và tinh binh đều mất hết. Một mình *Tur Trung* trốn được khỏi chết. Giặc thừa thế xông tới giết. Quân Thái vỡ to. Thái chạy trốn về *Gián-khâu* ; rồi ban đêm đem tàn quân trốn đi.

Xét bản-đồ địa-phương, thấy địa-hình rất gần với chiến-sự kể trên. Ta nhận thấy rằng quân *Nhậm* đi đường bộ qua đèo *Ba-dội* (cách đèo *Đồng-giao* mà ngày nay đường sắt và xa-lộ qua, chừng bốn cây số về phía đông) theo đường cái nhắm trấn *Vân-sàng* (tức *Thanh-hoa* ngoại trấn, cũng là tỉnh-lỵ *Ninh-bình* ngày sau). Tiền quân do *Đặng Giản* quản chiếm đồn *Cồ-du* (sau là trạm *Ninh-du* ở làng *Nhân-lí*, cách phía nam *Vân-sàng* chừng nửa buổi đường (mười hai cây-số). Bấy giờ, *Như-Thái* từ *Thăng-long* xuống cũng vừa tới đò *Gián-khâu*, trên đường cái quan, cách *Vân-sàng* về phía bắc cũng chừng nửa buổi đường. Dọc mé tây quan-lộ có nhiều núi đá lộ nhỏ. Xen giữa đá có nhiều lối xuyên sơn. Cả hai tướng đối địch đều có ý theo đường núi ấy mà đánh vào lưng địch. Cho nên hai quân đã đụng nhau bên bến đò *Nghệ* thuộc làng *Điêm-xá* trên sông *Hoàng-long*, cách đò *Gián-khâu* chừng sáu cây số. Có lẽ tướng tiên-phong của Thái là *Nguyễn Trọng-Hoãn* (*Tur-trung*) trúng kế giả thua của địch cho nên bị phục binh đánh tan. Thái chạy về *Gián-khâu*. Những sự kiện kể trong *HLNTC* có thể chấp vào đây, và ta có thể hiểu như sau : trong khi tiền-bộ *Tây-sơn* đi vòng về phía tây, cánh khác vẫn tiến theo chính-lộ. Khi Thái chạy về *Gián-khâu*, cánh ấy đã tiến tới *Đa-mai*, ngày nay là *La-mai*, chỉ cách đò *Gián-khâu* chừng ba cây-số ở phía nam. Thái muốn cầm cự với số quân còn lại ở bờ bắc đò *Gián-khâu*, nhưng quân tan rã. Thái và *Ninh Tồn* đều chạy thoát. *SKTB* chép rằng Thái chạy về

huyện *Sơn minh*, tức là *Sơn-lãng* về sau, thuộc phủ *Ứng-hòa*, ở phía tây-nam thành *Thăng-long*. LQKS cho biết rõ hơn : « Thái chạy về làng *Cò-đẽ*, rồi chiêu-tập dân-binh dọc núi các huyện *Hoài-an* và *Chương-đức*. Cuối năm, Thái dẫn dư-chúng và quân mới mộ tiến đến chợ *Vân-đình* ở *Ứng-thiên* (*Ứng-hòa* ngày sau). *Văn-Nhậm* sai tướng đón đánh. Quân Thái ô-hợp, mới nghe giặc tới đã tan. Một mình Thái đánh, bị bắt-giải về *Thăng-long*. *Nhậm* giết đi ». Điềm cuối này sai. *Nhậm* chỉ giam Thái ở *Thăng-long*. Theo bài *Nhật-kí* của *Giáo-hội* đã dẫn, thì năm sau, sau khi *Bình-vương* ra *Thăng-long* giết *Vũ Văn-Nhậm*, cũng giết luôn cả Thái. Lời *Đặng Phương-Nghi* đã dịch như sau (S.Đ. 9/10 trang 205) :

« Ngày 10 tháng 5 (năm 1788, mồng 5 tháng 4 *Mậu-thân*), một ngày trước lễ *Thánh-linh* giáng-lâm, một vị quan *Bắc-hà* tên là *Lê Thái* và (là ?) anh (hay em) rề *Cống Chính* bị quân của *Tiết-chế* bắt từ trước và bị giam-giữ tại *Hoàng-thành*, cũng bị *Bắc-vương* ra lệnh xử trảm... » Có phần chắc rằng *Lê Thái* này là *Nguyễn Như-Thái*. *Nguyễn Như Thái* là dòng-dõi *Nguyễn Xí* một công-thần giúp *Lê Lợi* đuổi quân *Minh*, sau lại trừ *Nghi-Dân*, lập *Thánh-tông* giữ chức *hữu-trưởng-quốc*, được ban họ *Lê* (quốc-tính ; họ vua). Có lẽ vì vậy mà *Như-Thái* được gọi là *Lê Thái* chăng ? SKTB lại chép *Triệu Như-Thái* ở hai chỗ. Thái cũng là em rề *Chính*.

Đó là việc năm tháng sau. Còn bây giờ Thái vừa thua ở trận *Điềm-xá* và *Gián-khâu*, mà sử thường gọi là trận *Trường-yên*, tức là tên cũ phủ *Yên-khánh*. Trận ấy xảy vào ngày nào. Ta đã thấy trận *Trình-giang* hoặc *Lãng-phong* ở *Thanh-hoa* xảy ra vào ngày 18 tháng 11, và sẽ thấy rằng sau trận *Trường-yên* có trận *Thanh-quyết* vào ngày 30 tháng ấy. Từ *Lãng phong*, đến *Gián-khâu*, tuy có núi, nhưng không có quân địch, vậy quân *Tây-sơn* tiến chỉ mất ba bốn ngày là nhiều. Ta có thể ước rằng trận *Trường-yên* xảy ra vào khoảng giữa hạ-tuần tháng 11 năm *Đinh-mùi*, là ngày đầu năm 1788.

Tin bại trận về đến *Thăng-long*. *Triều-đình*, nhân-dân đều nao núng. HLNTC hồi 10 ghi lại nhiều chi-tiết :

« *Vũ Văn-Nhậm* thắng trận rồi liền dẫn quân tiến lên. Tin báo đến *Chính* đang ăn cơm, hốt-hoảng vút đũa, đứng dậy, vào nhà trong, kịp gọi *Hữu-Du* tới, bảo rằng : « *Chiến-trưởng* ta chỉ có bốn người. *Duyệt*, *Thái* không may đã chết (chắc tin lầm ấy đã loan báo bấy

giờ). *Tuyền ở Sơn-nam, Thuốc ở Kinh-bắc*, gọi thì không kịp. Thế rất gấp. Ta không thể không tự cầm quân. Con nên soạn sửa đầy-đủ binh và khí-giới, sẽ đi cùng ta. Cha con một lòng thì ngô hầu nên việc...»

HLNTC chép tường-tận lời đáp của Du, lời vợ lẽ Chính xin đi theo chồng, lời Chính gạt đi, lời Chiêu-thống dụ Chính khi trao tiết-việt ở điện Càn-chánh, lời Chính tự trấn-áp, nói huênh-hoang để làm yên lòng vua và mình. Tuy tiêu-thuyết-hóa một phần, nhưng sự kiện và tâm-lí chắc đúng. Ví-dụ theo lời vợ lẽ Chính thì « Trăm quan triều-đình đều đưa vợ con đi trốn. Trong các công-thự đài tỉnh đều trống không ».

LQKS cũng chép : « Sau khi Thái bị thua, trong ngoài chấn-động. Chính hoàng-hốt xin với Tự-hoàng tự cầm quân đánh giặc. Bèn phát hết quân đóng ở Thăng-long. Các hoàng-thân và các biệt tướng đều đặt lệ-thuộc Chính. Quân-số có hơn ba vạn.»

SKTB và NAC đứng lập-trường sử-quan đều chép : vua sai Chính «tổng-thống thiên-hạ binh mã, trao tiết việt, sai ra quân đánh giặc». HLNTC thêm rằng : «Chính lạy từ giã vua. Vua tiễn ra đến cửa Đoan-môn ; sắc cho hoàng-thân và trăm quan tiễn ra đến Giao (tức là đàn Nam-giao ở mé nam Thăng-long).» Các kí-tài ấy tuy chép nhiều chi-tiết, nhưng không hề cho biết thời-điểm rõ-ràng. Trái lại, giám-mục Veren trong *Nhật-kí Giáo-hội* cho hay rằng Chính lên đường vào ngày 4 hoặc 5 tháng giêng 1788, tức vào ngày 27, hoặc 28 tháng 11 năm Đinh-mùi. Bài ấy mà ta sẽ trở tắt bằng NKGH, lại cho biết thêm một chuyện về sự xuất quân này : «Cống Chính phải bắt buộc đi thân chỉ-huy đội ngũ còn lại, và cấp-tốc rời thủ-đô để chặn đường và tấn công địch. Trong khi đó, một hoàng-thân (cậu hay chú bác vua Lê Chiêu-thống) trước đã được cử đi dẹp giặc và đã gây hoang-mang trong dân-cư Kinh-đô vì đã đào-tàu về một cách quá vội-vã. Cống Chính tức giận, muốn trừng-trị nghiêm khắc người này để làm gương và cảnh-cáo các quan và binh lính dưới quyền ông. Vì vậy ông tâu rằng ông chỉ nhận trách-nhiệm điều khiển cuộc chinh-phạt quyết-định sự thành bại của đất nước, nếu thỏa điều-kiện phải bêu đầu ông hoàng kia để tỏ hành-vi hèn-nhát của y,.. Sau đó, vào ngày mồng 4 (hoặc 5 gi) đó) tháng giêng, Cống Chính lên đường.

«Theo nhiều lời đồn thì ông bị ám-ảnh bởi điều gở mà ông đã nhận thấy sau khi xem xét các tinh-tú (vì ông ta am-hiếu cặn-kẻ chiêm-tinh thuật)...» (S.Đ số 9/10 trang 199)

Điều-kiện Chính đã đặt ra trước lúc xuất-quân không trái với thuyết tự mình xin cầm quân, chứ không vì vua ép khiến. Một nhân-vật như Chính, tuy xảo, nhưng không phải là hèn. Những sự tin số-mệnh tiền-định, làm cho những điếm cát hung chi-phối thì có thật. Điều ấy chung cho hầu hết các người xưa nay, nhất là những kẻ ra trận. Về việc này, NKGH khẳng định lời chép của HLNTC như sau :

«Quân Chính đến *Hoàng-mai* (kề phía nam *Thăng-long*, cách chừng bốn cây-số), sai *Hữu-Du* (con) lĩnh quân cơ *Ngũ-súng*, đi trước, *Du* đến sông *Thanh-quyết*, đắp lũy đất dọc bờ bắc sông; chia quân đóng đồn cố-thủ... Chính đi đến làng *Bình-vọng* tạm nghỉ (trên quan-lộ cách *Thăng-long* chừng 17 cây-số). Thình-linh thấy gió nồm hây hây. Một đám mây đen, từ tây-nam giăng ngang trời tlay lại. Chính ngồi trong kiệu, (bản tôi dùng viết *kiệu trung*, chắc nguyên là *kiệu trung*), mở sách bói được quẻ nói rằng : *quốc hữu đại địch, nguyên nhưng bại tích* (nước có địch mạnh, tướng cầm quân hỏng việc). Ý Chính buồn rầu. Trong khi trầm tư, xảy có một con ong đồ điên vo vo bay tới, đuôi đốt vào bên cổ Chính. Bất ngờ, Chính kinh sợ, ngã xuống. Càng nghỉ thấy các điếm đều xấu, bởi hỏi không muốn tiến quân. Vừa lúc ấy, được tin mặt trận *Thanh-quyết* đã bị vỡ và con Chính đã bị thua to.»

*Thanh-quyết* là một làng phía bắc đò *Gián-khầu*, cạnh quan-lộ đi *Thăng-long* và ở phía nam đò *Đoan-vĩ*. Khúc sông *Đáy* chảy từ *Đoan-vĩ* đến *Gián-khầu* gọi là sông *Thanh-quyết*, chảy dọc phía đông làng. Quân Tây-sơn qua đò *Gián-khầu*, đánh *Nguyễn Như-Thái*, rồi định thẳng lên đò qua đò *Đoan-vĩ*, cách *Thăng-long* chừng 80 cây-số, nghĩa là ba bốn ngày đường đi *cát-hành*. Vì vậy tàn-quân của *Thái* còn chống được bên hữu-ngạn (bờ đông) sông *Thanh-quyết*. Ngày 26, Chính sai con là *Hữu-Du* tiến gấp xuống đó tiếp viện. Hai nguồn tin sớm nhất đều có cho biết một ít tiêu-tiết, LQKS và HLNTC, ghi những chuyện khác nhau nhiều. HLNTC sau khi chép sự *Hữu-Du* tới sông *Thanh-quyết*, đắp lũy đất dọc bờ bắc sông, chia quân đóng đồn cố thủ, thì chép nối rằng :

«Bấy giờ khí trời rét giá. Quân-sĩ đêm đóng ngoài trời ; tụ ba tụ năm, đốt lửa ngồi chung quanh sưởi. Lính tuần địch nhờ ánh lửa, từ xa trông thấy, trở về báo. *Văn-Nhậm* sai chia quân cưỡi bè thẳng qua đò đổ bộ ở bến, ngầm xuyên rào chia súng bắn, nhằm chỗ lửa làm đích. Không phát nào không trúng. Quân trong lũy kinh loạn.

Du thu quân rút lui về giữ *Châu-cầu* (Phủ Lý ngày sau) ; quân mười phần còn hai, ba, không dám nghênh chiến, cũng không dám chạy về. Khi lui khi dừng để đợi hậu-quân (tới viện)...»

Ta nên nhớ rằng theo HUNTC, Hữu-Chính đóng ở Bình-vọng, còn cách *Châu-cầu* về phía Bắc chừng bốn mươi cây-số ; nhưng lời chép ấy không chắc như ta sẽ thấy chứng ở sau.

Trái lại LQKS ám nhận rằng Chính cầm quân gần mặt trận hơn. Và những chi-tiết ghi trong sách ấy cũng hợp lí hơn và được chứng thứ ba, Bùi Dương-Lịch khẳng định một phần. Lời chép trong LQKS như sau :

«. Quân-số có hơn ba vạn, đem đóng ở đò Thanh-quyết. Nấp sau sông, hạ hơn mười trại. Và sai con mình là *Bái-đình hầu* đem thuyền quân hơn 50 chiếc, chở hết đại-bác, hỏa-khí, tiền, lương, chiến-cụ khác, đưa hết thủy thuận dòng xuống đóng ở cửa sông Thanh-quyết (chỗ giáp-lưu với sông Gián-khâu).

«*Bái-đình hầu* cầm thủy-quân tiến đến bờ bắc sông Thanh-quyết, cùng giặc đối nhau, cách một con sông *Bái-đình* không cho mũi thuyền quay về giặc và không nghiêm trận đề phòng giữ ; lại cho ghé thuyền tự vào bờ đậu, và hoàn toàn không thiết bị. Tướng giặc là *Quinh-ngọc* nhìn thấy thế. Đêm sai người bơi qua sông, lấy thừng dài ngậm buộc vào bánh lái thuyền mà kéo qua bờ nam. Quân trong thuyền tỉnh dậy, kinh hãi, không hiểu lí-do ra sao ; bèn tan rã, tranh nhau bỏ thuyền, nhảy xuống nước bơi vào bờ.

«*Vì vậy, thủy quân mất sạch. Hơn 50 chiến-thuyền đều bị giặc chiếm. Chính bàn với các tướng rằng : « Thủy-quân ta không đề-phòng. Chiến-thuyền, quân-tư đều cung cho giặc. Ngày mai, quân ta lấy gì mà đánh. Chẳng bằng lui quân về Châu-cầu để giữ ở đó ».* Trong đêm, Chính truyền lệnh giống trống thu quân. Bấy giờ toàn quân đều kinh sợ. Ai nấy tự tan, tranh xéo nhau chạy trốn, bỏ hết qua giáp đầy khắp đàng sá. Chính và con là *Bái-đình hầu* đem thân-quân mấy trăm người chạy về Thăng-long. Rạng ngày, giặc mới biết, bèn sắp-sửa quân, qua sông mà tiến.»

Sự-kiện độc-đáo quân Tây-sơn ngậm kéo thuyền của Chính về bờ nam được khẳng nhận trong NAK. Sách này lại cho biết ngày xảy ra việc ấy: *Bùi Dương-Lịch* chép : «*Như-Thái* đến Trường-yên, đánh bị

thua. Quân Tây-sơn đến Sơn-nam Vua bảo Chính tự cầm quân chống lại ở *Sanh-quyết* (có lẽ là tên cũ làng Thanh-quyết). Ngày 30 tháng 11, nhân đêm tối, quân Tây-sơn lặn qua sông, ngầm lấy dây buộc vào thuyền quan-quân kéo sang bờ nam, Quan-quân kinh-loạn, bèn tan» (NAK quyển 2 trang 85b)

NKGH tuy không cho biết gì đến trận Thanh-quyết, nhưng có chép phỏng chừng ngày Chinh chạy về Thăng-long. Rằng : «Và lại Chinh cũng biết rằng mình không được lòng quân-sĩ. Quả-nhiên, khi ông ra đến mặt trận, ông nhận thấy rằng quân-đội của ông chỉ chực đảo-ngũ, hay chưa đánh đã muốn hàng Tây-sơn. Trong tình-trạng hiềm-nghèo đó, vì ông sợ rơi vào tay Tiết-chế (Nhậm), ông đành rút lui một cách kín đáo trong đêm mùng 6 sang mùng 7 tháng giêng (1788, đêm 29 sang 30 tháng 11 năm Đinh-mùi) để trở về hoàng-thành...»

Nếu đem so-sánh các nguồn tin, thì trong trận Thanh-quyết có hai đặc-điểm được mách : quân Tây-sơn lấy bè qua sông rồi bắn vào các chỗ có đốt lửa (HLNTC) và lợi sông qua buộc dây vào bánh lái thuyền quan-quân mà kéo về bờ nam (LQKS). Như trên đã nói NAK khẳng-định tin kéo thuyền. Còn TSTL (S.Đ. 9/10 trang 157, Tạ Quang-Phát dịch) hình như tung-hợp cả hai điều. Lời rằng :

«Triều-đình được tin báo. Đầu tiên, trên khúc sông gần khe Vân-sàng, bày chiến-thuyền và súng đề chuẩn-bị. Đặng Giản (Quỳnh-ngọc) giả vờ không dám tiến lên, chỉ ven theo bờ sông (nguyên lời dịch là *bờ biển*, ấy lằm) ngày đêm giương cờ giống trống. Quan triều-đình thấy thế khinh-dễ. Đặng Giản mới ra lệnh cho chặt cây ở rừng ven sông, ném xuống sông cho ngăn giòng nước. Lại lén sai những người lợi giỏi, nhân đêm bơi theo những bè gỗ ấy mà qua sông ; rình cho quân triều-đình ngủ say mới kéo hết các thuyền về phía nam (nguyên dịch *phía bắc*. Có lẽ đó là chữ *bắc* (đọc *Bối* nghĩa ra trở lui về phía mình). Trong đồn Tây-sơn lại nổ súng bắn vào quân triều-đình; Quân triều-đình tan vỡ mà chạy trốn.»

Tôi nhận thấy rằng có thể dung-hòa các nguồn và hiểu sự biến-chuyển trận này như sau :

*Sau trận Lãng-phong ở Thanh-hoa, ngày 18 tháng 11, Văn-Nhậm đem bộ-binh tiến theo quan-lộ, qua đèo Ba-đội, tiến về đò Giản (Giản-khâu). Nguyễn Như-Thái đem quân triều giữ bờ bắc đò này. Thái và tướng tiên-phong dịch Quỳnh-ngọc đều có ý đi vành về phía tây đò qua sông ấy tại đò*

Nghê (Điền-xá) đề tập hậu địch. Vì thế mới có cuộc đại chiến ở Điền-xá vào khoảng 23, 24 tháng 11. Thái bị thua nặng, chạy về Gián-khẩu, giữ bờ bắc. Nhưng quân Nhậm tiến theo chính-lộ cũng đã tới gần đó. Địch tấn công, quân Thái chết hoặc chạy. Thái chạy về vùng phủ Ứng-thiên. Nhưng hình như quân Nhậm không qua sông Đáy dễ-dàng vì không có thủy-binh, và quân Chính cũng đã gấp đến cứu-viện. Hữu-Du cầm tiền-quân cứu-viện tới đây đắp lũy dọc hữu-ngạn sông Đáy trên địa-phận những làng Thanh-quyết và Đoan-vĩ, Địa-bàn ở chỗ này thật là một yếu-điểm tiền-tuyến cho sự phòng thủ phía nam Thăng-long vì đường chính-lộ cũng là độc đạo, phải qua đò Đoan-vĩ là nơi bên trái thì núi đá sát sông dựng thành bức trượng-thành, phía phải thì nếu có qua được sông Thanh-quyết cũng mắc đồng sâu, không đường sá. Vây trong cuối tháng 11, quân Tây-sơn bị nghẽn trận khoảng năm cây-số từ đò Gián-khẩu đến đò Đoan-vĩ

Trong trường-hợp ấy, Hữu-Chính thân-hành đốc-chiến, rời Thăng-long vào ngày 27, 28 tháng 11 ; có lẽ đóng đại bản-doanh ở Châu-cầu, cách Thanh-quyết nửa ngày đường (20 cây-số) và hai con sông. Chính sai con đem 50 chiến-thuyền chở súng đạn xuôi sông Đáy. Biết địch không có thuyền, nên sai Du lượn trước mặt địch ở Thanh-quyết mà không đến cửa sông Gián-khẩu để hông đánh tập-hậu địch. Qua nửa đêm tới 29 tháng 11, đêm không trăng, quân Nhậm hoặc cưỡi bè, hoặc bơi lặn với những cây gỗ đã được thả sông, để qua hữu-ngạn buộc thừng vào bánh lái thuyền địch rồi kéo về bờ mình. Quỳnh-ngọc lại sai quân bắn vào các đồn quân Du, nhằm những chỗ đốt lửa mà bắn. Hai chiến-thuật ấy làm quân Du khủng-hoảng mà tan rã. Du chạy về Châu-cầu, rồi cùng Chính chạy về Thăng-long trong ngày 30 tháng 11. Tướng-sĩ đều tan, lính trốn hết

Ngô Thì-Du kể chuyện rằng sau khi rời kinh-thành đi đến Bình-vọng, Chính thấy toàn những điềm gở, lại bói được quẻ xấu nên do-dự. Đúng lúc ấy, quân Du thua chạy về đó, bảo : «Quân ta thua rồi, quân giặc đuổi sắp đến nơi.» Chính thần-sắc rã-rời, phiền lụi đều khó. Tướng-sĩ dưới chỉ-huy cũng đều hết vía, tranh nhau bảo : «(Thò giặc rất mạnh, chưa thể đánh được. Kinh-thành quân ít, khó lòng giữ nổi. Chi bằng rút về giữ Kinh-bắc, lấy Nhi-hà làm ranh mà cố giữ. Rồi sau sẽ tính cách đánh lấy. Như thế là tiện.)

« Chính nghe theo. Một chốc, Du đến nơi. Chính liền ra lệnh cho quân về Kinh. Tới đến, vừa vào thành. Chính gọi viên tham-trị chính-sự Nguyễn Khuê, bảo y vào tâu xin vua ngày mai

sẽ đi sang Kinh-bắc (Bắc-ninh). Chính bèn về thẳng nhà mình là *Lãng-phủ* (ở phía cửa Nam thành), gói ghém hành-lí ; bảo người trước hết đưa vợ con gia-thuộc qua sông. Vệ-sĩ thuộ: cơ Kim-ngô (cảnh-sát) biết chuyện, cấp-tốc chạy vào điện tâu rằng : « Gia-quyển Bằng-công đã đi rồi ».

« Vua lật-đật đi tới nhà Chính. Chính đang chạy chằng-văng ngoài sân trên thềm dận-dò những người sắp đi. Vua cầm lấy tay Chính mà hỏi : « Sự thế như vậy rồi sẽ làm sao ? »

« Thấy vua, Chính xấu-hổ, hoảng sợ, lật-đật lay tạ rằng : « Bệ-hạ đã giao nước cho tôi. Tôi không xứng với chức đã làm hỏng việc nước. Tôi chẳng dám từ. Hai phía Tây và Nam Kinh-đô thì không thể còn mong tựa. Mà thành chưa đắp. h'ò chưa đào. Chỉ trông cửa ô mà thôi. Giặc thừa thắng, đuổi dài, không có phen giậu gì ngăn lại. Đánh thì không thắng, giữ thì không chắc. Sẽ nhờ gì mà tự toàn ? Nay bệ-hạ nên dời lên phía Bắc để tính việc dấy binh sau này. Giặc từ xa tới mệt nhọc. Lại có sông lớn cản trở, chắc không dám đuổi theo. Trong khoảng mười lăm ngày, ta được khá ứng-dụng mà mưu tính đường xa thì há lại không có cơ-hội khôi-phục tốt chăng ? Bệ-hạ hãy về cung tâu cùng Thái-hậu, xin đưa ngài đi trước. Tôi sẽ thân đưa linh, voi đội ở bến sông ».

« Chính nói xong, lại ngoảnh nhìn bên trái bên phải rồi đi. Vua lập-tức dời bước chạy về. Qua trên đàng cái, thấy dâa-chúng dật-dứu nhau chạy. Những bọn phi-pháp nhâu loạn cướp bóc. Tiếng hô hoán nghe khắp. Có một người chặn vua lại, mò nắn thắt lưng, không thấy gì bên bỏ đi. Vua cấp-tốc chạy về phía cửa *Chu-Tước*, rồi vào cửa *Thiên-môn* ở nhà *Tả-khúc*. Nghe Hoàng Thái-hậu và các phi tần đang tìm vua mà không thấy, luôn luôn kêu hỏi : « Nhà Vua ở đâu ? » Vua gấp trả lời : « ở đây, ở đây ! ». Vua lập-tức triệu quân thị-hộ, thì chỉ được 17, 18 người. Còn dư đều đã chạy trốn, không tới. Quân ấy gấp lấy đòn tre khiêng Hoàng Thái-hậu và Nguyên-tử (con đầu vua chưa lập làm thái-tử) mà đi. Tôn-thật và bà phi-tần và vua đều đi bộ. Đồ ngự-dụng chỉ khiêng đi được bốn hòm. Còn dư bỏ lại trong điện. Những nội-thị có kẻ mang riêng những y trang bảo bối cũng đều bỏ vứt dọc đường. Đến sông, tranh nhau lên thuyền. Không kể ai quí ai tiện, ai khỏe thì qua đò trước. Dày xéo nhau trên

bãi cát ; có kẻ ngã bị dẫm chết. Thuyền đại-trạo (lớn) không kịp tới Có thuyền chở nặng quá bị chìm, tiếng kêu khóc rậy cả trời đất... » (HLNTC, Hồi 1').

Chuyện kể trên có tính-cách độc-đáo là linh-hoạt hình như được một người hoặc đã chứng-kiến kể lại, hoặc kể lại những lời đồn-đãi lúc bấy giờ. Nhưng sau này ta sẽ thấy rằng sự Vua từ doanh Hữu-Chính trở về cung có phần không thật.

Một chuyện đồn trong đại-chúng đã được ghi bởi giám-mục Veren (NKGH) : người ta kể rằng khi Chính về tới Thăng-long, vừa thấy vua thì liền kêu lên rằng : « Bời ơi là B'ời ơi ! Nhà Lê đã mất rồi ! » ; rồi ông cầm lấy tay nhà vua (so với chuyện vua cầm tay Chính trong HLNTC). Cả hai vừa khóc vừa xuống một chiếc thuyền chở họ đi ẩn tại xứ Bắc. » (Đặng Phương-Nghi đã dẫn.— Bời = Trời).

Nguyễn Bảo trong LQKS cũng ghi chuyện Chính cầm tay vua mà khóc như sau ;

« Chính về đến Thăng-long, cùng Tự-hoàng bàn chuyện đi tránh giặc. Tự-hoàng muốn đi Sơn-tây (có dự bị ở đó trước, sẽ thấy sau). Chính sợ con Thạc-vũ công (Hoàng Phùng-Gia đã theo Vũ Văn-Nhậm) nhân dịp báo thù. Và Chính tin cậy vào trấn-thủ Kinh-bắc, Thước-trung hầu (Nguyễn Cảnh-Thước) là một tay chân tâm phúc của mình, đề khi hoãn cấp có thể mượn nhờ sức ý. Chính bèn xin Tự-hoàng đi Kinh-bắc. Tự-hoàng bèn sai hoàng đệ, Lê Duy-Lưu, dẫn binh, đưa Hoàng Thái-hậu và cung-quyển đi trước.

« Tự-hoàng cưỡi voi, thân đón nhà Chính ở. Chính qui đón, cầm tay Tự-hoàng mà khóc. Tự-hoàng cũng khóc. Tàng thần không ai cầm nổi nước mắt. Rồi Tự-hoàng cùng Chính đều ra đi. Đến khi qua sông Nhị, triều-thần tàng giá nhiều kẻ đi không kịp, đều tự chạy tan-tác. Chỉ còn vài chục viên nội-thị, thân-thần và tướng hiệu thuộc đạo Vũ-thành, và vài nghìn người tòng-binh theo lên Bắc ».

Ta nên đề ý đến sự phù-hợp hai nguồn tin cuối. Trái lại, những chi-tiết tỉ-mỉ ở HLTNC không hoàn-toàn hợp với LQKS. Ví dụ a theo LQKS, vua Chiêu-thống cưỡi voi tới nhà Chính rồi cùng Chính đi ra bờ sông. Còn HLNTC lại nói vua đi bộ trở về cung, có

lẽ một mình, vì có kẻ chặn vua lại đề chức cướp Tuy LQKS chép vắn-tắt, vì theo phép chép sử, nhưng những điều được chép phần nhiều đáng tin. Trong việc này ta còn có một nguồn tin đặc-biệt của một người đã dựa vào biển-cổ và đã mục-kích những sự được ghi. Người chứng ấy là Bùi Dương-Lịch.

*Bùi Dương-Lịch*, người xã Yên-tuyền huyện La-son, con của một viên tri-phủ. Năm 17 tuổi đã đậu hương-cống (1774), rồi ra Thăng-long du-học, thường làm môn-khách của những viên chức đồng-quận làm việc ở Kinh. Trong các biển-cổ bỏ Trịnh Cán lập Trịnh Tông, Dương-Lịch cũng có phụ-họa phần nào. Nhưng phải đợi đến khi Chính cầm quyền thì mới được bổ chức viên-ngoại, làm nội-hàn cung-phụng sứ, trực-tiếp luôn với vua để giúp việc từ-hàn, và được vua yêu mến. Tháng 10 năm ấy (Đinh-mùi 1787), tuy Vũ Văn-Nhậm đã đóng binh ở xứ nhà, nhưng Chính vẫn mở khoa thi hội. Dương-Lịch đậu hội-nguyên. Bấy giờ mới 30 tuổi. Trong sách NAK, Dương-Lịch kể chuyện thi như sau : « Tháng ấy (tháng 10), thi hội ở bãi cát Trung-sa. Vua ngự ở cung Tây-long (bờ sông Nhị gần phố Tràng-tiền) phát đầu đề về văn-sách xong, thì tinh-cờ viết bảy chữ *Trúng hạng nhất danh Bùi Dương-Lịch* trên tờ giấy. Đến khi bộ Lễ đưa bảng cho vua xem thì quả nhiên Lịch đã đậu. (1) Tháng 11, thi đình, Dương-Lịch đậu đình-nguyên, Hoàng-giáp. Khi vào lạy, vua đem tờ giấy có ngự-bút cho xem và cho 30 quan tiền để thết cau trầu các khách tới mừng. Gặp lúc bấy giờ mẹ Lịch, trước ngày rằm (tháng 10) đã từ Nghệ-an tới Kinh lánh nạn, cùng Lịch tới Quảng-văn đình xem bảng..» (NAK quyển 2 trang 84a)

Về từ việc bại trận ở Thanh-quyết đến việc vua bỏ Kinh-đô, Dương-Lịch chép (trang 85b) :

« Ngày 30 tháng 11, quân Tây-son lặn qua sông, ngầm lấy dây buộc vào thuyền quan-quân kéo sang bờ nam. Quan-quân kinh loạn bèn tan. Vua nghe tin, bèn nên chạy về phía tây, rồi theo đường thượng-du về Thanh-hoa. Vua bèn sai Lịch làm chỉ-thư giao trạm báo cho trấn-thủ Sơn-tây là ông hoàng nhi-thất *Duy Thiệu* đem binh

(1) Đây là một chứng sự đời xưa Vua thường không can-thiệp trực-tiếp vào sự chấm quyền và chọn trúng-cử,

ngheh giá. Bấy giờ, mẹ Lịch ở trong thành. Lịch chỉ sai người thưa kín rằng cố ở yên, chứ không dám về nhà thân cáo.

«*Nửa đêm* (30 tháng 11), Chính từ Sinh-quyết về (chứ không phải từ Bình-vọng về như HLNTC chép). *Vua sai gọi*, đốc xúc ba bốn lần, Chính không vào, mà chỉ sai tham-tri chính-sự Nguyễn Khuê tâu xin Vua đi Kinh-bắc. Lại nói rằng : «Trần-thủ Kinh-bắc, *Nguyễn Cảnh-Thước*, có thể trông cậy được». Vua nghe lời. Bấy giờ đã canh năm. Vua bèn sai hoàng nhị-đệ hộ-vệ hoàng Thái-hậu, hoàng-tần, hoàng nguyên-tử đi qua sông trước, trái với lời HLNTC chép rằng vua từ doanh Chính trở về cung, lên tiếng trả lời gọi của Thái hậu, vân vân...)

Tờ mờ sáng, vua ngự tại điện Vạn-thọ. Lĩnh thị-vệ dần dần có đũa trốn đi. Triệu các quan chánh-thần, thi đều đã bỏ trốn đâu hết, không còn ai túc-trực nữa. Các bầy tội nội-thị cũng đều đã về nhà mình kiểm-thúc hành-lí. Chỉ có hoàng nhị-thân *Duy Đạt* coi vệ Hồ-bôn, ngoại-thích *Hân-trung bá*, viên tiến-triều mới người làng Hương-cần huyện Ki-hoa (Nghệ-an) là *Nguyễn-Giai* và *Lịch*, đứng hầu sắp xếp bưng hòm khăn áo để soạn sửa ra đi. Vua đi đến tầm miếu tiên-đế (Cảnh-hưng còn tang), khóc lạy. Lĩnh thị-vệ thỉnh-linh tan hết. Mọi người đưa mắt nhìn hỏi nhau, không biết tính làm ra sao.

«*Lịch* trước hết tâu rằng : «Nay tuy Chính đã bị thua mà lui binh, nhưng thủ-hạ còn nhiều. Nhân-tâm còn biết sợ Chính. Xin tuyên-bố lệnh đi tới nhà Chính, bảo Chính tùy giá, thì sau nhân-tâm mới ràng buộc được». Vua cho là phải ; bèn nói lớn rằng : «Nhà Vua đi doanh Bàng-công»

«Nhờ thế người ta mới dần dần nhóm lại. Các bầy tội nội-thị lục-tục đều vào. Vua *cuối voi* đi từ-từ, kẻ hộ-tùng có vài trăm người. Khi ra khỏi cửa điện, các lính cũ đều tan chạy về nhà, rồi cùng nhau ket cò trắng để đón giặc.

«Chính nghe vua đến, khóc lạy đón vua vào nhà ; mời vua ngồi ghé treo đặt giữa nhà. Các kẻ hộ-tùng mặc áo nhung, cầm gươm ngồi hầu. Vua dụ Chính đi theo vua, Chính xin cho con, tên *Hoảng* (tức là Hữu-Du, xem sau) cùng đi (mà thôi). Hoảng không chịu. Chính chân-chữ loanh-quanh ngó vào nhà trong. Gần đến giờ Ngọ. Bị áp giặc, Chính bèn chịu đi, và Hoảng cũng bắt-đắc-di đi theo.

«Vua đến bến sông, chỗ đình *Kiên-nghĩa*. Hơn mấy khắc sau, Chính mới tới. Bấy giờ quan-thuyền ở bến *Thạch-hãn* (Kè đá). Bèn

lấy thuyền buôn mà qua sông. Ngày mồng một tháng chạp chạy sang Kinh-bắc...»

Ta có thể tin hoàn-toàn vào chuyện thuật trên, vì thuật-giả cùng đi với Chiêu-thống, và một lần nữa nhận thấy rằng LQKS lượm tin chắc-chắn hơn HLNTC nhiều. Nhưng đọc NAK, ta nhận thấy rằng Bùi Dương-Lịch ậm chỉ một uẩn-khúc gì của Chính. Sao Chính lúc thua về, không vào trình Vua, sao Chính không muốn đi liền cùng Vua ? Thái-độ Chính loanh-quanh cứ nhìn vào nhà trong tỏ rằng Chính hoang-mang loạn thần mà thôi ? Ta phải biết rằng, theo lời NAK, thì Lịch không tra Chính. Trong đoạn chép quyền-thể mạnh của Chính (NAK quyền 2 trang 83a), Lịch có nói : «Bấy giờ, người quê Nghệ-an, chỉ có Lịch và hương-đống Lê Ban người làng Chung-cự huyện Nam-đường là không a-phụ Chính...» Con Chính tên Hoảng thấy trên, chắc còn có tên Hữu-Du mà các sách khác đều chép, vì theo NAK Hoảng sẽ bị chết trong trận cuối chống quân Nhậm, như Hữu-Du là tên được chép trong các sách khác.

(Còn tiếp)

---

**Tòa soạn ghi chú :**

Trong Sử-Địa số 21 tác-giả ghi-chú :

Sử Kí Tục Biên (SKTB), Lịch Triều Tạp Kí (LTTK); Lê Quý Kí Sĩ (LQKS), Lê Triều dã-sử LTDS, Lê mặt tiết nghĩa lục (LMTNL) Nghệ-an kí (NAK), Hoàng Lê Nhất Thống Chí (HLNTC).